BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140114** **Ngành: QUẢN LÍ GIÁO DỤC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA000304	Đỗ Thị Hoài Anh	Nữ	16-03-95	21038	21038	21038	21 09	2NT		5.25	5.75	4.25	15.25	16.50	
2	A	SPHA000316	Nguyễn Đức Hoạch	Nam	16-02-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		7.75	6.50	7.25	21.50	22.00	
3	A	SPHA000317	Phạm Thị Thanh Huế	Nữ	11-11-95	25059	25059	25059	25 08	2NT		5.75	5.00	8.00	18.75	20.00	
4	A	SPHA000321	Lại Ngọc Hương	Nữ	27-01-95	1A040	1A040	1A040	1A 11	3		5.00	5.00	7.00	17.00	17.00	
5	A	SPHA000325	Bùi Thị Kim Liên	Nữ	02-12-94	15001	15001	15001	15 08	2		6.50	3.50	6.75	16.75	17.50	
6	A	SPHA000326	Tô Thị Linh	Nữ	12-01-95	25055	25055	25055	25 07	2NT		4.75	7.25	6.50	18.50	19.50	
7	A	SPHA000327	Nguyễn Hải Ly	Nữ	24-02-95	1A080	1A080	1A080	1A 13	2		4.50	4.50	6.50	15.50	16.00	
8	A	SPHA000332	Hoàng Thị Thu Thảo	Nữ	17-05-95	05012	05012	05012	05 10	1	01	4.25	5.50	4.50	14.25	18.00	
9	A	SPHA000336	Nguyễn Xuân Thu	Nữ	18-02-95	1A147	1A147	1A147	1A 07	3		6.00	5.75	5.75	17.50	17.50	
10	A	SPHA000340	Nguyễn Thu Trang	Nữ	04-12-95	1A029	1A029	1A029	1A 05	3		6.50	2.50	7.25	16.25	16.50	
11	A	SPHA018404	Trần Thị Quỳnh Trang	Nữ	30-07-95	17001	17001	17001	17 01	2		5.50	6.00	5.00	16.50	17.00	
12	A	SPHA000343	Lê Ngọc Trâm	Nữ	21-01-95	1A029	1A029	1A029	1A 01	3		6.75	3.25	5.50	15.50	15.50	

Khối: C **Mã ngành: D140114** **Ngành: QUẢN LÍ GIÁO DỤC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC008323	Đỗ Thị Phương Anh	Nữ	22-11-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		6.00	2.50	6.50	15.00	16.00	
2	C	SPHC008325	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	12-12-95	1A035	1A035	1A035	1A 06	3		4.75	4.25	6.50	15.50	15.50	
3	C	SPHC008329	Đỗ Thị Thuỳ Dung	Nữ	05-06-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		6.50	2.00	8.00	16.50	17.50	
4	C	SPHC008332	Nguyễn Thị Như Dung	Nữ	03-11-95	23036	23036	23036	23 07	1	01	4.50	1.25	6.50	12.25	16.00	
5	C	SPHC008339	Lưu Thị Giang	Nữ	22-04-95	1B215	1B215	1B215	1B 23	2NT		8.25	5.75	5.50	19.50	20.50	
6	C	SPHC008348	Đinh Thị Hoàn	Nữ	15-03-95	13022	13022	13022	13 06	1	01	7.50	9.00	5.50	22.00	25.50	
7	C	SPHC008350	Kiều Thị Ngọc Hồng	Nữ	09-06-95	24032	24032	24032	24 03	1		5.75	5.50	7.50	18.75	20.50	
8	C	SPHC008354	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	10-07-95	21017	21017	21017	21 01	2		5.75	4.00	5.00	14.75	15.50	
9	C	SPHC008364	Nguyễn Thị Lợi	Nữ	18-06-94	19018	19018	19018	19 03	2NT		7.00	3.00	6.50	16.50	17.50	
10	C	SPHC008368	Đỗ Thị Thuý Ngà	Nữ	30-04-94	22012	22012	22012	22 01	2		5.75	2.00	7.00	14.75	15.50	
11	C	SPHC008369	Nguyễn Thị Ngà	Nữ	30-04-95	1B233	1B233	1B233	1B 26	2NT		6.75	2.25	6.50	15.50	16.50	
12	C	SPHC008384	Cò Thị Thảo	Nữ	05-08-94	08034	08034	08034	08 04	1	01	7.00	5.75	5.00	17.75	21.50	
13	C	SPHC008387	Hoàng Thị Thắm	Nữ	18-08-95	19011	19011	19011	19 07	2NT		5.50	4.75	5.00	15.25	16.50	
14	C	SPHC008388	Nghiêm Quang Thiều	Nam	30-08-95	1B243	1B243	1B243	1B 28	2NT	06	6.50	2.50	4.50	13.50	15.50	
15	C	SPHC008390	Hoàng Thị Thơ	Nữ	20-01-95	24063	24063	24063	24 06	2NT		7.00	3.75	5.50	16.25	17.50	
16	C	SPHC008396	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	Nữ	06-01-95	1A012	1A012	1A012	1A 08	3		6.00	5.25	5.00	16.25	16.50	

Khối: C **Mã ngành: D140114** **Ngành: QUẢN LÍ GIÁO DỤC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
17	C	SPHC008398	Nguyễn Thị Thu Toàn	Nữ	19-12-94	15052	15052	15052	15 11	1		6.25	3.00	7.00	16.25	18.00	
18	C	SPHC008405	Bùi Thị Tố Uyên	Nữ	02-05-95	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		6.50	6.50	5.50	18.50	19.50	
19	C	SPHC008408	Phạm Thị Hải Vân	Nữ	08-03-95	27062	27062	27062	27 06	1		6.50	3.75	5.00	15.25	17.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D140114** **Ngành: QUẢN LÍ GIÁO DỤC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD111984	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	20-05-94	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		5.00	7.75	5.00	17.75	19.00	
2	D1	SPHD111986	Phạm Thị Kim Cúc	Nữ	01-10-95	25016	25016	25016	25 01	2NT		5.00	3.75	5.50	14.25	15.50	
3	D1	SPHD111997	Đỗ Hồng Hạnh	Nữ	31-05-94	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		7.75	7.00	7.00	21.75	22.00	
4	D1	SPHD112002	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	30-08-95	18034	18034	18034	18 09	1		6.75	4.75	6.50	18.00	19.50	
5	D1	SPHD112004	Phùng Thị Hiền	Nữ	10-03-95	25027	25027	25027	25 04	2NT		5.25	3.00	6.00	14.25	15.50	
6	D1	SPHD112006	Nguyễn Phấn Ngọc Hoàn	Nữ	04-11-95	1B216	1B216	1B216	1A 11	2NT		6.75	5.50	6.00	18.25	19.50	
7	D1	SPHD112009	Trần Thị Huế	Nữ	26-09-95	19011	19011	19011	19 07	2NT		6.25	3.50	4.50	14.25	15.50	
8	D1	SPHD112011	Lê Ngọc Huyền	Nữ	07-10-94	17001	17001	17001	17 01	2		6.75	4.00	7.00	17.75	18.50	
9	D1	SPHD112027	Lê Quang Minh	Nam	18-05-95	1A036	1A036	1A036	1A 04	3		7.00	3.50	5.50	16.00	16.00	
10	D1	SPHD112030	Nguyễn Thị Nhiên	Nữ	21-01-95	25060	25060	25060	25 08	2NT		4.25	5.50	6.00	15.75	17.00	
11	D1	SPHD112035	Nguyễn Xuân Phúc	Nam	12-03-95	23015	23015	23015	23 01	1		7.00	4.00	4.00	15.00	16.50	
12	D1	SPHD112042	Đàm Nguyễn Hương Quỳnh	Nữ	06-11-95	1A011	1A011	1A011	1A 02	3		5.75	4.00	5.50	15.25	15.50	
13	D1	SPHD112043	Đoàn Thị Hương Quỳnh	Nữ	17-09-95	25004	25004	25004	25 01	2		7.00	7.50	3.50	18.00	18.50	
14	D1	SPHD112046	Đặng Thị Thảo	Nữ	19-08-95	22050	22050	22050	22 08	2NT		5.50	3.50	7.50	16.50	17.50	
15	D1	SPHD112049	Bùi Thị Thuỳ	Nữ	04-09-95	25034	25034	25034	25 05	2NT		7.00	2.25	7.00	16.25	17.50	
16	D1	SPHD112050	Nguyễn Diệu Thuý	Nữ	16-09-95	1A055	1A055	1A055	1A 12	3		7.75	3.50	5.50	16.75	17.00	
17	D1	SPHD112055	Nguyễn Bình Anh Thư	Nữ	18-08-95	1A033	1A033	1A033	1A 04	3		7.00	5.25	7.50	19.75	20.00	
18	D1	SPHD112056	Dương Thị Trang	Nữ	07-10-95	18013	18013	18013	18 01	2		6.50	3.50	5.00	15.00	15.50	
19	D1	SPHD112057	Đặng Thị Thu Trang	Nữ	13-08-95	26002	26002	26002	26 01	2		5.50	6.75	6.50	18.75	19.50	
20	D1	SPHD112060	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	27-11-95	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		5.50	5.00	5.50	16.00	16.00	
21	D1	SPHD112063	Trần Thị Minh Trang	Nữ	30-01-95	25017	25017	25017	25 01	2NT		4.75	6.00	5.00	15.75	17.00	
22	D1	SPHD112068	Lương Thị Vui	Nữ	27-07-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		7.25	5.50	6.00	18.75	20.00	
23	D1	SPHD112069	Cao Thị Xuyến	Nữ	12-11-94	25031	25031	25031	25 04	2NT		5.50	3.50	5.50	14.50	15.50	

Danh sách này có 54 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: M **Mã ngành: D140201** **Ngành: GIÁO DỤC MẦM NON**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NK	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	M	SPHM006390	Doãn Thị Ngọc Anh	Nữ	14-02-95	25027	25027	25027	25 04	2NT		8.25	7.50	7.50	23.25	24.50	
2	M	SPHM006394	Đặng Ngọc Anh	Nữ	12-10-95	25022	25022	25022	25 03	2NT		7.25	8.50	5.00	20.75	22.00	
3	M	SPHM006399	Đinh Lan Anh	Nữ	18-11-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		6.75	9.25	8.00	24.00	24.00	
4	M	SPHM006422	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	02-07-94	1A008	1A008	1A008	1A 08	3		8.00	6.50	8.00	22.50	22.50	
5	M	SPHM006438	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	26-06-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		6.50	8.00	7.50	22.00	22.00	
6	M	SPHM006478	Lại Thị ánh	Nữ	02-04-95	25075	25075	25075	25 10	2NT		8.25	6.75	6.50	21.50	22.50	
7	M	SPHM006537	Vi Thị Hồng Diễm	Nữ	15-04-95	18048	18048	18048	18 04	1	01	5.00	7.75	6.50	19.25	23.00	
8	M	SPHM006553	Đinh Thị Dung	Nữ	09-11-94	25021	25021	25021	25 03	2NT		7.00	7.00	6.50	20.50	21.50	
9	M	SPHM006587	Tưởng Thị Duyên	Nữ	29-06-94	1A068	1A068	1A068	1A 11	2		7.25	6.75	7.00	21.00	21.50	
10	M	SPHM006696	Đoàn Thị Hồng Hạnh	Nữ	08-08-95	1B224	1B224	1B224	1B 25	2NT		8.00	6.00	6.50	20.50	21.50	
11	M	SPHM006697	Lê Thị Mỹ Hạnh	Nữ	15-01-95	25021	25021	25021	25 03	2NT		5.75	7.00	7.50	20.25	21.50	
12	M	SPHM006725	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	04-11-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		8.00	6.00	8.00	22.00	23.00	
13	M	SPHM006738	Phùng Thuý Hằng	Nữ	11-12-95	25004	25004	25004	25 01	2		7.25	6.25	7.50	21.00	21.50	
14	M	SPHM006748	Cao Thị Hậu	Nữ	02-06-95	22028	22028	22028	22 04	2NT		8.00	6.00	6.50	20.50	21.50	
15	M	SPHM006757	Nguyễn Thị Hiên	Nữ	16-09-94	21074	21074	21074	21 02	1		6.00	7.00	7.00	20.00	21.50	
16	M	SPHM006795	Tạ Thị Hiền	Nữ	07-02-95	24022	24022	24022	24 02	2NT		8.00	7.00	7.50	22.50	23.50	
17	M	SPHM006895	Nguyễn Thị Huế	Nữ	13-10-95	21029	21029	21029	21 04	1		6.75	6.50	6.50	19.75	21.50	
18	M	SPHM007006	Nông Thị Hương	Nữ	25-02-95	12025	12025	12025	12 06	1	01	6.50	8.00	4.50	19.00	22.50	
19	M	SPHM007104	Trịnh Thị Liễu	Nữ	01-03-95	25027	25027	25027	25 04	2NT		8.50	6.75	6.50	21.75	23.00	
20	M	SPHM007162	Tống Mỹ Linh	Nữ	28-08-95	03072	03072	03072	03 12	2		7.00	6.75	8.00	21.75	22.50	
21	M	SPHM007164	Trần Thị Diệu Linh	Nữ	07-02-95	1B239	1B239	1B239	1B 27	2NT		7.50	6.75	7.00	21.25	22.50	
22	M	SPHM007172	Vũ Thị Thuỳ Linh	Nữ	26-10-95	24032	24032	24032	24 03	1		6.25	6.00	7.50	19.75	21.50	
23	M	SPHM007190	Tạ Bích Loan	Nữ	12-07-95	18019	18019	18019	18 05	1		6.50	6.50	7.00	20.00	21.50	
24	M	SPHM007203	Phạm Thị Lúa	Nữ	29-08-95	21038	21038	21038	21 09	2NT		8.25	5.50	7.00	20.75	22.00	
25	M	SPHM007209	Nguyễn Thị Hải Lưu	Nữ	02-08-95	29014	29014	29014	29 16	2	06	6.50	7.25	6.00	19.75	21.50	
26	M	SPHM007242	Nguyễn Thị Mai	Nữ	23-06-95	1B252	1B252	1B252	1B 29	2NT		6.00	7.50	7.00	20.50	21.50	
27	M	SPHM007260	Lê Hà Minh	Nữ	07-08-95	1A029	1A029	1A029	1A 05	3		7.25	8.50	7.50	23.25	23.50	
28	M	SPHM007264	Trần Thị Minh	Nữ	13-12-95	26032	26032	26032	26 05	2NT		7.00	7.50	7.00	21.50	22.50	
29	M	SPHM007276	Nguyễn Hà My	Nữ	16-01-95	1A147	1A147	1A147	1A 08	3	01	5.50	6.75	7.50	19.75	22.00	
30	M	SPHM007298	Lê Thị Nga	Nữ	27-08-95	25038	25038	25038	25 05	2NT		8.25	6.75	5.50	20.50	21.50	

Khối: M **Mã ngành: D140201** **Ngành: GIÁO DỤC MẦM NON**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NK	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
31	M	SPHM007302	Nguyễn Thị Hằng Nga	Nữ	27-12-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		9.00	6.25	6.50	21.75	22.50	
32	M	SPHM007313	Trần Thị Nga	Nữ	24-07-95	25045	25045	25045	25 06	2NT		6.00	7.25	7.00	20.25	21.50	
33	M	SPHM007353	Đào Thị Ngọc	Nữ	11-03-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		5.75	8.25	7.00	21.00	21.50	
34	M	SPHM007371	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	27-06-95	25004	25004	25004	25 01	2	06	7.50	8.00	7.00	22.50	24.00	
35	M	SPHM007445	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	24-05-94	16031	16031	16031	16 07	1		7.50	7.50	6.00	21.00	22.50	
36	M	SPHM007467	Đỗ Thị Hà Phương	Nữ	18-07-95	25038	25038	25038	25 05	2NT		5.75	8.00	7.00	20.75	22.00	
37	M	SPHM007521	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	01-07-94	24062	24062	24062	24 06	2NT		7.50	6.00	8.00	21.50	22.50	
38	M	SPHM007524	Phan Bích Phượng	Nữ	13-10-95	10036	10036	10036	10 09	1	01	5.75	5.75	7.50	19.00	22.50	
39	M	SPHM007536	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	17-09-95	24024	24024	24024	24 02	2NT		6.25	7.50	7.50	21.25	22.50	
40	M	SPHM007551	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	17-10-95	1A070	1A070	1A070	1A 09	2		6.50	7.75	7.50	21.75	22.50	
41	M	SPHM007593	Võ Thị Tâm	Nữ	28-10-95	1A104	1A104	1A104	40 03	3		7.00	6.75	7.50	21.25	21.50	
42	M	SPHM007612	Đinh Thị Phương Thảo	Nữ	27-09-95	21027	21027	21027	21 04	1		6.75	7.25	6.50	20.50	22.00	
43	M	SPHM007741	Ngô Cẩm Thuý	Nữ	23-01-95	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		6.25	9.00	8.00	23.25	23.50	
44	M	SPHM007816	Đặng Hiền Trang	Nữ	08-07-95	24061	24061	24061	24 06	2NT	06	6.00	7.50	6.50	20.00	22.00	
45	M	SPHM007892	Nguyễn Thị Thanh Trà	Nữ	11-03-95	1B238	1B238	1B238	1B 27	2NT	06	7.50	6.75	6.00	20.25	22.50	
46	M	SPHM007909	Trần Thị Tuyền	Nữ	23-06-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		7.50	6.50	7.50	21.50	22.50	
47	M	SPHM007920	Nguyễn Thị ánh Tuyết	Nữ	15-03-93	36027	36027	36027	36 03	1		7.25	7.25	6.50	21.00	22.50	
48	M	SPHM007974	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	05-03-95	25077	25077	25077	25 10	2NT		7.00	7.75	5.50	20.25	21.50	

Danh sách này có 48 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: D1 **Mã ngành: D140201TA** **Ngành: GIÁO DỤC MẦM NON-SP TIẾNG ANH**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD112084	Trần Thị Vân Anh	Nữ	20-02-95	1A072	1A072	1A072	1A 12	2		6.75	4.50	7.00	18.25	19.00	
2	D1	SPHD112094	Lê Thị Chiến	Nữ	01-03-95	24021	24021	24021	24 02	2NT		5.75	3.75	7.00	16.50	17.50	
3	D1	SPHD112102	Nguyễn Thị Dung	Nữ	20-08-95	21020	21020	21020	21 03	2NT		6.00	6.00	7.00	19.00	20.00	
4	D1	SPHD112116	Mai Thanh én	Nữ	06-02-95	26025	26025	26025	26 04	2NT		5.00	4.50	7.00	16.50	17.50	
5	D1	SPHD112117	Đặng Thị Hồng Gấm	Nữ	01-11-95	25016	25016	25016	25 02	2NT		6.00	5.75	5.50	17.25	18.50	
6	D1	SPHD112123	Dương Thị Hà	Nữ	26-04-95	25067	25067	25067	25 09	2NT		7.25	5.75	4.00	17.00	18.00	
7	D1	SPHD112135	Đỗ Thị Thu Hải	Nữ	05-09-95	1B233	1B233	1B233	1B 26	2NT		4.25	5.50	6.50	16.25	17.50	
8	D1	SPHD118845	Phan Thị Hạ	Nữ	13-09-95	17005	17005	17005	17 01	2		6.50	5.50	5.50	17.50	18.00	
9	D1	SPHD112158	Nguyễn Thị Hiến	Nữ	08-02-95	24022	24022	24022	24 02	2NT		6.75	4.00	5.00	15.75	17.00	
10	D1	SPHD112185	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	20-10-95	1B233	1B233	1B233	1B 26	2NT		8.25	3.75	5.50	17.50	18.50	
11	D1	SPHD112205	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	01-12-92	1B205	1B205	1B205	1B 21	2NT		7.50	7.00	2.50	17.00	18.00	
12	D1	SPHD112207	Trương Thị Hường	Nữ	22-01-95	10029	10029	10029	10 07	1	01	6.75	5.00	6.00	17.75	21.50	
13	D1	SPHD112213	Trần Thị Lân	Nữ	16-08-95	24021	24021	24021	24 02	2NT		7.25	6.00	6.50	19.75	21.00	
14	D1	SPHD112221	Nguyễn Phương Linh	Nữ	21-04-95	25034	25034	25034	25 05	2NT		6.00	4.50	6.50	17.00	18.00	
15	D1	SPHD112266	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	09-02-95	24041	24041	24041	24 04	2NT		8.25	3.75	5.00	17.00	18.00	
16	D1	SPHD112305	Trần Thị Bích Phượng	Nữ	12-12-95	25003	25003	25003	25 01	2		7.25	5.25	6.50	19.00	19.50	
17	D1	SPHD112332	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	22-12-94	1B205	1B205	1B205	1B 21	2NT		6.50	4.50	5.50	16.50	17.50	
18	D1	SPHD119430	Hồ Thị Trà	Nữ	04-09-95	29031	29031	29031	29 06	2NT		6.25	5.50	4.50	16.25	17.50	
19	D1	SPHD112365	Ngô Thị Tuyến	Nữ	20-06-95	18023	18023	18023	18 06	2NT		7.25	5.50	4.50	17.25	18.50	
20	D1	SPHD112366	Nguyễn Thị Tuyến	Nữ	18-10-95	24055	24055	24055	24 05	01	06	6.25	4.75	5.00	16.00	17.00	
21	D1	SPHD112368	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	23-11-94	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		7.00	5.00	7.50	19.50	20.00	
22	D1	SPHD112385	Nguyễn Thị Yên	Nữ	23-01-95	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT		5.00	4.50	6.50	16.00	17.00	
23	D1	SPHD112393	Nguyễn Thị Yến	Nữ	14-02-95	24032	24032	24032	24 03	1		8.00	4.50	6.50	19.00	20.50	
24	D1	SPHD112395	Trần Thị Yến	Nữ	10-06-94	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		7.25	3.50	6.00	16.75	18.00	

Danh sách này có 24 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A1 **Mã ngành: D140202** **Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA104466	Bùi Hồng Anh	Nữ	29-06-95	1A029	1A029	1A029	1A 01	3		8.50	8.50	8.50	25.50	25.50	
2	A1	SPHA104532	Lê Thu Hà	Nữ	07-07-94	1A013	1A013	1A013	1A 08	3		7.50	7.00	7.00	21.50	21.50	
3	A1	SPHA104542	Vũ Thị Hải	Nữ	16-06-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		6.25	7.50	6.50	20.25	21.50	
4	A1	SPHA104543	Đỗ Hồng Hạnh	Nữ	31-05-94	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		7.50	6.25	7.50	21.25	21.50	
5	A1	SPHA104576	Nông Thị Hợi	Nữ	29-02-95	10003	10003	10003	10 10	1	01	6.25	5.75	6.25	18.25	22.00	
6	A1	SPHA104590	Phùng Ngọc Huyền	Nữ	27-10-95	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		8.00	6.25	8.00	22.25	23.50	
7	A1	SPHA104683	Phạm Trần Thu Phương	Nữ	25-02-95	1A000	1A000	1A000	1A 02	3		7.00	7.25	9.00	23.25	23.50	
8	A1	SPHA104773	Trần Minh Trang	Nữ	05-04-95	1A037	1A037	1A037	25 01	3		7.50	5.50	8.50	21.50	21.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D140202** **Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD112401	Dương Phú Việt Anh	Nữ	12-10-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		7.25	7.00	7.00	21.25	22.00	
2	D1	SPHD112413	Hoàng Thị Châm Anh	Nữ	30-07-95	1B162	1B162	1B162	1B 21	3		7.50	8.00	6.00	21.50	21.50	
3	D1	SPHD112414	Hoàng Thị Hiền Anh	Nữ	14-11-94	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		8.00	6.50	8.00	22.50	22.50	
4	D1	SPHD113677	Lương Thị Quỳnh Anh	Nữ	08-06-95	16012	16012	16012	16 04	2		7.50	6.50	7.50	21.50	22.00	
5	D1	SPHD112422	Nguyễn Hồng Anh	Nữ	28-03-95	1A040	1A040	1A040	1A 07	3		8.25	7.50	6.50	22.25	22.50	
6	D1	SPHD112428	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	19-01-94	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		7.50	6.00	7.50	21.00	21.50	
7	D1	SPHD112479	Nguyễn Thị Ngọc ánh	Nữ	21-10-95	18012	18012	18012	18 10	2		7.50	5.50	8.00	21.00	21.50	
8	D1	SPHD112510	Nguyễn Thuỳ Chi	Nữ	03-12-94	1A144	1A144	1A144	1A 06	3		7.50	7.00	7.00	21.50	21.50	
9	D1	SPHD112554	Bùi Thị Duyên	Nữ	29-12-95	25075	25075	25075	25 10	2NT		8.00	7.00	6.50	21.50	22.50	
10	D1	SPHD112559	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ	07-12-95	1A073	1A073	1A073	1A 12	2		8.25	7.00	6.50	21.75	22.50	
11	D1	SPHD112571	Trần Thuỳ Dương	Nữ	02-06-94	1A037	1A037	1A037	1A 06	3		9.00	7.00	7.00	23.00	23.00	
12	D1	SPHD112597	Đinh Ngọc Hà	Nữ	06-06-95	27011	27011	27011	27 03	2		7.75	6.00	7.00	20.75	21.50	
13	D1	SPHD112607	Nghiêm Thị Thu Hà	Nữ	20-02-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		6.75	8.00	7.00	21.75	22.50	
14	D1	SPHD112614	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	08-12-95	16043	16043	16043	16 04	2NT		7.25	7.00	7.00	21.25	22.50	
15	D1	SPHD112650	Phạm Thị Hạnh	Nữ	01-02-95	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		7.75	6.00	7.00	20.75	21.50	
16	D1	SPHD112652	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Nữ	20-02-95	25075	25075	25075	25 10	2NT		8.00	7.00	7.00	22.00	23.00	
17	D1	SPHD112674	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	01-03-95	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		6.75	6.25	8.00	21.00	21.50	
18	D1	SPHD112680	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	23-11-95	1A016	1A016	1A016	1A 04	3		8.50	7.50	5.50	21.50	21.50	
19	D1	SPHD112696	Dương Ngọc Hiền	Nữ	30-11-95	1A013	1A013	1A013	1A 03	3	06	8.00	7.00	7.50	22.50	23.50	
20	D1	SPHD112702	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	11-08-95	25003	25003	25003	25 01	2	06	7.75	5.50	6.50	19.75	21.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D140202** **Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
21	D1	SPHD112736	Vũ Thị Thanh Hoa	Nữ	13-05-95	25004	25004	25004	25 01	2		7.75	6.50	7.00	21.25	22.00	
22	D1	SPHD112745	Trương Kim Hoàng	Nữ	26-07-95	15001	15001	15001	15 01	2	06	8.00	6.50	6.00	20.50	22.00	
23	D1	SPHD112776	Lê Ngọc Huyền	Nữ	06-09-95	1A078	1A078	1A078	1A 13	2		8.50	8.25	6.00	22.75	23.50	
24	D1	SPHD112784	Nguyễn Kiều Huyền	Nữ	07-03-95	1A033	1A033	1A033	1A 01	3		6.75	7.25	8.00	22.00	22.00	
25	D1	SPHD112812	Hoàng Thị Thanh Hương	Nữ	01-07-95	18031	18031	18031	18 08	1		7.25	7.00	7.00	21.25	23.00	
26	D1	SPHD112826	Nguyễn Thị Hương	Nữ	26-08-95	25059	25059	25059	25 08	2NT		7.00	6.00	7.50	20.50	21.50	
27	D1	SPHD112890	Bùi Diệu Linh	Nữ	18-09-95	1A013	1A013	1A013	1A 08	3		8.00	7.00	7.50	22.50	22.50	
28	D1	SPHD112960	Vũ Thuỳ Linh	Nữ	20-07-95	1A147	1A147	1A147	1A 10	3		8.25	7.00	6.50	21.75	22.00	
29	D1	SPHD112978	Hà Thị Ly	Nữ	17-11-95	23016	23016	23016	23 02	1	01	5.75	7.00	5.00	17.75	21.50	
30	D1	SPHD113058	Nguyễn Thị Thuỳ Ngân	Nữ	23-05-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		7.75	6.50	7.00	21.25	22.00	
31	D1	SPHD113060	Trần Hải Ngân	Nữ	20-07-95	1A032	1A032	1A032	1A 01	3		7.75	7.50	7.00	22.25	22.50	
32	D1	SPHD113121	Vũ Thị Thảo Nhung	Nữ	11-01-95	13002	13002	13002	13 07	1		6.75	6.00	8.00	20.75	22.50	
33	D1	SPHD113135	Trần Thị Phấn	Nữ	14-09-95	27032	27032	27032	27 03	1	01	6.50	5.50	7.50	19.50	23.00	
34	D1	SPHD113143	Đỗ Diệp Phương	Nữ	03-10-95	1A012	1A012	1A012	1A 03	3		9.00	6.50	7.50	23.00	23.00	
35	D1	SPHD113157	Nguyễn Thị Hiền Phương	Nữ	05-03-95	1A033	1A033	1A033	1A 13	3		7.25	7.50	8.00	22.75	23.00	
36	D1	SPHD113202	Nguyễn Thị Thuý Quỳnh	Nữ	18-01-94	15005	15005	15005	15 01	2		8.25	7.25	7.00	22.50	23.00	
37	D1	SPHD113226	Đỗ Thị Thanh	Nữ	20-09-95	25004	25004	25004	25 01	2		8.25	5.50	7.50	21.25	22.00	
38	D1	SPHD113232	Phạm Hồng Thanh	Nữ	15-04-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		7.75	7.50	7.50	22.75	23.50	
39	D1	SPHD113244	Đặng Hương Thảo	Nữ	25-04-95	23034	23034	23034	23 08	1	01	8.00	6.00	7.00	21.00	24.50	
40	D1	SPHD113287	Dương Thị Hoài Thu	Nữ	17-06-95	1B250	1B250	1B250	1B 29	2NT		7.75	7.00	6.50	21.25	22.50	
41	D1	SPHD113304	Cao Thị Thuỳ	Nữ	16-03-95	25038	25038	25038	25 05	2NT		7.75	4.50	8.00	20.25	21.50	
42	D1	SPHD113364	Đào Thị Huyền Trang	Nữ	21-10-95	1A078	1A078	1A078	1A 13	2		8.50	5.00	7.50	21.00	21.50	
43	D1	SPHD113369	Đỗ Linh Trang	Nữ	09-08-95	1A008	1A008	1A008	1A 02	3		7.00	7.00	8.00	22.00	22.00	
44	D1	SPHD113378	Lục Thị Minh Trang	Nữ	13-09-95	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		7.75	6.50	6.50	20.75	21.50	
45	D1	SPHD113381	Nguyễn Đình Thị Trang	Nữ	01-05-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		8.25	6.00	6.50	20.75	21.50	
46	D1	SPHD113414	Trần Thị Trang	Nữ	10-04-95	25002	25002	25002	25 07	2		8.25	6.50	6.50	21.25	22.00	
47	D1	SPHD113444	Nguyễn Thị Tú	Nữ	16-01-94	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		7.75	5.75	7.00	20.50	21.50	
48	D1	SPHD113452	Dương Thị út	Nữ	18-08-95	16061	16061	16061	16 06	2NT		9.00	5.00	6.50	20.50	21.50	

Danh sách này có 56 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A1 **Mã ngành: D140202TA** **Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC-SP TIẾNG ANH**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA104824	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ	12-02-95	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT		5.50	6.50	5.25	17.25	18.50	
2	A1	SPHA104827	Nguyễn Xuân Hải	Nam	16-10-95	1A016	1A016	1A016	1A 04	3		8.25	5.50	9.50	23.25	23.50	
3	A1	SPHA104828	Nguyễn Văn Mỹ Hạnh	Nữ	28-09-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		4.50	3.50	8.50	16.50	17.50	
4	A1	SPHA104832	Bùi Hoài Hương	Nữ	04-02-95	1B163	1B163	1B163	1B 15	3		5.25	4.00	8.50	17.75	18.00	
5	A1	SPHA104839	Phạm Hoàng Ly	Nữ	22-11-95	1A007	1A007	1A007	1A 08	3		6.50	3.75	8.50	18.75	19.00	
6	A1	SPHA104841	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	11-06-95	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		6.25	6.75	8.00	21.00	22.00	
7	A1	SPHA104843	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	03-12-94	22060	22060	22060	22 10	2NT		7.00	5.00	6.25	18.25	19.50	
8	A1	SPHA104845	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	23-03-95	1A037	1A037	1A037	19 04	3		6.50	2.50	8.50	17.50	17.50	
9	A1	SPHA104847	Phí Thị Hoàng Thơm	Nữ	25-09-95	1A144	1A144	1A144	1B 23	3		7.75	2.25	9.00	19.00	19.00	
10	A1	SPHA104850	Lê Thị Thư	Nữ	19-11-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		4.75	4.25	7.75	16.75	18.00	
11	A1	SPHA104853	Phùng Thị Thảo Yến	Nữ	19-07-94	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		6.75	6.00	5.75	18.50	19.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D140202TA** **Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC-SP TIẾNG ANH**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD113510	Nguyễn Thị Hải	Nữ	20-10-94	25075	25075	25075	25 10	2NT		7.50	5.75	7.00	20.25	21.50	
2	D1	SPHD113513	Lương Thị Hằng	Nữ	12-07-94	29008	29008	29008	29 09	1	01	4.75	4.50	6.50	15.75	19.50	
3	D1	SPHD113515	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	04-01-95	1A070	1A070	1A070	1A 09	2		6.50	5.50	5.50	17.50	18.00	
4	D1	SPHD113522	Nguyễn Thị Huê	Nữ	10-07-94	27081	27081	27081	27 08	2NT		7.75	5.50	7.00	20.25	21.50	
5	D1	SPHD113523	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	22-01-95	24031	24031	24031	24 03	2NT		4.50	5.25	6.50	16.25	17.50	
6	D1	SPHD113525	Đào Lệ Huyền	Nữ	03-04-95	1B162	1B162	1B162	1A 11	3		6.75	8.00	8.00	22.75	23.00	
7	D1	SPHD113533	Đào Phương Linh	Nữ	30-12-95	1A016	1A016	1A016	1A 04	3		7.00	7.50	8.00	22.50	22.50	
8	D1	SPHD113537	Phạm Thị Mai	Nữ	01-03-95	25061	25061	25061	25 08	2NT		6.25	4.00	7.50	17.75	19.00	
9	D1	SPHD113538	Phạm Thị Hải Minh	Nữ	19-10-94	25075	25075	25075	25 10	2NT		5.25	4.75	7.00	17.00	18.00	
10	D1	SPHD113541	La Thị Nhung	Nữ	05-12-95	12017	12017	12017	12 03	KV1	01	4.75	5.25	7.00	17.00	19.00	
11	D1	SPHD113548	Đặng Thị Mỹ Phượng	Nữ	19-10-95	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		7.75	4.50	6.00	18.25	19.50	
12	D1	SPHD113549	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	06-02-95	1A073	1A073	1A073	1A 12	2		6.50	7.00	6.50	20.00	20.50	
13	D1	SPHD113550	Nguyễn Thuý Quỳnh	Nữ	03-06-95	1A080	1A080	1A080	1A 13	2		6.75	6.00	7.00	19.75	20.50	
14	D1	SPHD113552	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	03-12-94	22060	22060	22060	22 10	2NT		8.75	4.75	5.00	18.50	19.50	
15	D1	SPHD113558	Phạm Thị Kim Thoa	Nữ	27-08-95	24045	24045	24045	24 04	2NT	06	4.25	6.25	7.50	18.00	20.00	
16	D1	SPHD113562	Huy Thị Thuý	Nữ	21-05-95	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		6.25	6.25	5.50	18.00	19.00	
17	D1	SPHD113563	Trần Thị Minh Thuý	Nữ	13-01-95	1B238	1B238	1B238	1B 27	2NT		7.50	5.00	6.50	19.00	20.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D140202TA** **Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC-SP TIẾNG ANH**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
18	D1	SPHD113567	Đào Thị Minh Trang	Nữ	27-06-95	1B183	1B183	1B183	1B 18	2NT		6.50	6.00	4.50	17.00	18.00	
19	D1	SPHD113568	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	01-08-95	24031	24031	24031	24 03	2NT		5.00	7.00	6.50	18.50	19.50	
20	D1	SPHD113571	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	06-12-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		5.25	6.00	5.00	16.25	17.50	

Danh sách này có 31 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: C **Mã ngành: D140203** **Ngành: GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC008417	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	06-03-95	16072	16072	16072	16 07	1		8.00	5.50	4.50	18.00	19.50	
2	C	SPHC008421	Trần Thị Vân Anh	Nữ	22-04-94	1B204	1B204	1B204	1B 24	2NT		6.50	4.00	5.50	16.00	17.00	
3	C	SPHC008425	Nguyễn Quang Duy	Nam	22-04-95	16032	16032	16032	16 03	1		5.25	6.50	4.50	16.25	18.00	
4	C	SPHC008427	Đỗ Xuân Dũng	Nam	05-10-94	28046	28046	28046	28 15	2NT		4.00	7.75	4.00	15.75	17.00	
5	C	SPHC008433	Phạm Thị Minh Hải	Nữ	03-09-95	16091	16091	16091	16 09	1		6.50	5.25	6.50	18.25	20.00	
6	C	SPHC008435	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	16-11-93	27061	27061	27061	27 06	1		5.75	8.50	5.00	19.25	21.00	
7	C	SPHC008436	Vũ Thị Thu Hằng	Nữ	01-11-94	06044	06044	06044	06 01	1	01	7.00	6.50	5.50	19.00	22.50	
8	C	SPHC019352	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	10-10-95	29055	29055	29055	29 12	2NT		5.75	6.25	6.00	18.00	19.00	
9	C	SPHC008440	Nguyễn Thị Hiển	Nữ	20-11-95	12058	12058	12058	12 08	2NT		6.75	5.00	6.50	18.25	19.50	
10	C	SPHC008442	Vũ Thị Phương Hoa	Nữ	20-12-95	15001	15001	15001	15 01	2		8.25	8.25	7.00	23.50	24.00	
11	C	SPHC008447	Vương Thị Huệ	Nữ	19-10-95	1B225	1B225	1B225	1B 25	2NT		6.75	6.00	5.00	17.75	19.00	
12	C	SPHC008448	Bùi Thị Huyền	Nữ	31-07-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		6.50	7.75	5.00	19.25	20.50	
13	C	SPHC008451	Nguyễn Thị Hương	Nữ	22-01-95	18015	18015	18015	18 02	1		6.50	4.25	7.50	18.25	20.00	
14	C	SPHC019353	Nguyễn Thị Hương	Nữ	05-10-95	29055	29055	29055	29 12	2NT		7.50	6.75	6.00	20.25	21.50	
15	C	SPHC008454	Nguyễn Thị Hường	Nữ	22-02-95	16032	16032	16032	16 02	1		7.50	6.00	6.50	20.00	21.50	
16	C	SPHC008462	Nguyễn Thị Linh	Nữ	18-08-95	15019	15019	15019	15 04	1		7.25	3.50	5.50	16.25	18.00	
17	C	SPHC008466	Trần Thị Hạnh Lương	Nữ	24-08-94	25029	25029	25029	25 04	2NT		6.50	7.00	6.50	20.00	21.00	
18	C	SPHC008481	Bùi ánh Ngọc	Nữ	04-09-95	26046	26046	26046	26 07	2NT		7.00	6.50	7.00	20.50	21.50	
19	C	SPHC008489	Nguyễn Kiều Oanh	Nữ	10-07-95	24041	24041	24041	24 04	2NT		7.50	4.75	5.00	17.25	18.50	
20	C	SPHC008494	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	01-10-94	25055	25055	25055	25 07	2NT		5.50	4.25	5.50	15.25	16.50	
21	C	SPHC008496	Lê Thị Quyên	Nữ	05-12-95	18021	18021	18021	18 05	1		6.75	5.50	5.50	17.75	19.50	
22	C	SPHC008500	Bùi Thị Quý	Nữ	18-04-95	28037	28037	28037	28 13	1	01	8.00	7.00	7.50	22.50	26.00	
23	C	SPHC008507	Lê Thị Thoa	Nữ	29-10-95	25022	25022	25022	25 03	2NT		7.25	3.00	6.50	16.75	18.00	
24	C	SPHC008508	Trần Thị Thoan	Nữ	10-12-95	24044	24044	24044	24 04	2NT		5.75	3.50	6.00	15.25	16.50	
25	C	SPHC008509	Vũ Thị Thơm	Nữ	21-09-94	21074	21074	21074	21 02	1		8.00	7.00	6.50	21.50	23.00	
26	C	SPHC008512	Đỗ Thị Thuý	Nữ	29-03-95	1B198	1B198	1B198	1B 20	2NT		7.25	3.50	7.00	17.75	19.00	
27	C	SPHC008513	Mai Thị Thuỷ	Nữ	17-03-94	25029	25029	25029	25 04	2NT		8.00	5.50	4.00	17.50	18.50	
28	C	SPHC019356	Lê Thị Trang	Nữ	10-08-95	30045	30045	30045	30 12	2NT		6.00	3.00	7.00	16.00	17.00	
29	C	SPHC008526	Trần Thị Tuyết	Nữ	30-04-94	18029	18029	18029	18 08	1		6.75	6.25	5.00	18.00	19.50	
30	C	SPHC008534	Trần Thị Xim	Nữ	04-07-95	24041	24041	24041	24 04	2NT		7.00	6.00	6.00	19.00	20.00	

Khối: C **Mã ngành: D140203** **Ngành: GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
31	C	SPHC008537	Nguyễn Hải Yến	Nữ	01-11-95	18030	18029	18029	18 08	1		7.25	3.50	6.50	17.25	19.00	
32	C	SPHC008539	Trần Thị Ngọc Yến	Nữ	21-03-95	18015	18015	18015	18 02	1	01	5.00	2.00	7.00	14.00	17.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D140203** **Ngành: GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD113579	Nguyễn Thị Bích	Nữ	01-10-95	25067	25067	25067	25 09	2NT		7.75	3.50	6.00	17.25	18.50	
2	D1	SPHD113581	Cao Thị Dinh	Nữ	05-03-94	25022	25022	25022	25 03	2NT		8.00	6.00	4.00	18.00	19.00	
3	D1	SPHD113587	Nguyễn Thị Hà	Nữ	15-06-95	25034	25034	25034	25 05	2NT	06	6.00	2.75	7.00	15.75	18.00	
4	D1	SPHD113589	Nguyễn Thị Ngọc Hảo	Nữ	14-10-95	1B245	1B245	1B245	1B 27	2NT		7.50	6.25	5.50	19.25	20.50	
5	D1	SPHD113592	Bùi Thị Hiên	Nữ	20-12-95	25043	25043	25043	25 06	2NT		6.00	3.50	7.00	16.50	17.50	
6	D1	SPHD113595	Nguyễn Diệu Hoa	Nữ	31-03-94	1A032	1A032	1A032	1A 01	3		6.00	6.25	6.50	18.75	19.00	
7	D1	SPHD113597	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	20-07-94	16051	16051	16051	16 05	2NT		6.50	5.75	7.00	19.25	20.50	
8	D1	SPHD113599	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	03-12-95	19010	19010	19010	19 07	2NT		6.75	4.50	6.50	17.75	19.00	
9	D1	SPHD113602	Bùi Thị Huyền	Nữ	06-08-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		7.50	5.00	6.50	19.00	20.00	
10	D1	SPHD113612	Nguyễn Ngọc Ly	Nữ	12-05-95	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		7.75	3.50	6.00	17.25	17.50	
11	D1	SPHD113614	Nguyễn Thị Mai	Nữ	10-02-94	25027	25027	25027	25 04	2NT		7.50	4.00	6.00	17.50	18.50	
12	D1	SPHD113617	Trịnh Thị Mai	Nữ	15-02-95	1A060	1A060	1A060	1A 10	2		6.75	3.00	6.50	16.25	17.00	
13	D1	SPHD113626	Âu Hải Nhi	Nữ	16-05-95	1A148	1A148	1A148	1A 09	3		5.75	6.00	7.50	19.25	19.50	
14	D1	SPHD113627	Đồng Thị Nhị	Nữ	05-02-95	25068	25068	25068	25 09	2NT		4.50	4.50	7.00	16.00	17.00	
15	D1	SPHD113633	Cao Thị Phong	Nữ	22-01-94	27032	27032	27032	27 03	1		4.25	6.00	7.00	17.25	19.00	
16	D1	SPHD113637	Trần Thị Mai Phương	Nữ	16-09-95	26040	26040	26040	26 06	2NT		8.75	2.00	5.50	16.25	17.50	
17	D1	SPHD113641	Nguyễn Hương Quỳnh	Nữ	06-10-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		6.25	4.25	6.50	17.00	17.50	
18	D1	SPHD113643	Nguyễn Thanh Tâm	Nữ	10-03-94	1A060	1A060	1A060	1A 10	2		6.25	3.25	7.00	16.50	17.00	
19	D1	SPHD113647	Vũ Thị Thảo	Nữ	26-10-95	25060	25060	25060	25 07	2NT		5.75	3.50	6.50	15.75	17.00	
20	D1	SPHD113650	Bùi Thị Tho	Nữ	18-10-95	25029	25029	25029	25 04	2NT		6.50	4.50	5.50	16.50	17.50	
21	D1	SPHD113651	Đỗ Thị Kim Thoa	Nữ	12-04-95	25061	25061	25061	25 08	2NT		8.00	3.75	7.00	18.75	20.00	
22	D1	SPHD113654	Lê Thị Thu	Nữ	18-05-95	1A060	1A060	1A060	1A 10	2		3.75	5.50	7.50	16.75	17.50	
23	D1	SPHD113663	Vương Thị Toàn	Nữ	24-05-95	22028	22028	22028	22 04	2NT		6.50	4.25	7.50	18.25	19.50	
24	D1	SPHD113664	Bùi Thị Thuỳ Trang	Nữ	30-07-95	22039	22039	22039	22 06	2NT		8.00	6.50	7.00	21.50	22.50	
25	D1	SPHD113666	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	30-07-95	26010	26010	26010	26 02	2NT		6.50	3.00	7.00	16.50	17.50	
26	D1	SPHD113669	Nguyễn Thị Thanh Trà	Nữ	16-12-95	1A060	1A060	1A060	1A 10	2		5.75	7.00	6.00	18.75	19.50	
27	D1	SPHD113670	Trần Thị Tuyết Trinh	Nữ	23-02-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		6.50	4.00	6.50	17.00	17.50	

Danh sách này có 59 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140204** **Ngành: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA000348	Phạm Thị Giang	Nữ	05-10-95	18032	18032	18032	18 09	2NT		4.75	4.50	5.75	15.00	16.00	
2	A	SPHA000359	Nguyễn Thị Thuỷ	Nữ	01-09-94	19011	19011	19011	19 07	2NT		6.75	4.25	5.50	16.50	17.50	

Khối: A1 **Mã ngành: D140204** **Ngành: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA104858	Nguyễn Ngọc ánh	Nữ	15-01-95	25075	25075	25075	25 10	2NT	06	6.00	2.75	7.25	16.00	18.00	
2	A1	SPHA104859	Trần Thanh Bình	Nam	19-08-95	24061	24061	24061	24 06	2NT		6.00	3.50	6.50	16.00	17.00	
3	A1	SPHA104864	Phạm Thị Hiền	Nữ	29-10-95	25075	25075	25075	25 10	2NT		5.25	4.50	7.75	17.50	18.50	
4	A1	SPHA104867	Hồ Khánh Ly	Nữ	17-04-95	1A029	1A029	1A029	1A 01	3		6.25	3.50	9.00	18.75	19.00	
5	A1	SPHA104869	Nguyễn Thị Phương Nga	Nữ	31-07-95	1A033	1A033	1A033	1A 12	3		8.00	3.25	9.00	20.25	20.50	
6	A1	SPHA104883	Nguyễn Thuỳ Trang	Nữ	25-06-94	22049	22049	22049	22 05	2NT		4.75	3.75	7.50	16.00	17.00	
7	A1	SPHA104884	Triệu Thu Uyên	Nữ	27-07-95	1A104	1A104	1A104	1A 08	3		6.00	3.00	6.75	15.75	16.00	
8	A1	SPHA104885	Phan Thị Thanh Vân	Nữ	01-06-95	15053	15053	15053	15 12	1		4.50	2.50	8.75	15.75	17.50	

Khối: B **Mã ngành: D140204** **Ngành: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	B	SPHB016443	Lưu Ngọc Hà	Nữ	14-12-95	22034	22034	22034	22 05	2NT		4.75	4.25	6.75	15.75	17.00	
2	B	SPHB016444	Phan Ngọc Hà	Nữ	14-10-95	1A034	1A034	1A034	1A 01	2		5.50	4.00	6.50	16.00	16.50	
3	B	SPHB016448	Ngô Hoài Hiên	Nữ	09-03-95	24061	24061	24061	24 06	2NT		8.25	4.50	8.00	20.75	22.00	
4	B	SPHB016458	Hoàng Thị Quyên	Nữ	20-02-95	25034	25034	25034	25 05	2NT		5.00	4.75	6.75	16.50	17.50	
5	B	SPHB016460	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	26-03-94	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		7.75	5.50	7.50	20.75	22.00	
6	B	SPHB016465	Đỗ Thu Trang	Nữ	17-11-95	15049	15049	15049	15 11	1		8.25	3.75	8.50	20.50	22.00	
7	B	SPHB016467	Phạm Thị Bảo Trang	Nữ	15-12-95	24061	24061	24061	24 06	2NT		5.25	4.00	6.75	16.00	17.00	

Khối: C **Mã ngành: D140204** **Ngành: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC008541	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	07-02-95	1A150	1A150	1A150	1A 10	2		7.00	3.00	8.50	18.50	19.00	
2	C	SPHC008542	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	24-03-95	15002	15002	15002	15 01	2		8.50	6.00	6.50	21.00	21.50	
3	C	SPHC008545	Đinh Thị Ngọc ánh	Nữ	08-04-95	15032	15032	15032	15 07	1	01	7.75	5.50	5.50	18.75	22.50	
4	C	SPHC008553	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	21-08-95	1B198	1B198	1B198	1B 20	2NT		7.25	5.50	5.00	17.75	19.00	
5	C	SPHC008560	Nguyễn Thị Diệu	Nữ	17-02-95	25084	25084	25084	25 10	2NT	06	5.50	6.00	6.00	17.50	19.50	
6	C	SPHC008574	Nguyễn Thị Giang	Nữ	28-08-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		5.25	5.75	5.50	16.50	17.50	

Khối: C **Mã ngành: D140204** **Ngành: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
7	C	SPHC008579	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	13-09-95	15053	15053	15053	15 12	1		7.75	3.00	6.00	16.75	18.50	
8	C	SPHC008583	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	02-07-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		6.50	2.00	7.50	16.00	17.00	
9	C	SPHC008588	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	08-06-94	1B203	1B203	1B203	1B 21	2NT		6.25	7.00	5.00	18.25	19.50	
10	C	SPHC008589	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	03-01-95	16031	16031	16031	16 03	1	06	4.75	3.00	7.50	15.25	18.00	
11	C	SPHC008605	Vũ Thanh Hoa	Nữ	04-06-95	25005	25005	25005	25 01	2		5.50	2.75	7.00	15.25	16.00	
12	C	SPHC008622	Đoàn Thị Hương	Nữ	22-02-95	1B183	1B183	1B183	1B 18	2NT		5.50	4.00	5.50	15.00	16.00	
13	C	SPHC008629	Hoàng Thị Hường	Nữ	11-10-95	10001	10001	10001	10 01	1	01	8.25	6.50	5.00	19.75	23.50	
14	C	SPHC008648	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	28-10-95	1A039	1A039	1A039	1A 11	3		6.50	6.25	6.50	19.25	19.50	
15	C	SPHC008651	Phạm Nhật Linh	Nữ	27-04-95	27081	27081	27081	27 08	2NT		6.75	4.50	4.00	15.25	16.50	
16	C	SPHC008655	Thền Thị Loan	Nữ	20-04-95	08015	08015	08015	08 02	1	01	7.75	3.25	3.00	14.00	17.50	
17	C	SPHC019358	Trần Thị May	Nữ	18-08-95	29014	29014	29014	29 02	2		6.50	4.75	4.50	15.75	16.50	
18	C	SPHC008665	Nguyễn Thị Hoa Mơ	Nữ	22-08-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		7.00	2.75	6.50	16.25	17.50	
19	C	SPHC008673	Đỗ Thị Ngọc	Nữ	09-01-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		7.50	6.75	7.00	21.25	22.50	
20	C	SPHC008679	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	21-10-95	1B175	1B175	1B175	1B 17	1		4.75	5.75	5.50	16.00	17.50	
21	C	SPHC008682	Hoàng Thị Yến Phương	Nữ	01-09-95	08024	08024	08024	08 06	1	01	4.50	1.50	6.50	12.50	16.00	
22	C	SPHC008683	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	11-03-95	25003	25003	25003	25 01	2		6.00	7.00	7.00	20.00	20.50	
23	C	SPHC008689	Vũ Văn Phượng	Nam	05-06-95	27072	27072	27072	27 07	2NT		6.75	5.75	4.50	17.00	18.00	
24	C	SPHC008690	Thào Lình Quang	Nam	01-04-94	08017	08017	08017	08 02	1	01	6.50	6.00	8.00	20.50	24.00	
25	C	SPHC008717	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	22-09-95	24041	24041	24041	24 04	2NT		5.75	4.00	7.00	16.75	18.00	
26	C	SPHC008725	Nguyễn Thị Thu	Nữ	24-07-95	19009	19009	19009	19 01	2		7.50	4.50	7.00	19.00	19.50	
27	C	SPHC008727	Lê Thị Thuận	Nữ	28-08-95	28032	28032	28032	28 11	1	01	5.75	2.50	5.50	13.75	17.50	
28	C	SPHC008735	Phạm Thị Thuỷ	Nữ	25-09-95	25006	25006	25006	25 01	2		6.50	4.50	8.00	19.00	19.50	
29	C	SPHC008739	Nguyễn Quang Tiến	Nam	19-03-95	16039	16039	16039	16 07	2NT		7.50	6.50	5.50	19.50	20.50	
30	C	SPHC008751	Mạc Thị Truyền	Nữ	28-11-92	21027	21027	21027	21 04	1		5.00	3.25	6.00	14.25	16.00	
31	C	SPHC008753	Nguyễn Trọng Tú	Nam	05-08-95	09012	09012	09012	09 01	1		6.75	7.00	4.50	18.25	20.00	
32	C	SPHC008754	Trương Văn Tư	Nam	29-12-94	16093	16093	16093	16 09	1	01	4.75	6.00	5.50	16.25	20.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D140204** **Ngành: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD113686	Nguyễn Hải Vân ánh	Nữ	19-03-95	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		2.50	6.50	7.00	16.00	16.00	
2	D1	SPHD113687	Nguyễn Thị Ngọc ánh	Nữ	02-08-95	25003	25003	25003	25 02	2		6.50	4.00	6.00	16.50	17.00	
3	D1	SPHD113694	Đỗ Thuỳ Dung	Nữ	06-09-95	25036	25041	25041	25 05	2NT		7.25	3.00	5.50	15.75	17.00	
4	D1	SPHD113700	Đinh Văn Đông	Nam	11-02-95	1A068	1A068	1A068	1B 24	2		6.25	3.25	6.00	15.50	16.00	
5	D1	SPHD113708	Trần Thanh Hà	Nam	27-05-95	25006	25006	25006	25 01	2		7.00	4.00	6.00	17.00	17.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D140204** **Ngành: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
6	D1	SPHD113713	Ngô Diệu Hiền	Nữ	12-11-95	1A156	1A156	1A156	1A 06	3		5.25	4.50	6.00	15.75	16.00	
7	D1	SPHD113718	Nguyễn Thanh Hoa	Nữ	23-01-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		7.50	3.50	6.00	17.00	18.00	
8	D1	SPHD113720	Phạm Thị Hoa	Nữ	24-12-95	26032	26032	26032	26 05	2NT		6.00	4.00	7.00	17.00	18.00	
9	D1	SPHD113721	Đào Thị Hoài	Nữ	09-09-95	19048	19048	19048	19 04	2NT		6.00	4.50	7.00	17.50	18.50	
10	D1	SPHD113729	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	02-10-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		6.00	4.00	7.00	17.00	17.50	
11	D1	SPHD113732	Trọng Thị Huyền	Nữ	13-08-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		6.25	4.00	6.50	16.75	18.00	
12	D1	SPHD113736	Nguyễn Thị Khánh Hường	Nữ	03-10-95	16031	16031	16031	16 03	1		6.00	5.00	6.50	17.50	19.00	
13	D1	SPHD113737	Đỗ Thị Lan	Nữ	19-07-95	25084	25084	25084	25 10	2NT		4.75	5.00	5.50	15.25	16.50	
14	D1	SPHD113741	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	04-09-95	24051	24051	24051	24 05	2NT		4.00	3.75	7.00	14.75	16.00	
15	D1	SPHD113743	Phạm Thuỳ Linh	Nữ	27-07-93	1A070	1A070	1A070	1A 09	2		5.75	5.00	6.00	16.75	17.50	
16	D1	SPHD113748	Nguyễn Thuý Ly	Nữ	10-10-95	1A007	1A007	1A007	1A 02	3		7.50	6.25	7.00	20.75	21.00	
17	D1	SPHD113756	Quách Thị Ngân	Nữ	26-05-95	15044	15044	15044	15 10	2NT		3.50	3.50	8.00	15.00	16.00	
18	D1	SPHD113761	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	07-02-95	16031	16031	16031	16 03	1		5.50	4.00	6.50	16.00	17.50	
19	D1	SPHD113768	Lê Thuý Quỳnh	Nữ	03-08-95	26018	26018	26018	26 03	2NT		7.75	4.50	5.50	17.75	19.00	
20	D1	SPHD113778	Cao Thị Thơm	Nữ	19-01-95	1A039	1A039	1A039	1A 11	3		5.25	4.75	6.00	16.00	16.00	
21	D1	SPHD113780	Hà Minh Thuỳ	Nữ	24-06-95	08023	08023	08023	08 06	1	01	4.50	3.00	5.50	13.00	16.50	
22	D1	SPHD113782	Phạm Thị Thuỷ	Nữ	06-11-95	25027	25027	25027	25 04	2NT		7.25	3.00	6.50	16.75	18.00	
23	D1	SPHD113784	Vũ Thị Thu Thuỷ	Nữ	29-11-94	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		4.00	4.50	7.50	16.00	17.00	
24	D1	SPHD113787	Bùi Thị Kiều Trang	Nữ	05-01-95	02102	02102	16031	16 03	3		6.75	6.00	6.00	18.75	19.00	
25	D1	SPHD113801	Phùng Thị Xuân	Nữ	16-10-95	16014	16014	16014	16 01	2		6.00	4.50	5.50	16.00	16.50	

Khối: D2 **Mã ngành: D140204** **Ngành: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D2	SPHD218976	Đặng Thị Hà Giang	Nữ	09-02-95	03013	03013	03013	03 02	3		5.25	8.00	6.00	19.25	19.50	

Danh sách này có 75 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A1 **Mã ngành: D140205** **Ngành: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA104893	Đặng Thị Quỳnh	Nữ	28-09-95	1B203	1B203	1B203	1B 21	2NT		6.00	2.50	6.75	15.25	16.50	
2	A1	SPHA104896	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	16-11-95	1A144	1A144	1A144	1A 06	3		9.00	4.50	8.50	22.00	22.00	
3	A1	SPHA104898	Nguyễn Thị Thuỷ	Nữ	02-11-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		6.25	2.50	7.50	16.25	17.50	
4	A1	SPHA104899	Trần Đỗ Thanh Thuỷ	Nữ	18-10-95	1B168	1B168	1B168	1B 16	2		5.00	6.00	4.25	15.25	16.00	
5	A1	SPHA104901	Đặng Thu Trang	Nữ	21-08-95	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		6.25	4.50	5.50	16.25	16.50	

Khối: C **Mã ngành: D140205** **Ngành: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC008766	Giàng A A	Nam	20-11-92	13043	13043	13043	13 06	1	01	5.50	1.50	5.00	12.00	15.50	
2	C	SPHC008767	Trần Hữu An	Nam	18-12-95	22039	22039	22039	22 01	2NT		5.25	6.25	4.50	16.00	17.00	
3	C	SPHC008769	Lê Thị Vân Anh	Nữ	10-12-95	1B229	1B229	1B229	1B 26	2NT		5.75	3.00	6.00	14.75	16.00	
4	C	SPHC008770	Lương Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	03-05-95	22049	22049	22049	22 08	2NT		7.00	6.75	8.00	21.75	23.00	
5	C	SPHC008771	Nguyễn Diệu Anh	Nữ	25-10-92	16062	16062	16062	16 06	2NT		5.25	4.00	7.00	16.25	17.50	
6	C	SPHC008772	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	13-06-95	19009	19009	19009	19 07	2		8.75	6.00	6.00	20.75	21.50	
7	C	SPHC019361	Trần Thị Phương Anh	Nữ	12-11-95	29002	29002	29002	29 01	2		8.00	4.50	6.00	18.50	19.00	
8	C	SPHC008776	Vũ Đức Anh	Nam	18-03-93	26054	26054	26054	26 08	2NT	03	8.00	7.50	7.00	22.50	25.50	
9	C	SPHC008778	Nguyễn Thanh Bình	Nữ	11-02-95	25050	25050	25050	25 07	2NT		8.00	5.75	6.00	19.75	21.00	
10	C	SPHC008781	Hoàng Thị Chung	Nữ	19-09-95	09017	09017	09017	09 03	1	01	4.25	2.00	5.50	11.75	15.50	
11	C	SPHC008783	Đỗ Thị Ngọc Diệp	Nữ	08-11-95	25021	25021	25021	25 03	2NT		7.00	4.00	6.00	17.00	18.00	
12	C	SPHC018733	Nguyễn Thị Điểm	Nữ	18-09-95	03074	03074	03074	03 12	2		5.25	2.50	7.00	14.75	15.50	
13	C	SPHC008794	Hà Thị Thu Được	Nữ	30-07-95	15011	15011	15011	15 13	1	01	6.50	5.50	5.50	17.50	21.00	
14	C	SPHC008800	Nông Thu Hà	Nữ	15-08-94	06015	06015	06015	06 05	1	01	5.00	3.25	5.50	13.75	17.50	
15	C	SPHC008802	Nguyễn Thanh Hải	Nữ	28-10-95	1B229	1B229	1B229	1B 26	2NT		6.50	5.00	4.50	16.00	17.00	
16	C	SPHC008809	Cao Thị Thu Hằng	Nữ	20-02-95	15019	15019	15019	15 04	1		3.75	4.25	7.00	15.00	16.50	
17	C	SPHC008813	Nguyễn Minh Hằng	Nữ	03-10-95	15051	15051	15051	15 11	1		7.25	7.00	5.00	19.25	21.00	
18	C	SPHC008814	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	12-10-95	16072	16072	16072	16 07	1		7.25	8.00	5.50	20.75	22.50	
19	C	SPHC008819	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	31-01-95	24013	24013	24013	24 01	2		7.50	3.75	3.50	14.75	15.50	
20	C	SPHC008823	Đoàn Thị Hoa	Nữ	24-05-95	25050	25050	25050	25 07	2NT		8.75	7.25	7.00	23.00	24.00	
21	C	SPHC008827	Bùi Tiên Hoàng	Nam	27-06-93	23052	23052	23052	23 08	1	01	5.25	3.50	3.00	11.75	15.50	
22	C	SPHC008838	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	23-07-95	09026	09026	09026	09 05	1		7.00	5.75	5.50	18.25	20.00	
23	C	SPHC008843	Vũ Thị Thu Huyền	Nữ	15-05-95	25059	25059	25059	25 07	2NT		4.00	5.25	6.00	15.25	16.50	

Khối: C **Mã ngành: D140205** **Ngành: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
24	C	SPHC008844	Nguyễn Văn Hùng	Nam	29-03-95	19020	19020	19020	19 03	2NT		5.00	3.25	6.00	14.25	15.50	
25	C	SPHC008846	Lê Thị Hương	Nữ	22-09-95	16061	16061	16061	16 06	2NT		7.25	3.00	5.50	15.75	17.00	
26	C	SPHC008848	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	19-09-95	19018	19018	19018	19 03	2NT		4.75	4.50	5.50	14.75	16.00	
27	C	SPHC018726	Đinh Thị Hường	Nữ	20-11-95	17069	17069	17069	17 11	2NT		7.50	3.75	6.00	17.25	18.50	
28	C	SPHC008853	Phùng Thị Hường	Nữ	26-06-95	1B175	1B175	1B175	1B 17	1		6.25	2.75	5.50	14.50	16.00	
29	C	SPHC008856	Hoàng Minh Khánh	Nam	14-10-95	10029	10029	10029	10 01	1	01	4.00	5.00	3.50	12.50	16.00	
30	C	SPHC008858	Nguyễn Thị Hương Lan	Nữ	08-01-94	23013	23013	23013	23 01	1		7.75	4.00	6.50	18.25	20.00	
31	C	SPHC008861	Lù Thị Liên	Nữ	19-03-95	08028	08028	08028	08 09	1	01	5.75	1.50	7.00	14.25	18.00	
32	C	SPHC008863	Đặng Thị Linh	Nữ	19-07-95	25016	25016	25016	25 02	2NT		6.50	5.50	5.00	17.00	18.00	
33	C	SPHC008864	Đinh Thị Khánh Linh	Nữ	13-10-95	1B175	1B175	1B175	1B 17	1	01	5.25	4.25	4.00	13.50	17.00	
34	C	SPHC008865	Hà Trần Diệu Linh	Nữ	21-07-95	15015	15015	15015	15 03	1		7.25	4.50	6.50	18.25	20.00	
35	C	SPHC008869	Trần Thị Thuỳ Linh	Nữ	26-05-94	24063	24063	24063	24 06	2NT		5.75	2.25	6.50	14.50	15.50	
36	C	SPHC008872	Nguyễn Thị Linh Lợi	Nữ	16-07-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		6.25	2.25	6.50	15.00	16.00	
37	C	SPHC008875	Trương Văn Lực	Nam	28-08-95	18016	18016	18016	18 03	1		6.50	2.50	4.50	13.50	15.00	
38	C	SPHC008877	Phạm Thị Lý	Nữ	03-04-94	26010	26010	26010	26 02	2NT		6.50	3.50	6.50	16.50	17.50	
39	C	SPHC008879	Nguyễn Thị Mai	Nữ	03-01-95	1B184	1B184	1B184	1B 18	2NT		6.50	3.25	4.00	13.75	15.00	
40	C	SPHC008878	Nguyễn Thị Mai	Nữ	18-08-95	16052	16052	16052	16 05	2NT		7.25	3.75	3.50	14.50	15.50	
41	C	SPHC008886	Lê Thị Năm	Nữ	20-11-95	16015	16015	16015	16 09	1	01	6.25	1.50	7.00	14.75	18.50	
42	C	SPHC008887	Bùi Thị Quỳnh Nga	Nữ	31-01-94	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT	04	6.25	2.50	5.00	13.75	17.00	
43	C	SPHC008893	Hoàng Thị Ngân	Nữ	07-04-94	19021	19021	19021	19 06	2NT		7.00	7.00	5.00	19.00	20.00	
44	C	SPHC008894	Khà Thị Ngân	Nữ	27-11-95	23020	23020	23020	23 03	1	01	4.50	3.50	6.00	14.00	17.50	
45	C	SPHC019363	Nguyễn Thị ánh Ngọc	Nữ	17-05-95	29078	29078	29078	29 15	2NT		7.00	6.00	5.00	18.00	19.00	
46	C	SPHC008896	Nguyễn Thị Phương Ngọc	Nữ	21-07-95	22054	22054	22054	22 09	2NT		6.25	5.25	5.00	16.50	17.50	
47	C	SPHC008900	Phùng Thị Nhàn	Nữ	20-02-95	1B176	1B176	1B176	1B 17	2NT		4.50	3.50	6.00	14.00	15.00	
48	C	SPHC008901	Đào Văn Nhất	Nam	09-09-94	16093	16093	16093	16 09	1	01	5.00	3.00	4.00	12.00	15.50	
49	C	SPHC008902	Hoàng Thị Nhung	Nữ	26-11-88	15055	15055	15055	15 11	1		7.00	2.00	6.00	15.00	16.50	
50	C	SPHC008904	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	20-04-94	24012	24012	24012	24 01	2		8.00	6.75	6.00	20.75	21.50	
51	C	SPHC008905	Nguyễn Tuyết Nhung	Nữ	01-12-95	05028	05028	05028	05 10	1		7.00	8.00	7.50	22.50	24.00	
52	C	SPHC008907	Vũ Thị Ninh	Nữ	02-11-95	05030	05030	05030	05 10	1		7.25	6.50	5.00	18.75	20.50	
53	C	SPHC008915	Đào Thị Phương	Nữ	07-05-95	16043	16043	16043	16 04	2NT		6.50	5.50	7.50	19.50	20.50	
54	C	SPHC018735	Nguyễn Thị Hải Phương	Nữ	11-10-95	17066	17066	17066	17 11	2NT		4.25	3.00	7.00	14.25	15.50	
55	C	SPHC008919	Trần Thị Phương	Nữ	05-12-95	16072	16072	16072	16 07	1		7.00	5.00	7.50	19.50	21.00	
56	C	SPHC018736	Nguyễn Thị Tú Quyên	Nữ	02-04-94	17066	17066	17066	17 11	2NT		7.25	3.50	7.00	17.75	19.00	
57	C	SPHC008922	Đỗ Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	27-11-95	25016	25016	25016	25 02	2NT		6.75	4.50	5.50	16.75	18.00	

Khối: C **Mã ngành: D140205** **Ngành: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
58	C	SPHC008923	Phan Thị Quỳnh	Nữ	13-03-95	16052	16052	16052	16 04	2NT		8.00	5.50	6.00	19.50	20.50	
59	C	SPHC008924	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	01-04-95	09026	09026	09026	09 05	1		4.25	5.00	5.00	14.25	16.00	
60	C	SPHC008929	Tống Thế Sơn	Nam	20-11-95	1A016	1A016	1A016	1A 08	3	06	6.25	2.25	6.00	14.50	15.50	
61	C	SPHC008932	Tòng Thị Tâm	Nữ	10-04-95	62004	62004	62004	62 09	1	01	5.50	3.00	6.00	14.50	18.00	
62	C	SPHC008934	Hoàng Thị Thanh	Nữ	19-01-94	25098	25071	25071	25 09	2NT	06	5.75	5.50	6.00	17.25	19.50	
63	C	SPHC008935	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	12-06-95	19018	19018	19018	19 03	2NT		7.25	6.50	5.50	19.25	20.50	
64	C	SPHC008938	Nguyễn Hà Thành	Nữ	10-05-95	16012	16012	16012	16 03	2		7.50	7.50	7.50	22.50	23.00	
65	C	SPHC019365	Trần Văn Thái	Nam	27-03-93	30026	30026	30026	30 03	1		6.25	6.00	5.00	17.25	19.00	
66	C	SPHC008942	Mạc Thị Thảo	Nữ	16-11-95	06019	06019	06019	06 06	1	01	4.75	4.00	5.50	14.25	18.00	
67	C	SPHC008946	Trịnh Thị Thảo	Nữ	06-09-95	25055	25055	25055	25 07	2NT		7.00	5.50	6.50	19.00	20.00	
68	C	SPHC008953	Phạm Thị Thơm	Nữ	03-02-95	25084	25084	25084	25 10	2NT		6.25	6.50	6.00	18.75	20.00	
69	C	SPHC008956	Phạm Thị Thu	Nữ	16-03-95	25028	25028	25028	25 04	2NT		6.75	9.25	7.00	23.00	24.00	
70	C	SPHC008958	Bùi Thị Thuận	Nữ	17-07-95	1B186	1B186	1B186	23 04	1	01	4.00	2.50	6.00	12.50	16.00	
71	C	SPHC008959	Đinh Thị Thuỳ	Nữ	09-01-94	14051	14051	14051	14 06	1	01	6.25	3.00	4.50	13.75	17.50	
72	C	SPHC008962	Lê Phương Thuý	Nữ	06-12-94	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		5.50	7.00	4.50	17.00	17.00	
73	C	SPHC008974	Nguyễn Thị Trang	Nữ	13-11-95	16055	16055	16055	16 05	2NT		7.00	2.00	5.00	14.00	15.00	
74	C	SPHC008977	Nguyễn Đình Tuân	Nam	15-09-95	16053	16052	16052	16 05	2NT		5.75	3.25	5.00	14.00	15.00	
75	C	SPHC008982	Nguyễn Duy Tùng	Nam	12-08-95	23034	23034	23034	23 08	1		6.50	4.50	5.50	16.50	18.00	
76	C	SPHC008984	Huỳnh Anh Tú	Nam	11-10-95	25003	25003	25003	25 01	2		5.75	5.00	3.50	14.25	15.00	
77	C	SPHC008985	Phùng Thừa Tú	Nam	19-10-94	09020	09020	09020	09 02	1	01	5.50	3.50	6.00	15.00	18.50	
78	C	SPHC018740	Nguyễn Thị Phương Uyên	Nữ	09-04-95	17017	17017	17017	17 02	1		6.75	2.50	6.50	15.75	17.50	
79	C	SPHC008987	Nguyễn Thị Thu Uyên	Nữ	28-01-95	22033	22033	22033	22 04	2NT		4.75	3.50	6.00	14.25	15.50	
80	C	SPHC008994	Hà Thị Yến	Nữ	27-09-95	14051	14051	14051	14 06	1	01	5.50	0.50	6.50	12.50	16.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D140205** **Ngành: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD113806	Đào Thị Bình	Nữ	09-10-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		6.25	2.00	5.50	13.75	15.00	
2	D1	SPHD113810	Lê Thị Hương Giang	Nữ	05-06-95	1B168	1B168	1B168	1B 16	2		6.50	4.50	6.50	17.50	18.00	
3	D1	SPHD113812	Nguyễn Lê Phương Hạnh	Nữ	14-12-95	1A020	1A020	1A020	1A 10	3		6.25	3.00	5.50	14.75	15.00	
4	D1	SPHD113815	Đào Thị Huyền	Nữ	13-07-95	19024	19024	19024	19 04	2NT		4.75	4.50	7.00	16.25	17.50	
5	D1	SPHD113819	Nguyễn Thị Hương	Nữ	21-11-94	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT		4.25	4.00	6.00	14.25	15.50	
6	D1	SPHD113820	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	06-11-95	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		6.25	3.00	5.50	14.75	15.50	
7	D1	SPHD113821	Đặng Tài Linh	Nữ	23-02-95	16043	16043	16043	16 04	2NT		4.50	5.00	7.00	16.50	17.50	
8	D1	SPHD113829	Nguyễn Thị Phương	Nữ	04-12-95	21033	21033	21033	21 05	2NT		6.00	5.00	5.00	16.00	17.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D140205** **Ngành: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
9	D1	SPHD113831	Trần Bích Phương	Nữ	04-11-95	24043	24043	24043	24 04	2NT		5.00	3.00	6.50	14.50	15.50	
10	D1	SPHD113833	Vũ Minh Tâm	Nữ	01-12-95	25003	25003	25003	25 01	2		6.25	5.50	8.00	19.75	20.50	
11	D1	SPHD113835	Lê Thị Thảo	Nữ	01-12-95	27013	27013	27013	27 05	2	04	3.50	3.00	6.00	12.50	15.00	
12	D1	SPHD113839	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	Nữ	24-02-95	15053	15053	15053	15 12	1		5.25	3.00	6.50	14.75	16.50	
13	D1	SPHD113841	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	24-10-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		5.00	3.00	7.50	15.50	16.50	

Khối: D3 **Mã ngành: D140205** **Ngành: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D3	SPHD315327	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	28-06-95	15001	15001	15001	15 01	2		3.25	7.50	7.50	18.25	19.00	

Danh sách này có 99 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: T **Mã ngành: D140206** **Ngành: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	NK	Tổng	TC	Ghi chú
1	T	SPHT005909	Nguyễn Đức An	Nam	21-08-95	1B183	1B183	1B183	1B 18	2NT		6.75	7.50	20.0	34.25	35.50	
2	T	SPHT005910	Nguyễn Thị Việt An	Nữ	14-04-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		3.00	4.50	16.5	24.00	25.00	
3	T	SPHT005917	Nguyễn Kiêm Việt Anh	Nam	06-07-94	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		6.75	5.00	19.5	31.25	32.50	
4	T	SPHT005920	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	29-07-95	24041	24041	24041	24 04	2NT		3.00	4.25	16.0	23.25	24.50	
5	T	SPHT005928	Phạm Tuấn Cảnh	Nam	21-05-95	21018	21018	21018	21 02	1		3.50	3.00	17.5	24.00	25.50	
6	T	SPHT005932	Nguyễn Xuân Chiến	Nam	28-09-95	1A080	1A080	1A080	1A 13	2		4.75	4.50	17.5	26.75	27.50	
7	T	SPHT005935	Nguyễn Thành Công	Nam	15-07-95	15019	15019	15019	15 04	1		5.25	4.50	14.0	23.75	25.50	
8	T	SPHT005936	Đàm Như Cương	Nam	12-01-95	1B253	1B253	1B253	1B 29	2NT		4.25	4.25	18.0	26.50	27.50	
9	T	SPHT005945	Hoàng Xuân Duy	Nam	24-08-93	25044	25044	25044	25 06	2NT		1.00	3.50	19.0	23.50	24.50	
10	T	SPHT005950	Ngô Đăng Dũng	Nam	06-04-95	25035	25035	25035	25 05	2NT		1.25	3.50	18.5	23.25	24.50	
11	T	SPHT005955	Nguyễn Tiến Dương	Nam	10-09-95	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		0.50	4.25	18.5	23.25	24.50	
12	T	SPHT005960	Nguyễn Hải Đăng	Nam	25-03-95	1B219	1B221	1B221	1B 24	2NT		1.00	2.75	20.0	23.75	25.00	
13	T	SPHT005963	Nguyễn Ngọc Trung Đô	Nam	05-03-95	29087	29087	29087	29 17	2NT		4.25	5.25	18.0	27.50	28.50	
14	T	SPHT005968	Hán Ngọc Hà	Nam	09-04-95	15049	15049	15049	15 11	1		0.75	3.50	18.5	22.75	24.50	
15	T	SPHT005970	Phạm Thanh Hà	Nam	03-07-93	27081	27081	27042	27 08	2NT		2.50	3.50	19.0	25.00	26.00	
16	T	SPHT005973	Nguyễn Mạnh Hải	Nam	25-04-95	25003	25003	25003	25 01	2		6.50	6.50	20.0	33.00	33.50	
17	T	SPHT005975	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	14-02-94	18074	18074	18074	18 07	1		4.00	3.50	15.5	23.00	24.50	
18	T	SPHT005978	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	28-01-95	16071	16071	16071	16 07	2NT		2.75	5.75	16.0	24.50	25.50	
19	T	SPHT005986	Đào Xuân Hiệp	Nam	26-06-94	27031	27031	27031	27 03	1		0.75	2.50	20.0	23.25	25.00	
20	T	SPHT005987	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	20-06-95	1B168	1B168	1B168	1B 18	2		3.00	6.75	15.0	24.75	25.50	
21	T	SPHT005988	Vũ Xuân Hoài	Nam	06-01-95	25046	25046	25046	25 06	2NT		2.25	3.50	19.5	25.25	26.50	
22	T	SPHT005990	Trịnh Văn Hoành	Nam	09-01-95	23041	23041	23041	23 10	1		3.25	2.50	19.5	25.25	27.00	
23	T	SPHT005995	Nguyễn Quang Huy	Nam	16-05-94	16032	16032	16032	16 03	1	06	2.25	4.00	16.0	22.25	25.00	
24	T	SPHT005996	Trần Quang Huy	Nam	05-03-94	27072	27072	27072	27 07	2NT		4.00	5.50	18.0	27.50	28.50	
25	T	SPHT006000	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	26-09-95	15044	15044	15044	15 10	2NT		6.50	5.50	19.0	31.00	32.00	
26	T	SPHT006004	Lưu Xuân Hùng	Nam	04-02-95	16093	16093	16093	16 09	1	01	2.75	4.50	15.5	22.75	26.50	
27	T	SPHT006005	Nguyễn Huy Hùng	Nam	28-01-95	25079	25079	25079	25 10	2NT		2.75	3.75	20.0	26.50	27.50	
28	T	SPHT006009	Mai Khánh Hưởng	Nam	13-07-95	25080	25080	25080	25 10	2NT	06	4.00	4.25	16.0	24.25	26.50	
29	T	SPHT006012	Lương Trung Kiên	Nam	06-03-95	1A264	1A264	1A264	1A 13	2		2.50	3.00	19.0	24.50	25.00	
30	T	SPHT006013	Nguyễn Trung Kiên	Nam	25-06-95	22045	22045	22045	22 07	2NT		2.50	3.75	18.0	24.25	25.50	

Khối: T **Mã ngành: D140206** **Ngành: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	NK	Tổng	TC	Ghi chú
31	T	SPHT006014	Mai Đức Lãm	Nam	15-08-95	28107	02266	02266	28 26	3		4.25	3.50	18.0	25.75	26.00	
32	T	SPHT006015	Phan Xuân Lâm	Nam	24-05-92	1B183	1B183	1B183	1B 18	2NT		0.25	4.00	20.0	24.25	25.50	
33	T	SPHT006016	Nguyễn Thị Len	Nữ	02-09-95	16021	16021	16021	16 02	2NT		2.50	4.25	17.5	24.25	25.50	
34	T	SPHT006018	Phạm Hoàng Linh	Nam	08-06-89	13012	13012	13012	13 03	1		1.00	3.25	19.0	23.25	25.00	
35	T	SPHT006019	Trần Chí Linh	Nam	01-12-94	25016	25016	25016	25 02	2NT		1.75	3.50	20.0	25.25	26.50	
36	T	SPHT006021	Lê Đức Long	Nam	01-09-92	26053	26053	26053	26 08	2NT		1.50	3.25	20.0	24.75	26.00	
37	T	SPHT006024	Nguyễn Văn Lộc	Nam	11-08-94	16063	16063	16063	16 06	2NT		4.00	5.25	16.5	25.75	27.00	
38	T	SPHT006027	Trần Đa Luân	Nam	17-01-94	28024	28024	28024	28 08	1		1.00	3.50	19.5	24.00	25.50	
39	T	SPHT006031	Hoàng Văn Mão	Nam	19-02-94	05016	05016	05016	05 10	1	01	2.25	5.50	18.5	26.25	30.00	
40	T	SPHT006032	Nguyễn Tiến Mạnh	Nam	24-05-95	16055	16055	16055	16 05	2NT		3.75	3.50	20.0	27.25	28.50	
41	T	SPHT006035	Nguyễn Anh Minh	Nam	08-05-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		4.75	4.50	18.0	27.25	28.50	
42	T	SPHT006039	Đinh Trọng Nghĩa	Nam	23-01-95	1A086	1A086	1A086	1A 14	2		6.25	2.75	19.0	28.00	28.50	
43	T	SPHT006042	Hà Tuấn Ngọc	Nam	01-11-94	18013	18013	18013	18 01	2		5.25	4.00	19.5	28.75	29.50	
44	T	SPHT006049	Nguyễn Đăng Ninh	Nam	04-08-94	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		1.75	5.00	18.0	24.75	26.00	
45	T	SPHT006050	Nguyễn Văn Ninh	Nam	25-04-95	16024	16024	16024	16 02	2NT		3.00	2.75	20.0	25.75	27.00	
46	T	SPHT006052	Phạm Thị Phương Oanh	Nữ	17-03-95	27062	27062	27062	27 06	1		3.75	5.00	19.0	27.75	29.50	
47	T	SPHT006055	Nguyễn Đức Phú	Nam	19-10-95	19010	19010	19010	19 07	2NT		7.75	3.75	19.5	31.00	32.00	
48	T	SPHT006057	Đỗ Thị Hà Phương	Nữ	29-07-95	25063	25063	25063	25 08	2NT		4.00	2.50	17.0	23.50	24.50	
49	T	SPHT006063	Hoàng Minh Quang	Nam	23-09-95	1B182	1B182	1B182	1B 17	2NT		1.00	4.75	17.5	23.25	24.50	
50	T	SPHT006067	Vũ Xuân Quyết	Nam	08-01-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		3.75	3.75	16.0	23.50	24.50	
51	T	SPHT006073	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	10-01-94	1A082	1A082	1A082	1A 13	2		3.25	3.75	19.5	26.50	27.00	
52	T	SPHT006074	Nguyễn Văn Tân	Nam	10-01-95	16045	16045	16045	16 04	2NT		3.75	3.50	19.5	26.75	28.00	
53	T	SPHT006076	Bùi Ngọc Thao	Nam	28-03-95	22012	22012	22012	22 01	2		1.00	3.75	19.0	23.75	24.50	
54	T	SPHT006078	Lê Hoàng Thành	Nam	15-02-93	1A156	1A156	1A156	1A 06	3		3.00	5.75	19.0	27.75	28.00	
55	T	SPHT006083	Nguyễn Minh Thái	Nam	12-02-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		3.50	4.50	17.0	25.00	25.50	
56	T	SPHT006084	Lê Thị Thảo	Nữ	29-08-95	22012	22012	22012	22 04	2		2.50	4.50	19.5	26.50	27.00	
57	T	SPHT006085	Bùi Văn Thăng	Nam	05-04-94	18029	18029	18029	18 08	1		1.00	3.75	20.0	24.75	26.50	
58	T	SPHT006087	Trần Quốc Thiều	Nam	30-11-93	21048	21017	21017	21 10	2		2.75	4.50	19.0	26.25	27.00	
59	T	SPHT006088	Phạm Văn Thiện	Nam	01-02-95	16031	16031	16031	16 03	1		3.00	3.50	17.0	23.50	25.00	
60	T	SPHT006091	Lê Văn Thuỷ	Nam	16-01-95	1B250	1B250	1B250	1B 29	2NT		3.25	3.00	19.5	25.75	27.00	
61	T	SPHT006095	Ngô Khắc Tiệp	Nam	13-06-93	25060	25060	25060	25 08	2NT		3.25	3.25	18.5	25.00	26.00	
62	T	SPHT006099	Quách Đức Toàn	Nam	28-09-94	23036	23036	23036	23 07	1	01	0.25	3.50	18.5	22.25	26.00	
63	T	SPHT006100	Nguyễn Văn Toản	Nam	10-01-94	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		1.00	4.25	18.5	23.75	25.00	
64	T	SPHT006102	Nguyễn Ngọc Tới	Nam	19-04-95	25068	25068	25068	25 09	2NT		6.50	5.00	13.0	24.50	25.50	

Khối: T **Mã ngành: D140206** **Ngành: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	NK	Tổng	TC	Ghi chú
65	T	SPHT006107	Nguyễn Lương Trinh	Nam	30-09-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		5.25	4.75	18.5	28.50	29.50	
66	T	SPHT006109	Đỗ Đức Trung	Nam	26-12-95	21025	21025	21025	21 11	2NT		1.75	4.50	17.5	23.75	25.00	
67	T	SPHT006113	Nguyễn Công Trường	Nam	08-12-95	28100	28100	28100	28 25	2NT		5.00	4.50	19.0	28.50	29.50	
68	T	SPHT006118	Phạm Trọng Tuấn	Nam	09-07-95	1A082	1A082	1A082	1A 13	2		1.25	3.50	19.5	24.25	25.00	
69	T	SPHT006120	Hoàng Văn Tùng	Nam	22-08-92	18048	18048	18048	18 04	1		1.00	3.00	19.0	23.00	24.50	
70	T	SPHT006124	Trịnh Bá Tùng	Nam	11-11-95	25022	25022	25022	25 03	2NT		4.25	4.25	19.0	27.50	28.50	
71	T	SPHT006125	Vũ Thanh Tùng	Nam	13-07-94	15006	15006	15006	15 01	2		1.00	3.75	20.0	24.75	25.50	
72	T	SPHT006129	Nguyễn Ngọc Tú	Nam	12-08-95	25079	25079	25079	25 10	2NT		1.75	3.50	19.0	24.25	25.50	
73	T	SPHT006134	Phạm Văn Vàng	Nam	11-09-95	26018	26018	26018	26 03	2NT		4.00	4.00	16.5	24.50	25.50	

Danh sách này có 73 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140208** **Ngành: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA000379	Hoàng Thị Hà Phương	Nữ	25-08-94	16083	16083	16083	1A 10	2		5.75	2.25	6.75	14.75	15.50	
2	A	SPHA000380	Đoàn Thị Phương Thảo	Nữ	09-06-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		4.75	6.75	5.75	17.25	18.50	

Khối: C **Mã ngành: D140208** **Ngành: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC008997	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	20-11-95	15028	15028	15028	15 06	2NT		5.75	4.50	7.00	17.25	18.50	
2	C	SPHC009004	Nguyễn Nhân Công	Nam	05-07-95	16072	16072	16072	16 07	1		5.75	5.00	4.00	14.75	16.50	
3	C	SPHC009014	Nguyễn Thị Đào	Nữ	21-02-95	1B229	1B229	1B229	1B 26	2NT		8.00	1.75	6.00	15.75	17.00	
4	C	SPHC009019	Nguyễn Văn Hà	Nam	20-09-94	18050	18050	18050	18 04	1		5.50	3.75	5.00	14.25	16.00	
5	C	SPHC009021	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	27-07-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		5.25	1.50	7.50	14.25	15.50	
6	C	SPHC009023	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	07-08-95	1B249	1B249	1B249	1B 29	2NT		5.00	3.00	6.00	14.00	15.00	
7	C	SPHC009033	Nguyễn Thị Hợi	Nữ	20-04-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		5.00	7.25	5.50	17.75	19.00	
8	C	SPHC009037	Trần Thị Hướng	Nữ	03-10-95	19020	19020	19020	19 03	2NT		8.00	7.75	6.00	21.75	23.00	
9	C	SPHC009052	Đỗ Thị Minh	Nữ	20-07-95	19019	19019	19019	19 03	2NT		7.25	4.00	4.00	15.25	16.50	
10	C	SPHC009061	Chu Thị Như Quỳnh	Nữ	24-10-95	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		7.75	7.25	4.50	19.50	20.50	
11	C	SPHC009066	Bùi Thị Thảo	Nữ	25-03-95	16072	16072	16072	16 07	1		7.75	5.00	7.00	19.75	21.50	
12	C	SPHC009068	Lăng Thị Thơm	Nữ	12-09-95	18018	18018	18018	18 05	1	01	6.25	3.25	5.50	15.00	18.50	
13	C	SPHC009072	Nguyễn Thị Thương	Nữ	30-05-95	02044	19019	19019	19 03	2NT		6.00	3.50	6.50	16.00	17.00	
14	C	SPHC009074	Bùi Kiều Trang	Nữ	08-01-94	1A087	1A087	1A087	1A 14	2		7.25	3.50	7.00	17.75	18.50	
15	C	SPHC009075	Đỗ Thị Trang	Nữ	20-04-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		6.50	2.00	6.00	14.50	15.50	
16	C	SPHC009077	Nguyễn Thu Trang	Nữ	15-09-95	1B176	1B176	1B176	1B 17	2NT		8.25	5.00	4.00	17.25	18.50	
17	C	SPHC009082	Nguyễn Bỉnh Tuấn	Nam	08-06-94	19034	19034	19034	19 04	2NT		6.00	4.50	4.00	14.50	15.50	
18	C	SPHC009088	Nguyễn Thị Vân	Nữ	03-05-94	1B224	1B224	1B224	1B 25	2NT		6.25	3.25	5.50	15.00	16.00	
19	C	SPHC009091	Lê Thị Yến	Nữ	02-05-95	16043	16043	16043	16 04	2NT		7.00	1.75	6.00	14.75	16.00	

Danh sách này có 21 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140209** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA000392	Vũ Bình An	Nam	21-09-95	13002	13002	13002	13 04	1		7.75	7.50	8.50	23.75	25.50	
2	A	SPHA018407	Bùi Lê Quỳnh Anh	Nữ	22-09-95	17004	17004	17004	17 01	2		7.75	7.50	8.00	23.25	24.00	
3	A	SPHA000403	Đỗ Thị Kim Anh	Nữ	02-07-95	26010	26010	26010	26 02	2NT		9.00	7.75	9.75	26.50	27.50	
4	A	SPHA000405	Đỗ Thị Lan Anh	Nữ	14-03-94	24041	24041	24041	24 04	2NT		9.00	7.00	9.00	25.00	26.00	
5	A	SPHA000414	Hoàng Thị Kim Anh	Nữ	22-02-95	1B229	1B229	1B229	1B 25	2NT		8.00	7.50	8.00	23.50	24.50	
6	A	SPHA000420	Lê Phương Anh	Nữ	05-10-95	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT		9.75	8.00	10.00	27.75	29.00	
7	A	SPHA000423	Lê Thị Mai Anh	Nữ	11-09-95	1A086	1A086	1A086	1A 14	2		8.75	6.75	9.25	24.75	25.50	
8	A	SPHA000432	Nguyễn Hùng Anh	Nam	05-11-95	1A000	1A000	1A000	1A 01	3		7.75	7.50	9.00	24.25	24.50	
9	A	SPHA000446	Phan Ngọc Anh	Nữ	13-02-95	12010	12010	12010	12 01	2		8.50	7.25	9.25	25.00	25.50	
10	A	SPHA000456	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	28-02-95	26047	26047	26047	26 07	2NT	04	6.50	6.50	9.00	22.00	25.00	
11	A	SPHA000464	Vũ Quốc Anh	Nam	22-09-95	24061	24061	24061	24 06	2NT		8.25	7.50	8.50	24.25	25.50	
12	A	SPHA000465	Vũ Quỳnh Anh	Nữ	13-01-95	25002	25002	25002	25 01	2		8.75	7.50	9.25	25.50	26.00	
13	A	SPHA018411	Vũ Thị Hiền Anh	Nữ	28-01-95	17001	17001	17001	17 01	2		7.75	8.25	7.50	23.50	24.00	
14	A	SPHA000471	Nguyễn Thị Ngọc ánh	Nữ	02-07-94	1B163	1B163	1B163	1B 15	3		8.25	7.50	9.00	24.75	25.00	
15	A	SPHA000475	Ngô Thị Ban	Nữ	07-04-95	19027	19027	19027	19 02	2		8.25	6.75	9.00	24.00	24.50	
16	A	SPHA000486	Bùi Thị Bích	Nữ	28-05-94	21034	21034	21034	21 08	2NT		8.25	7.50	8.25	24.00	25.00	
17	A	SPHA000487	Đặng Thị Ngọc Bích	Nữ	25-03-95	19026	19026	19026	19 02	2NT		6.75	8.25	9.25	24.25	25.50	
18	A	SPHA000491	Đỗ Văn Cầm	Nam	28-07-95	1A061	1A061	1A061	1B 21	2		7.50	7.50	8.50	23.50	24.00	
19	A	SPHA000498	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	15-06-95	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		8.25	7.75	7.75	23.75	24.50	
20	A	SPHA000516	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	27-12-95	26002	26002	26002	26 01	2		9.25	6.25	8.50	24.00	24.50	
21	A	SPHA000518	Phạm Hùng Cường	Nam	10-12-95	1A029	1A029	1A029	1A 09	3		7.50	7.25	9.75	24.50	24.50	
22	A	SPHA000528	Trần Thị Diệu	Nữ	07-05-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		8.50	7.75	8.25	24.50	25.50	
23	A	SPHA000533	Phạm Thị Hồng Doan	Nữ	04-11-95	21032	21032	21032	21 05	2NT		6.75	7.25	9.25	23.25	24.50	
24	A	SPHA000538	Hoàng Hoa Hạnh Dung	Nữ	03-07-95	1A016	1A016	1A016	1A 07	3		8.50	6.50	9.00	24.00	24.00	
25	A	SPHA000549	Trần Thị Dung	Nữ	07-08-95	21036	21036	21036	21 07	2NT		7.50	7.00	9.25	23.75	25.00	
26	A	SPHA000550	Trần Thị Kim Dung	Nữ	20-06-95	21014	21014	21014	21 01	2		9.00	7.50	7.50	24.00	24.50	
27	A	SPHA000573	Vũ Thị Duyên	Nữ	25-04-95	24011	24011	24011	24 03	2		9.00	7.50	9.75	26.25	27.00	
28	A	SPHA000584	Lê Thuỳ Dương	Nữ	19-02-95	1B162	1B162	1B162	1B 23	3		8.50	6.00	9.75	24.25	24.50	
29	A	SPHA000598	Nguyễn Quốc Đạt	Nam	12-08-95	1B219	1B219	1B219	1B 24	2NT		9.00	8.50	10.00	27.50	28.50	
30	A	SPHA000600	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	30-05-95	1A045	1A045	1A045	1A 06	3		10.00	8.00	9.25	27.25	27.50	

Khối: A **Mã ngành: D140209** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
31	A	SPHA000602	Nguyễn Thành Đăng	Nam	04-10-95	1A013	1A013	1A013	1B 24	3		8.50	7.50	8.75	24.75	25.00	
32	A	SPHA000609	Lưu Công Đông	Nam	20-02-94	10002	10002	10002	10 01	1		7.50	7.00	7.75	22.25	24.00	
33	A	SPHA000615	Bùi Minh Đức	Nam	05-09-95	26052	26052	26052	26 08	2NT		8.00	8.50	7.50	24.00	25.00	
34	A	SPHA000618	Nguyễn Tiến Đức	Nam	08-01-86	1A045	1A045	1A045	1A 06	3		8.00	7.75	9.25	25.00	25.00	
35	A	SPHA000659	Ngô Thị Thu Hà	Nữ	11-03-95	1B203	1B203	1B203	1B 21	2NT		8.75	7.00	9.50	25.25	26.50	
36	A	SPHA000662	Nguyễn Thị Hà	Nữ	18-12-95	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		9.00	5.75	8.50	23.25	24.50	
37	A	SPHA000664	Nguyễn Thị Hà	Nữ	23-02-95	19010	19010	19010	19 07	2NT		8.00	7.25	8.50	23.75	25.00	
38	A	SPHA018424	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	16-11-95	17057	17057	17057	17 10	1		7.50	8.25	8.25	24.00	25.50	
39	A	SPHA000670	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	01-08-95	1A033	1A033	1A033	1A 05	3		8.00	7.00	8.75	23.75	24.00	
40	A	SPHA000673	Nguyễn Thu Hà	Nữ	10-09-95	1A045	1A045	1A045	1A 11	3		8.75	8.00	9.25	26.00	26.00	
41	A	SPHA000678	Nguyễn Việt Hà	Nữ	29-09-95	62002	62002	62002	62 04	1		7.75	7.50	9.75	25.00	26.50	
42	A	SPHA000680	Phạm Hải Hà	Nữ	23-07-95	26002	26002	26002	26 05	2		9.00	8.50	9.25	26.75	27.50	
43	A	SPHA000689	Trần Thị Hà	Nữ	28-08-95	24055	24055	24055	24 05	01		8.25	8.25	8.50	25.00	25.00	
44	A	SPHA000695	Vũ Thị Thu Hà	Nữ	07-10-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		9.75	7.25	8.50	25.50	26.50	
45	A	SPHA000700	Khổng Văn Hải	Nam	13-04-95	1A037	1A037	1A037	19 02	3		9.50	8.00	9.50	27.00	27.00	
46	A	SPHA000704	Nguyễn Thanh Hải	Nữ	11-03-95	1B223	1B223	1B223	1B 26	2NT		8.75	6.50	8.00	23.25	24.50	
47	A	SPHA000705	Nguyễn Thanh Hải	Nữ	03-08-95	1B162	1B162	1B162	1A 11	3		8.25	7.50	9.50	25.25	25.50	
48	A	SPHA000707	Nguyễn Xuân Hải	Nam	09-12-95	1A037	1A037	1A037	1A 10	3		8.75	7.50	10.00	26.25	26.50	
49	A	SPHA000714	Nguyễn Phương Hảo	Nữ	10-05-95	19011	19011	19011	19 07	2NT		9.00	5.50	9.25	23.75	25.00	
50	A	SPHA000715	Nguyễn Thị Minh Hảo	Nữ	04-08-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		6.25	7.50	9.50	23.25	24.50	
51	A	SPHA000724	Ngô Hồng Hạnh	Nữ	02-12-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		8.25	7.50	8.75	24.50	25.50	
52	A	SPHA000729	Nguyễn Thuý Hạnh	Nữ	05-11-95	18032	18032	18032	18 09	2NT		7.75	6.50	8.75	23.00	24.00	
53	A	SPHA000731	Phùng Thị Hạnh	Nữ	11-02-95	12033	12033	12033	15 07	1	01	7.50	6.50	7.75	21.75	25.50	
54	A	SPHA000734	Bùi Thị Thu Hằng	Nữ	19-02-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		7.25	6.50	9.00	22.75	24.00	
55	A	SPHA000745	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	10-02-95	26025	26025	26025	26 04	2NT		8.75	7.50	8.75	25.00	26.00	
56	A	SPHA000748	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	15-12-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		8.75	6.75	8.25	23.75	25.00	
57	A	SPHA000749	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	15-09-95	1B219	1B219	1B219	1B 24	2NT		8.75	6.75	9.50	25.00	26.00	
58	A	SPHA000757	Phùng Thị Hằng	Nữ	10-05-95	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		8.00	7.25	9.50	24.75	26.00	
59	A	SPHA000765	Đinh Thị Hiền	Nữ	29-10-95	18026	18026	18026	18 07	2NT		7.75	6.75	9.00	23.50	24.50	
60	A	SPHA000766	Đỗ Thị Thu Hiền	Nữ	18-10-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		8.00	7.25	8.25	23.50	24.50	
61	A	SPHA000792	Nguyễn Thị Hiện	Nữ	20-07-95	19011	19011	19011	19 07	2NT		8.00	7.25	9.50	24.75	26.00	
62	A	SPHA018430	Hoàng Hiệp	Nam	12-04-94	03014	03014	03014	03 03	3		8.50	8.00	8.75	25.25	25.50	
63	A	SPHA000794	Nguyễn Duy Hiệp	Nam	21-09-95	1B162	1B162	1B162	1B 24	3		9.00	7.50	10.00	26.50	26.50	
64	A	SPHA000800	Cao Phương Hoa	Nữ	10-04-95	1A003	1A003	1A003	1A 06	3		9.00	7.50	8.50	25.00	25.00	

Khối: A **Mã ngành: D140209** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
65	A	SPHA000802	Đặng Phương Hoa	Nữ	14-09-95	1A029	1A029	1A029	1A 03	3		9.00	8.00	9.25	26.25	26.50	
66	A	SPHA000815	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	18-10-95	16012	16012	16012	16 06	2		8.50	7.00	9.00	24.50	25.00	
67	A	SPHA000822	Nguyễn Ngọc Hoà	Nam	27-07-90	15023	15023	15023	15 05	1		7.25	7.50	8.50	23.25	25.00	
68	A	SPHA000828	Vũ Thị Minh Hoà	Nữ	04-08-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		8.75	7.50	9.75	26.00	27.00	
69	A	SPHA000835	Dương Văn Hoàng	Nam	22-06-93	18024	18024	18024	18 06	1		9.00	6.50	9.25	24.75	26.50	
70	A	SPHA000836	Đinh Huy Hoàng	Nam	17-04-95	16012	16012	16012	16 04	2		9.00	7.50	9.50	26.00	26.50	
71	A	SPHA018436	Đoàn Văn Hoàng	Nam	18-12-95	03025	03025	03025	03 05	3		9.50	6.25	9.00	24.75	25.00	
72	A	SPHA018437	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	25-12-95	17015	17015	17015	17 02	2		7.25	8.00	8.75	24.00	24.50	
73	A	SPHA000845	Chu Thị Mai Hồng	Nữ	28-02-95	1B168	1B168	1B168	1B 17	2		9.25	7.50	9.75	26.50	27.00	
74	A	SPHA000848	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	15-01-95	1B224	1B224	1B224	1B 25	2NT	06	7.00	7.50	8.00	22.50	24.50	
75	A	SPHA000851	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	08-05-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		8.50	7.00	9.50	25.00	26.00	
76	A	SPHA000860	Nguyễn Kim Huệ	Nữ	21-05-95	1A070	1A070	1A070	1A 12	2		8.00	6.75	9.25	24.00	24.50	
77	A	SPHA000863	Lê Quang Huy	Nam	26-04-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		9.00	8.00	9.75	26.75	28.00	
78	A	SPHA000864	Nguyễn Đình Huy	Nam	21-07-95	1B231	1B231	1B231	1B 26	2NT		8.25	6.75	9.00	24.00	25.00	
79	A	SPHA000874	Hoàng Thị Huyền	Nữ	10-09-95	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		9.00	7.50	8.50	25.00	25.50	
80	A	SPHA000878	Lê Thị Huyền	Nữ	19-05-95	28118	28118	28118	28 20	2		9.50	6.50	9.50	25.50	26.00	
81	A	SPHA000882	Nguyễn Khải Huyền	Nữ	27-12-95	26046	26046	26046	26 07	2NT		9.75	7.50	7.75	25.00	26.00	
82	A	SPHA000885	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	09-06-95	15001	15001	15001	15 10	2		8.25	6.25	8.75	23.25	24.00	
83	A	SPHA000890	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	25-12-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		7.75	8.00	10.00	25.75	27.00	
84	A	SPHA000894	Nguyễn Thị Mai Huyền	Nữ	18-12-95	15001	15001	15001	15 02	2		8.25	7.50	10.00	25.75	26.50	
85	A	SPHA000903	Phạm Thanh Huyền	Nữ	27-02-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		7.50	7.75	8.75	24.00	24.50	
86	A	SPHA019126	Trần Thị Thanh Huyền	Nữ	20-10-95	29092	29092	29092	29 18	2NT		7.25	7.50	8.50	23.25	24.50	
87	A	SPHA000911	Vũ Thị Huyền	Nữ	17-07-95	25050	25050	25050	25 07	2NT		8.50	6.75	8.50	23.75	25.00	
88	A	SPHA000910	Vũ Thị Huyền	Nữ	02-08-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		7.00	7.25	9.50	23.75	25.00	
89	A	SPHA000915	Hoàng Công Hùng	Nam	30-11-92	25004	25004	25004	25 01	2		8.00	7.00	8.25	23.25	24.00	
90	A	SPHA000916	Hoàng Mạnh Hùng	Nam	16-10-95	1A045	1A045	1A045	26 03	3		8.00	8.25	9.75	26.00	26.00	
91	A	SPHA000920	Nguyễn Trọng Hùng	Nam	11-08-90	28118	28118	28118	28 22	2		8.75	7.25	8.00	24.00	24.50	
92	A	SPHA000924	Lê Đức Hưng	Nam	19-03-95	1B162	1B162	1B162	1B 24	3		8.50	8.00	9.75	26.25	26.50	
93	A	SPHA000926	Nguyễn Công Việt Hưng	Nam	05-07-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		9.00	9.50	9.50	28.00	28.00	
94	A	SPHA000928	Phan Duy Hưng	Nam	24-05-94	16041	16041	16041	16 04	2NT		5.75	8.00	9.50	23.25	24.50	
95	A	SPHA000933	Đào Thị Thu Hương	Nữ	22-09-94	22057	22057	22057	22 10	2NT		7.00	8.25	7.50	22.75	24.00	
96	A	SPHA000940	Lê Thị Mai Hương	Nữ	17-07-95	24022	24022	24022	24 02	2NT		8.75	5.75	9.00	23.50	24.50	
97	A	SPHA019131	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	05-04-95	29006	29006	29006	29 02	2		8.50	6.50	8.50	23.50	24.00	
98	A	SPHA018442	Phạm Thị Hương	Nữ	08-03-95	17014	17014	17014	17 02	2		7.75	7.25	9.25	24.25	25.00	

Khối: A **Mã ngành: D140209** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
99	A	SPHA000956	Trần Liên Hương	Nữ	25-02-95	1A008	1A008	1A008	1A 02	3		8.75	7.75	7.75	24.25	24.50	
100	A	SPHA000961	Vũ Thị Thanh Hương	Nữ	21-01-95	1B230	1B230	1B230	1B 26	2NT		7.50	7.25	8.50	23.25	24.50	
101	A	SPHA000968	Nguyễn Thanh Hường	Nữ	06-02-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		9.00	7.50	8.00	24.50	24.50	
102	A	SPHA000976	Trần Thị Minh Hướng	Nữ	31-10-95	1B210	21025	21025	1B 22	2NT		6.25	7.50	9.00	22.75	24.00	
103	A	SPHA000977	Nguyễn Công Hưởng	Nam	10-12-95	1A086	1A086	1A086	1A 14	2		8.25	6.75	8.50	23.50	24.00	
104	A	SPHA000989	Phạm Quang Khải	Nam	23-06-95	62002	62002	62002	62 03	1		7.25	6.50	8.50	22.25	24.00	
105	A	SPHA000992	Nguyễn Mạnh Khương	Nam	25-09-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		8.00	8.25	9.25	25.50	26.00	
106	A	SPHA001001	Trần Hoàn Kim	Nữ	19-08-95	1A008	1A008	1A008	1A 02	3		8.25	8.50	8.50	25.25	25.50	
107	A	SPHA001002	Trần Thị Kim	Nữ	11-04-95	18032	18032	18032	18 09	2NT		7.75	6.50	8.50	22.75	24.00	
108	A	SPHA001006	Hoàng Thị Lan	Nữ	16-10-95	19011	19011	19011	19 07	2NT		8.00	7.25	8.00	23.25	24.50	
109	A	SPHA001007	Lê Thị Ngọc Lan	Nữ	16-01-95	1A078	1A078	1A078	1A 13	2		9.00	8.25	9.50	26.75	27.50	
110	A	SPHA001014	Nguyễn Thị Lan	Nữ	14-12-95	1B242	1B242	1B242	1B 27	2NT		8.00	7.50	9.00	24.50	25.50	
111	A	SPHA001017	Triệu Kim Lan	Nữ	08-03-95	10003	10003	10003	10 04	1	01	7.75	6.25	6.50	20.50	24.00	
112	A	SPHA019133	Đoàn Thị Liên	Nữ	15-03-95	29089	29089	29089	29 17	2NT		8.00	7.50	8.75	24.25	25.50	
113	A	SPHA001036	Cao Thảo Linh	Nữ	11-08-95	13012	13012	13012	13 03	1		7.50	7.50	9.50	24.50	26.00	
114	A	SPHA001039	Đan Khánh Linh	Nữ	01-08-95	24013	24013	24013	24 01	2		9.00	7.00	9.50	25.50	26.00	
115	A	SPHA001041	Đỗ Diệu Linh	Nữ	23-04-95	27011	27011	27011	27 01	2		8.50	6.50	8.75	23.75	24.50	
116	A	SPHA001042	Đỗ Thảo Linh	Nữ	09-05-95	1A037	1A037	1A037	15 09	3		8.50	7.00	9.00	24.50	24.50	
117	A	SPHA001050	Lê Thị Ngọc Linh	Nữ	26-09-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		8.00	7.50	9.50	25.00	26.00	
118	A	SPHA001051	Lê Thuỳ Linh	Nữ	21-09-95	1B245	1B245	1B245	1B 27	2NT		7.75	6.25	9.25	23.25	24.50	
119	A	SPHA001057	Nguyễn Công Trần Mạnh Linh	Nam	04-02-95	1A003	1A003	1A003	1A 01	3		8.25	7.75	9.00	25.00	25.00	
120	A	SPHA001068	Nguyễn Thị Linh	Nữ	02-11-95	62002	62002	62002	62 03	1		9.50	7.50	9.50	26.50	28.00	
121	A	SPHA001077	Nguyễn Thuỳ Linh	Nữ	02-08-95	1A029	1A029	1A029	1A 05	3		8.25	7.75	8.50	24.50	24.50	
122	A	SPHA001084	Trần Thị Linh	Nữ	10-10-95	24055	24055	24055	24 05	01		8.00	8.50	9.25	25.75	26.00	
123	A	SPHA001092	Vũ Thuỳ Linh	Nữ	12-05-95	18012	18012	18012	18 10	2		7.75	7.25	9.50	24.50	25.00	
124	A	SPHA001097	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	04-11-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		7.75	8.50	9.00	25.25	26.00	
125	A	SPHA018447	Nguyễn Đức Long	Nam	22-05-95	17015	17015	17015	17 02	2		7.50	7.00	9.00	23.50	24.00	
126	A	SPHA001105	Nguyễn Thành Long	Nam	09-09-95	1A015	1A015	1A015	1A 01	3		9.50	6.50	8.25	24.25	24.50	
127	A	SPHA001109	Trần Đại Lộ	Nam	19-06-95	62002	62002	62002	62 01	1		8.25	7.50	9.50	25.25	27.00	
128	A	SPHA001111	Đặng Thắng Lợi	Nam	02-03-95	1A045	1A045	1A045	1B 26	3	06	9.50	8.00	8.50	26.00	27.00	
129	A	SPHA001115	Nguyễn Thị Luyên	Nữ	01-10-95	1B199	1B199	1B199	1B 21	2NT		7.50	7.50	9.00	24.00	25.00	
130	A	SPHA001120	Đỗ Văn Lưu	Nam	26-06-95	16091	16091	16091	16 09	1		8.25	7.50	9.00	24.75	26.50	
131	A	SPHA001122	Mạc Thị Thảo Ly	Nữ	05-02-95	19016	19016	19016	19 05	2		8.25	7.00	8.50	23.75	24.50	
132	A	SPHA001123	Nguyễn Phương Ly	Nữ	21-12-95	1A013	1A013	1A013	1A 08	3		8.75	7.50	8.75	25.00	25.00	

Khối: A **Mã ngành: D140209** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
133	A	SPHA001125	Trần Thị Hương Ly	Nữ	04-08-95	1A061	1A061	1A061	1A 06	2		9.00	8.50	9.50	27.00	27.50	
134	A	SPHA001126	Trần Thị Hương Ly	Nữ	30-09-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT	06	7.75	8.00	8.75	24.50	26.50	
135	A	SPHA001130	Tạ Thị Lý	Nữ	13-03-95	16012	16012	16012	16 05	2		9.50	7.50	8.75	25.75	26.50	
136	A	SPHA001140	Lê Thị Ngọc Mai	Nữ	24-02-95	21022	21022	21022	21 10	2NT		7.00	7.00	9.00	23.00	24.00	
137	A	SPHA001154	Tạ Thanh Mai	Nữ	07-04-95	1A055	1A055	1A055	1A 09	3		7.75	7.00	9.50	24.25	24.50	
138	A	SPHA001159	Bùi Đức Mạnh	Nam	24-08-95	1A029	1A029	1A029	1A 08	3		9.75	7.50	9.00	26.25	26.50	
139	A	SPHA001181	Lê Thị Mơ	Nữ	06-11-95	19011	19011	19011	19 07	2NT		7.25	6.75	9.25	23.25	24.50	
140	A	SPHA001186	Nguyễn Thảo My	Nữ	09-09-95	1A045	1A045	1A045	1B 26	3		9.50	8.00	9.75	27.25	27.50	
141	A	SPHA001192	Trần Trà My	Nữ	19-12-94	1A029	1A029	1A029	1A 06	3		9.00	7.75	9.25	26.00	26.00	
142	A	SPHA001194	Đặng Thành Nam	Nam	10-09-95	1A016	1A016	1A016	1A 04	3		8.00	7.50	9.00	24.50	24.50	
143	A	SPHA001195	Lê Hoàng Nam	Nam	05-02-95	1A003	1A003	1A003	1B 15	3		8.25	6.50	9.00	23.75	24.00	
144	A	SPHA001200	Nguyễn Phương Nam	Nam	05-10-95	1A013	1A013	1A013	1A 03	3		8.75	9.25	9.25	27.25	27.50	
145	A	SPHA001207	Dương Quỳnh Nga	Nữ	31-10-95	19014	19014	19014	19 08	2NT		6.50	7.50	9.25	23.25	24.50	
146	A	SPHA001209	Đinh Thị Nga	Nữ	15-08-95	19014	19014	19014	19 08	2NT		8.50	7.75	9.50	25.75	27.00	
147	A	SPHA001213	Lê Thị Quỳnh Nga	Nữ	08-12-95	16072	16072	16072	16 07	1		7.00	7.50	7.75	22.25	24.00	
148	A	SPHA001218	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	03-07-94	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		8.50	6.50	8.25	23.25	24.50	
149	A	SPHA001249	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	30-03-95	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		8.75	6.50	7.50	22.75	24.00	
150	A	SPHA001252	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	18-04-95	15044	15044	15044	15 10	2NT		7.75	8.25	8.25	24.25	25.50	
151	A	SPHA001256	Phạm Bích Ngọc	Nữ	30-09-95	25027	25027	25027	25 03	2NT		7.75	7.00	8.50	23.25	24.50	
152	A	SPHA001257	Phạm Hồng Ngọc	Nữ	25-04-92	26002	26002	26002	26 01	2		8.25	7.50	8.50	24.25	25.00	
153	A	SPHA001262	Trần Minh Ngọc	Nữ	08-04-95	1A029	1A029	1A029	1A 03	3		8.75	7.25	7.75	23.75	24.00	
154	A	SPHA001265	Trình ánh Ngọc	Nữ	02-06-95	1B162	1B162	1B162	1A 11	3		7.50	9.50	9.75	26.75	27.00	
155	A	SPHA001268	Vũ Thị Ngọc	Nữ	20-02-95	1B203	1B203	1B203	1B 21	2NT		8.50	7.00	9.25	24.75	26.00	
156	A	SPHA001278	Nguyễn Thị Bích Nguyệt	Nữ	19-03-95	16031	16031	16031	16 03	1		8.75	7.50	9.00	25.25	27.00	
157	A	SPHA001280	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	12-07-95	1B206	1B206	1B206	1B 21	2NT		8.25	7.50	9.50	25.25	26.50	
158	A	SPHA001290	Bùi Thị Nhung	Nữ	14-04-95	26002	26002	26002	26 01	2		8.50	7.50	8.75	24.75	25.50	
159	A	SPHA001293	Hà Thị Nhung	Nữ	12-03-94	26004	26004	26004	26 01	2		8.50	6.50	8.75	23.75	24.50	
160	A	SPHA018450	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	25-09-95	17024	17024	17024	17 03	2		7.75	6.50	9.25	23.50	24.00	
161	A	SPHA001301	Phùng Thị Nhung	Nữ	22-04-95	16012	16012	16012	16 02	2		8.25	6.50	8.50	23.25	24.00	
162	A	SPHA001303	Trần Thị Cẩm Nhung	Nữ	22-07-95	26018	26018	26018	26 03	2NT		8.75	7.50	9.50	25.75	27.00	
163	A	SPHA019149	Trần Thị Nhung	Nữ	20-01-95	29002	29002	29002	29 01	2	06	8.50	7.00	8.50	24.00	25.50	
164	A	SPHA001309	Vũ Thị Như	Nữ	14-11-95	25002	25002	25002	25 08	2		8.75	7.75	9.50	26.00	26.50	
165	A	SPHA001334	Đoàn Thị Hồng Phương	Nữ	19-03-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		8.75	7.25	7.50	23.50	24.00	
166	A	SPHA001341	Lê Thị Minh Phương	Nữ	24-08-95	1A060	1A060	1A060	1A 10	2		8.50	7.75	9.00	25.25	26.00	

Khối: A **Mã ngành: D140209** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
167	A	SPHA001344	Lưu Huệ Phương	Nữ	29-07-94	21014	21014	21014	21 01	2		8.75	6.25	8.75	23.75	24.50	
168	A	SPHA018454	Nguyễn Mai Phương	Nữ	09-04-95	17070	17070	17070	17 01	1		7.75	6.25	8.50	22.50	24.00	
169	A	SPHA001352	Nguyễn Thị Minh Phương	Nữ	16-09-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT	06	6.25	7.25	8.25	21.75	24.00	
170	A	SPHA001354	Nguyễn Thị Mỹ Phương	Nữ	19-10-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		8.75	7.00	9.50	25.25	26.50	
171	A	SPHA001355	Nguyễn Thị Phương	Nữ	22-11-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		7.75	7.25	8.50	23.50	24.50	
172	A	SPHA001359	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	Nữ	12-01-95	1B215	1B215	1B215	1B 23	2NT		8.00	8.25	9.50	25.75	27.00	
173	A	SPHA001364	Phạm Thị Phương	Nữ	09-01-95	25002	25002	25002	25 10	2		8.25	7.75	8.75	24.75	25.50	
174	A	SPHA001366	Tào Hoài Phương	Nữ	08-10-95	1B162	1B162	1B162	1A 10	3		8.75	7.50	9.25	25.50	25.50	
175	A	SPHA001368	Trần Thị Mai Phương	Nữ	01-03-95	15001	15001	15001	15 01	2		8.75	6.50	9.50	24.75	25.50	
176	A	SPHA001374	Nguyễn Hồng Phượng	Nữ	29-06-95	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		8.00	7.75	9.00	24.75	25.50	
177	A	SPHA001390	Vi Văn Quân	Nam	17-02-94	18048	18048	18048	18 08	1		8.00	7.00	8.25	23.25	25.00	
178	A	SPHA018459	Nguyễn Thị Kim Quy	Nữ	18-05-95	03013	03013	03013	03 10	3		9.00	7.00	8.75	24.75	25.00	
179	A	SPHA001396	Lê Thị Quyên	Nữ	31-01-95	1A086	1A086	1A086	1A 14	2		9.00	7.75	8.75	25.50	26.00	
180	A	SPHA001400	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	19-05-95	1B162	1B162	1B162	1B 23	3		9.00	7.50	9.50	26.00	26.00	
181	A	SPHA018460	Vũ Thị Quyên	Nữ	12-07-95	17067	17067	17067	17 11	2NT		8.75	7.25	9.25	25.25	26.50	
182	A	SPHA001409	Bùi Thị Quỳnh	Nữ	17-05-95	26042	26042	26042	26 06	2NT		8.50	6.50	9.75	24.75	26.00	
183	A	SPHA001423	Doãn Thị Thu Sang	Nữ	10-06-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		8.75	7.75	9.50	26.00	27.00	
184	A	SPHA001424	Nguyễn Thị Sang	Nữ	15-01-95	19027	19027	19027	19 01	2		9.00	7.25	9.00	25.25	26.00	
185	A	SPHA019156	Nguyễn Thị Mai Sương	Nữ	15-08-95	29050	29050	29050	29 11	1	01	8.00	6.75	7.50	22.25	26.00	
186	A	SPHA001444	Đỗ Minh Tâm	Nữ	21-10-95	1A040	1A040	1A040	1A 07	3		7.75	8.25	8.75	24.75	25.00	
187	A	SPHA001449	Nguyễn Thị Tần	Nữ	03-02-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		8.75	6.50	9.25	24.50	25.50	
188	A	SPHA001450	Đoàn Thị Thanh	Nữ	15-01-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		9.00	7.50	10.00	26.50	27.50	
189	A	SPHA001471	Nguyễn Hà Thái	Nam	03-03-95	1A007	1A007	1A007	1A 02	3		8.50	7.75	8.75	25.00	25.00	
190	A	SPHA001494	Nguyễn Hải Thảo	Nữ	04-01-95	1A045	1A045	1A045	1A 04	3		8.00	7.25	9.00	24.25	24.50	
191	A	SPHA001497	Nguyễn Thị Bích Thảo	Nữ	16-02-95	1A081	1A081	1A081	1A 13	2		8.50	6.50	9.75	24.75	25.50	
192	A	SPHA001500	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	09-12-95	15044	15044	15044	15 10	2NT		7.25	7.50	9.50	24.25	25.50	
193	A	SPHA001506	Phạm Thanh Thảo	Nữ	24-11-95	27011	27011	27011	27 01	2		8.25	7.25	9.00	24.50	25.00	
194	A	SPHA001510	Tạ Thị Phương Thảo	Nữ	01-02-95	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		7.25	6.75	9.50	23.50	24.00	
195	A	SPHA001513	Trần Thanh Thảo	Nữ	03-11-95	1A016	1A016	1A016	1A 04	3		8.75	8.25	9.50	26.50	26.50	
196	A	SPHA001520	Trịnh Thị Phương Thảo	Nữ	18-08-95	26032	26032	26032	26 05	2NT	04	8.00	6.75	6.50	21.25	24.50	
197	A	SPHA001522	Vũ Phương Thảo	Nữ	25-11-95	25002	25002	25002	25 08	2		8.75	8.00	9.75	26.50	27.00	
198	A	SPHA001528	Chu Minh Thắng	Nữ	04-07-95	1A060	1A060	1A060	1A 10	2		7.75	7.00	9.00	23.75	24.50	
199	A	SPHA001531	Nguyễn Minh Thắng	Nam	19-12-95	1B168	1B168	1B168	1B 16	2		8.50	7.75	7.50	23.75	24.50	
200	A	SPHA001545	Nguyễn Thị Thịnh	Nữ	22-07-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		8.00	7.25	8.50	23.75	25.00	

Khối: A **Mã ngành: D140209** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
201	A	SPHA001546	Trần Ngọc Thịnh	Nam	20-06-95	26004	26004	26004	26 01	2		7.25	7.50	9.75	24.50	25.00	
202	A	SPHA001549	Nguyễn Minh Thoa	Nữ	27-04-95	23012	23012	23012	23 07	1		8.50	7.00	8.50	24.00	25.50	
203	A	SPHA001557	Phạm Thị Ngọc Thơm	Nữ	27-04-95	26047	26047	26047	26 07	2NT		8.50	8.50	9.00	26.00	27.00	
204	A	SPHA001564	Trần Hoài Thu	Nữ	14-09-95	15001	15001	15001	15 03	2		8.25	7.25	9.50	25.00	25.50	
205	A	SPHA001567	Vũ Thị Hà Thu	Nữ	06-08-95	27011	27011	27011	27 01	2		8.25	7.00	8.00	23.25	24.00	
206	A	SPHA001576	Nguyễn Thị Thuỳ	Nữ	21-11-95	26025	26025	26025	26 04	2NT		9.00	7.50	9.50	26.00	27.00	
207	A	SPHA001579	Bùi Thị Thuý	Nữ	21-10-95	21034	21034	21034	21 08	2NT		6.50	8.00	8.50	23.00	24.00	
208	A	SPHA001588	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	05-01-95	19026	19026	19026	19 02	2NT		7.25	6.50	9.00	22.75	24.00	
209	A	SPHA001589	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	16-11-95	19009	19009	19009	19 03	2		7.25	6.75	9.25	23.25	24.00	
210	A	SPHA019167	Phan Thị Minh Thuý	Nữ	29-12-95	29006	29006	29006	29 01	2		7.00	8.00	9.50	24.50	25.00	
211	A	SPHA001593	An Thị Thu Thuỷ	Nữ	20-12-95	1B170	1B170	1B170	1B 16	2		6.75	7.50	9.50	23.75	24.50	
212	A	SPHA001595	Bùi Thị Thuỷ	Nữ	28-01-96	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		8.25	6.75	9.25	24.25	25.00	
213	A	SPHA001596	Đặng Thị Thuỷ	Nữ	06-12-95	26017	26017	26017	26 03	2NT		8.50	7.50	9.50	25.50	26.50	
214	A	SPHA001597	Đặng Xuân Thuỷ	Nam	03-11-95	26002	26002	26002	26 01	2		8.50	7.50	7.50	23.50	24.00	
215	A	SPHA001609	Nguyễn Thị Thuỷ	Nữ	24-12-94	1B237	1B237	1B237	1B 27	2NT		7.75	8.25	7.25	23.25	24.50	
216	A	SPHA001613	Trần Thu Thuỷ	Nữ	02-09-95	25003	25003	25003	25 02	2		8.75	7.00	7.50	23.25	24.00	
217	A	SPHA018470	Lê Anh Thư	Nữ	09-04-95	17014	17014	17014	17 02	2		7.00	8.00	8.75	23.75	24.50	
218	A	SPHA001622	Nguyễn Thị Thương	Nữ	12-12-95	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT	06	8.00	7.00	8.00	23.00	25.00	
219	A	SPHA001630	Nguyễn Khả Tiến	Nam	30-10-95	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		8.75	7.25	9.50	25.50	26.50	
220	A	SPHA001634	Nguyễn Thị Tiếp	Nữ	06-06-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		8.75	6.25	7.75	22.75	24.00	
221	A	SPHA001637	Nguyễn Văn Toàn	Nam	25-01-95	25004	25004	25004	25 07	2		7.00	7.50	9.50	24.00	24.50	
222	A	SPHA001640	Lại Văn Tôn	Nam	11-04-94	1B243	1B243	1B243	1B 28	2NT		7.50	7.25	8.50	23.25	24.50	
223	A	SPHA001661	Ngô Thị Thiên Trang	Nữ	19-01-95	07001	07001	07001	07 01	1		7.75	7.00	7.50	22.25	24.00	
224	A	SPHA001674	Nguyễn Thị Xuân Trang	Nữ	09-04-95	1A037	1A037	1A037	15 04	3		8.25	8.25	9.50	26.00	26.00	
225	A	SPHA001677	Nguyễn Thu Trang	Nữ	09-02-95	1B170	1B170	1B170	1B 16	2		8.50	8.50	8.50	25.50	26.00	
226	A	SPHA001684	Tạ Thị Trang	Nữ	09-11-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		8.25	7.00	9.50	24.75	26.00	
227	A	SPHA001692	Trần Thị Trang	Nữ	24-08-95	25062	25062	25062	25 08	2NT		8.50	7.50	8.75	24.75	26.00	
228	A	SPHA001693	Trần Thu Trang	Nữ	16-09-95	18012	18012	18012	18 01	2		8.75	8.50	10.00	27.25	28.00	
229	A	SPHA001695	Vũ Thị Ngọc Trang	Nữ	11-07-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		8.00	7.25	8.50	23.75	25.00	
230	A	SPHA019172	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	27-12-95	30002	30002	30002	30 10	1		7.50	7.50	9.25	24.25	26.00	
231	A	SPHA001709	Nguyễn Thị Kiều Trinh	Nữ	11-10-95	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		9.00	7.50	9.50	26.00	27.00	
232	A	SPHA018478	Phạm Thảo Trinh	Nữ	17-02-95	17057	17057	17057	17 10	1		7.50	6.50	8.50	22.50	24.00	
233	A	SPHA001714	Đào Dũng Trí	Nam	20-12-92	16012	16012	16012	16 02	2NT		7.25	7.25	9.50	24.00	25.00	
234	A	SPHA001729	Phạm Văn Tuân	Nam	12-10-95	24012	24012	24012	24 01	2		8.50	7.25	8.00	23.75	24.50	

Khối: A **Mã ngành: D140209** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
235	A	SPHA001730	Đỗ Tiến Tuấn	Nam	19-04-94	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		8.50	7.50	8.50	24.50	25.50	
236	A	SPHA001733	Lê Trọng Tuấn	Nam	13-03-82	09009	09009	09009	1A 13	1		8.25	7.00	7.25	22.50	24.00	
237	A	SPHA001734	Ngô Minh Tuấn	Nam	10-08-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		7.50	7.00	8.75	23.25	24.50	
238	A	SPHA001737	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	05-11-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		8.00	8.50	10.00	26.50	27.00	
239	A	SPHA001738	Vũ Anh Tuấn	Nam	24-10-95	15001	15001	15001	15 10	2		7.75	7.75	9.25	24.75	25.50	
240	A	SPHA001744	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	01-02-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		8.50	7.50	8.50	24.50	24.50	
241	A	SPHA001750	Trần Thị Tuyết	Nữ	05-06-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		8.75	6.25	8.75	23.75	25.00	
242	A	SPHA001752	Vũ Thị Tuyết	Nữ	26-07-95	25045	25045	25045	25 06	2NT		7.25	7.50	8.25	23.00	24.00	
243	A	SPHA001762	Phan Duy Tùng	Nam	25-06-95	1A055	1A055	1A055	1A 09	3		9.00	7.50	10.00	26.50	26.50	
244	A	SPHA001764	Nguyễn Minh Tú	Nam	26-07-91	1A040	1A040	1A040	1A 04	3		8.75	7.25	9.50	25.50	25.50	
245	A	SPHA001766	Nguyễn Văn Tú	Nam	31-10-95	1A264	1A264	1A264	1A 13	2		8.50	7.00	9.50	25.00	25.50	
246	A	SPHA001767	Phan Nguyễn Cẩm Tú	Nữ	18-09-95	1A016	1A016	1A016	1A 04	3		8.75	7.50	8.50	24.75	25.00	
247	A	SPHA019179	Đặng Thị Tươi	Nữ	28-10-95	29056	29056	29056	29 12	2NT		7.00	7.50	9.50	24.00	25.00	
248	A	SPHA001785	Nguyễn Hồng Vân	Nữ	01-10-95	12029	12029	12029	12 09	2NT		7.75	8.00	7.75	23.50	24.50	
249	A	SPHA001788	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	11-06-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		7.50	7.00	9.25	23.75	25.00	
250	A	SPHA001804	Vũ Thị Vui	Nữ	05-11-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		8.50	7.50	8.50	24.50	25.50	
251	A	SPHA001806	Nguyễn Thế Tuấn Vũ	Nam	25-03-95	1A000	1A000	1A000	1A 01	3		9.00	8.00	9.00	26.00	26.00	
252	A	SPHA001808	Phạm Anh Vũ	Nam	07-06-94	10002	10002	10002	10 01	1		8.50	6.50	8.75	23.75	25.50	
253	A	SPHA001821	Vương Văn Yên	Nam	19-08-95	1A037	1A037	1A037	1B 25	3		9.00	8.25	9.25	26.50	26.50	
254	A	SPHA001826	Hoàng Hải Yến	Nữ	15-09-95	25062	25062	25062	25 08	2NT		8.75	7.75	9.00	25.50	26.50	
255	A	SPHA001827	Hoàng Hải Yến	Nữ	23-06-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		8.25	7.50	8.50	24.25	25.50	
256	A	SPHA001832	Lương Thị Yến	Nữ	03-04-95	19011	19011	19011	19 07	2NT	06	8.50	7.25	9.00	24.75	27.00	
257	A	SPHA001834	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	20-03-95	1A073	1A073	1A073	1A 12	2	06	8.00	8.00	9.50	25.50	27.00	
258	A	SPHA003527	Nguyễn Thị Yến	Nữ	18-12-95	22027	22027	22027	22 04	2NT		8.50	7.50	9.50	25.50	26.50	
259	A	SPHA001839	Nguyễn Thị Yến	Nữ	17-06-95	15049	15049	15049	15 11	1		7.75	6.75	8.50	23.00	24.50	
260	A	SPHA001840	Phạm Thị Yến	Nữ	15-02-95	25028	25028	25028	25 04	2NT		7.75	6.75	8.50	23.00	24.00	

Danh sách này có 260 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140209TA** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC (TIẾNG ANH)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA001851	Trần Thanh Bình	Nam	16-09-92	21014	1A016	1A016	1A 07	3		8.00	7.75	7.50	23.25	23.50	
2	A	SPHA001852	Hoàng Trung Hiếu	Nam	10-10-90	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		8.25	7.25	9.50	25.00	25.00	
3	A	SPHA001856	Đinh Thị Nam Phương	Nữ	23-07-95	12029	12029	12029	12 09	2NT	01	9.00	7.00	8.25	24.25	27.50	
4	A	SPHA001642	Bùi Thị Quỳnh Trang	Nữ	19-07-95	1A003	1A003	1A003	1A 10	3		9.00	7.75	8.25	25.00	25.00	

Khối: A1 **Mã ngành: D140209TA** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC (TIẾNG ANH)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA104912	Bế Thị ánh	Nữ	16-12-95	12033	12033	12033	10 02	1	01	5.00	4.25	7.25	16.50	20.00	
2	A1	SPHA104924	Lê Thị Thuỳ Dương	Nữ	15-04-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		7.50	7.50	7.50	22.50	22.50	
3	A1	SPHA104929	Phan Thu Hà	Nữ	29-11-93	16012	16012	16012	16 02	2		8.25	6.25	7.00	21.50	22.00	
4	A1	SPHA119272	Hồ Thị Hải	Nữ	10-08-95	29018	29018	29018	29 04	1		6.75	5.75	7.50	20.00	21.50	
5	A1	SPHA104932	Nguyễn Thị Hải	Nữ	19-10-95	18030	18030	18030	18 08	1		7.50	3.25	8.00	18.75	20.50	
6	A1	SPHA104934	Bùi Minh Hằng	Nữ	10-04-95	1A029	1A029	1A029	1A 09	3		8.50	3.25	10.00	21.75	22.00	
7	A1	SPHA104937	Lương Thị Hiền	Nữ	05-03-95	24011	24011	24011	24 02	2		7.50	3.25	9.00	19.75	20.50	
8	A1	SPHA104942	Phạm Thị Thuý Hoa	Nữ	29-07-94	1A016	1A016	1A016	1A 04	3		7.25	7.00	6.50	20.75	21.00	
9	A1	SPHA104943	Dương Thị Khánh Huyền	Nữ	10-03-94	16011	16011	16011	16 01	2		8.00	4.50	7.75	20.25	21.00	
10	A1	SPHA104945	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	26-09-95	1A000	1A000	1A000	1A 05	3		7.25	5.50	7.00	19.75	20.00	
11	A1	SPHA104947	Bùi Minh Hùng	Nam	01-08-95	1A040	1A040	1A040	21 07	3		8.00	4.50	8.50	21.00	21.00	
12	A1	SPHA119273	Lê Thị Hương	Nữ	25-07-95	29006	29006	29006	29 11	2		8.50	5.75	9.50	23.75	24.50	
13	A1	SPHA104950	Nguyễn Thị Minh Khuê	Nữ	13-12-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		8.25	6.00	9.00	23.25	24.50	
14	A1	SPHA104955	Hoàng Thuỳ Linh	Nữ	14-09-95	1A032	1A032	1A032	1A 01	3		7.00	4.75	9.00	20.75	21.00	
15	A1	SPHA104958	Nguyễn Thị ái Linh	Nữ	20-01-95	1B162	1B162	1B162	1B 25	3		8.50	6.50	7.25	22.25	22.50	
16	A1	SPHA119274	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	20-11-95	29006	29006	29006	29 01	2		9.00	5.50	9.50	24.00	24.50	
17	A1	SPHA104962	Phạm Thị Ngọc Linh	Nữ	17-10-95	1A037	1A037	1A037	1A 11	3		7.50	5.00	9.00	21.50	21.50	
18	A1	SPHA119275	Trần Lê Phương Linh	Nữ	02-09-95	29006	29006	29006	29 01	2		9.00	6.00	9.50	24.50	25.00	
19	A1	SPHA118601	Châu Thị Hương Ly	Nữ	02-10-95	17015	17015	17015	17 02	2		6.25	7.50	6.50	20.25	21.00	
20	A1	SPHA104969	Phan Thị Khánh Ly	Nữ	02-03-95	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		6.25	6.25	6.75	19.25	20.00	
21	A1	SPHA104975	Phạm Hoàng Tuấn Minh	Nam	05-07-95	1A003	1A003	1A003	1A 02	3		8.75	8.25	9.00	26.00	26.00	
22	A1	SPHA104985	Nguyễn Thị Phương	Nữ	08-02-95	16011	16011	16011	16 02	2		9.00	3.50	9.00	21.50	22.00	
23	A1	SPHA104990	Lê Ngọc Thanh	Nam	01-05-87	1A036	1A036	1A036	1A 01	3		8.75	4.50	6.50	19.75	20.00	
24	A1	SPHA104999	Trần Thị Thuỷ	Nữ	08-03-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		5.75	7.00	6.50	19.25	20.00	

Khối: A1 **Mã ngành: D140209TA** **Ngành: SƯ PHẠM TOÁN HỌC (TIẾNG ANH)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
25	A1	SPHA105001	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	14-12-95	24011	24011	24011	24 01	2		8.25	7.25	6.00	21.50	22.00	
26	A1	SPHA105002	Đinh Thị Thuỷ Tiên	Nữ	22-06-95	19026	19026	19026	19 02	2NT		8.50	7.25	7.50	23.25	24.50	
27	A1	SPHA105006	Nguyễn Thị Trang	Nữ	28-01-95	19014	19014	19014	19 08	2NT		8.25	7.25	8.25	23.75	25.00	
28	A1	SPHA105016	Lê Thị Thanh Tú	Nữ	20-10-95	1A045	1A045	1A045	19 04	3		8.50	7.25	8.00	23.75	24.00	
29	A1	SPHA105022	Nguyễn Thái Vũ	Nam	01-10-95	1A045	28090	28090	28 23	2NT		8.75	5.50	7.00	21.25	22.50	

Danh sách này có 33 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140210** **Ngành: SƯ PHẠM TIN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA001860	Nguyễn Thị Thuý Anh	Nữ	20-04-94	1B168	1B168	1B168	1B 17	2		6.00	5.25	5.50	16.75	17.50	
2	A	SPHA001867	Đặng Vũ Băng Châu	Nữ	26-11-95	16052	16052	16052	16 05	2NT		6.25	5.00	4.50	15.75	17.00	
3	A	SPHA001871	Nguyễn Thị Dinh	Nữ	12-09-95	26033	26033	26033	26 05	2NT		7.00	6.50	5.50	19.00	20.00	
4	A	SPHA001873	Trần Gia Duy	Nam	17-09-95	25021	25021	25021	25 03	2NT		6.50	7.25	6.25	20.00	21.00	
5	A	SPHA001876	Hoàng ánh Dương	Nữ	20-11-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		7.50	6.50	6.50	20.50	21.50	
6	A	SPHA001878	Nguyễn Quảng Đại	Nam	04-09-95	25022	25022	25022	25 03	2NT		5.25	6.50	6.50	18.25	19.50	
7	A	SPHA001881	Nguyễn Năng Anh Đức	Nam	15-10-95	1A060	1A060	1A060	1A 10	2		7.00	7.25	7.75	22.00	22.50	
8	A	SPHA001884	Lê Việt Hà	Nữ	21-06-95	1A037	1A037	1A037	1B 25	3		7.75	5.25	7.75	20.75	21.00	
9	A	SPHA001886	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	08-06-95	16012	16012	16012	16 04	2		6.25	3.50	9.25	19.00	19.50	
10	A	SPHA001887	Phan Thị Minh Hà	Nữ	15-04-94	16052	16052	16052	16 05	2NT		5.25	6.75	6.00	18.00	19.00	
11	A	SPHA001891	Trần Thị Hằng	Nữ	10-05-95	18020	18020	18020	18 05	1		6.25	6.75	7.00	20.00	21.50	
12	A	SPHA001892	Đặng Trần Hiếu	Nam	13-05-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		7.50	4.75	5.50	17.75	18.00	
13	A	SPHA001893	Đào Thị Mai Hoa	Nữ	11-05-94	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		6.00	3.25	7.50	16.75	18.00	
14	A	SPHA001899	Cấn Thị Thanh Huyền	Nữ	05-03-93	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		5.75	2.75	9.50	18.00	19.00	
15	A	SPHA001901	Hoàng Thị Hương	Nữ	20-11-95	18029	18029	18029	18 08	1		6.00	5.50	6.00	17.50	19.00	
16	A	SPHA001902	Ngô Thị Hương	Nữ	23-08-95	1A078	1A078	1A078	1A 13	2		5.50	6.75	5.75	18.00	18.50	
17	A	SPHA001904	Trương Thị Hương	Nữ	06-05-95	27021	27021	27021	27 02	1		6.50	4.50	7.00	18.00	19.50	
18	A	SPHA018485	Phạm Trung Kiên	Nam	09-01-95	03036	03036	03036	03 07	2		8.25	5.50	9.50	23.25	24.00	
19	A	SPHA001916	Nguyễn Thị Hoài Linh	Nữ	04-05-95	15001	15001	15001	15 08	2		7.50	2.50	8.00	18.00	18.50	
20	A	SPHA001924	Trần Thị Mây	Nữ	17-09-94	27072	27072	27072	27 07	2NT		4.50	6.50	6.50	17.50	18.50	
21	A	SPHA001925	Mai Thuý Mười	Nữ	16-08-95	27081	27081	27081	27 08	2NT		7.00	4.75	5.75	17.50	18.50	
22	A	SPHA001926	Trần Hải Nam	Nam	01-02-94	25021	25021	25021	25 03	2NT		5.75	4.75	6.75	17.25	18.50	
23	A	SPHA001935	Đinh Thị Kim Oanh	Nữ	20-12-95	16043	16043	16043	16 04	2NT		8.50	6.50	6.25	21.25	22.50	
24	A	SPHA001939	Khổng Lan Phương	Nữ	07-11-95	18011	18011	18011	18 01	2		5.50	6.50	6.75	18.75	19.50	
25	A	SPHA001943	Đặng Thị Thanh Quyên	Nữ	25-06-95	26033	26033	26033	26 05	2NT		5.50	4.50	6.00	16.00	17.00	
26	A	SPHA001953	Đinh Thị Phương Thảo	Nữ	23-08-95	25021	25021	25021	25 03	2NT		5.50	5.25	5.25	16.00	17.00	
27	A	SPHA001956	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	31-10-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		4.50	5.75	6.75	17.00	18.00	
28	A	SPHA001957	Nguyễn Thị Thêu	Nữ	25-07-95	27073	27073	27073	27 07	2NT	06	5.25	6.25	4.00	15.50	17.50	
29	A	SPHA001963	Trần Thị Minh Thuý	Nữ	10-11-81	15002	15002	15002	15 01	2	06	4.75	4.50	6.50	15.75	17.50	
30	A	SPHA018486	Nguyễn Thị Thuỷ Tiên	Nữ	10-11-95	17066	17066	17066	17 11	2NT		5.00	6.50	4.75	16.25	17.50	

Khối: A **Mã ngành: D140210** **Ngành: SƯ PHẠM TIN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
31	A	SPHA001973	Trần Thị Trang	Nữ	16-06-95	25080	25080	25080	25 10	2NT		6.00	4.75	5.00	15.75	17.00	
32	A	SPHA001981	Hứa Nhật Vi	Nữ	22-02-95	1A002	1A002	1A002	1A 05	3	01	8.00	4.50	6.50	19.00	21.00	

Khối: A1 **Mã ngành: D140210** **Ngành: SƯ PHẠM TIN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA118602	Bùi Thị Vân Anh	Nữ	04-11-94	17006	17006	17006	26 02	2		6.00	6.75	4.75	17.50	18.00	
2	A1	SPHA105030	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	10-02-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		6.25	6.00	7.50	19.75	20.50	
3	A1	SPHA105031	Nguyễn Phương Anh	Nữ	01-01-95	1A040	1A040	1A040	1A 04	3		6.75	2.25	9.00	18.00	18.00	
4	A1	SPHA105032	Nguyễn Thị Hải Anh	Nữ	25-01-95	24035	24035	24035	24 03	1		7.00	2.00	7.50	16.50	18.00	
5	A1	SPHA105035	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	03-09-95	19018	19018	19018	19 03	2NT		6.25	2.50	8.50	17.25	18.50	
6	A1	SPHA105044	Lê Thuỳ Dung	Nữ	05-03-95	18012	18012	18012	18 07	2		7.00	2.75	8.75	18.50	19.00	
7	A1	SPHA105052	Tạ Hằng Hà	Nữ	30-08-95	26004	26004	26004	26 01	2		7.75	2.50	8.50	18.75	19.50	
8	A1	SPHA105055	Đặng Thị Kim Hài	Nữ	01-06-95	1B163	1B163	1B163	1B 15	3		6.25	4.00	7.00	17.25	17.50	
9	A1	SPHA105058	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	27-02-95	24032	24032	24032	24 03	1		3.75	5.25	6.25	15.25	17.00	
10	A1	SPHA105070	Nguyễn Thị Phương Hoa	Nữ	10-11-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		7.00	4.00	7.75	18.75	20.00	
11	A1	SPHA105073	Vũ Thị Hợp	Nữ	02-10-95	25002	25002	25002	25 07	2		5.75	3.25	8.00	17.00	17.50	
12	A1	SPHA105075	Bùi Mỹ Huyền	Nữ	03-11-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		7.50	4.50	9.00	21.00	22.00	
13	A1	SPHA105077	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	28-08-95	15044	15044	15044	15 10	2NT		7.00	3.75	8.25	19.00	20.00	
14	A1	SPHA105080	Trần Thị Thanh Huyền	Nữ	19-07-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		6.00	3.00	8.50	17.50	18.50	
15	A1	SPHA105081	Vũ Thị Huyền	Nữ	06-04-95	16012	16012	16012	16 04	2		8.00	3.50	8.50	20.00	20.50	
16	A1	SPHA105082	Lê Thị Giáng Hương	Nữ	08-04-95	16012	16012	16012	16 04	2		7.50	2.50	9.75	19.75	20.50	
17	A1	SPHA105084	Trần Thanh Hương	Nữ	08-08-95	25055	25055	25055	25 07	2NT		6.75	6.75	7.75	21.25	22.50	
18	A1	SPHA105097	Tạ Thị Luyến	Nữ	14-09-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		6.00	4.25	9.00	19.25	20.50	
19	A1	SPHA105098	Đoàn Đức Lưu	Nam	18-06-95	25046	25046	25046	25 06	2NT		5.75	3.50	6.50	15.75	17.00	
20	A1	SPHA105108	Hà Hải Ngân	Nữ	04-04-95	18036	18036	18036	18 10	1		6.75	3.25	7.50	17.50	19.00	
21	A1	SPHA105110	Đỗ Thị Hồng Ngọc	Nữ	01-10-95	27011	27011	27011	27 01	2		5.50	4.25	7.50	17.25	18.00	
22	A1	SPHA105111	Trương Thị Ngọc	Nữ	18-10-95	16012	16012	16012	16 04	2		7.75	2.50	8.75	19.00	19.50	
23	A1	SPHA105112	Nguyễn Thị Nhi	Nữ	23-10-95	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		6.25	4.25	7.75	18.25	19.50	
24	A1	SPHA105113	Hoàng Tuyết Nhung	Nữ	29-11-95	18012	18012	18012	18 01	2		6.25	3.00	9.00	18.25	19.00	
25	A1	SPHA105116	Trần Thị Phan	Nữ	22-04-95	19010	19010	19010	19 07	2NT		8.50	4.75	9.00	22.25	23.50	
26	A1	SPHA105117	Lê Thị Hồng Phương	Nữ	23-03-95	16012	16012	16012	16 04	2		6.50	2.50	8.00	17.00	17.50	
27	A1	SPHA105123	Trần Thị Phương	Nữ	22-02-95	22017	22017	22017	22 02	2NT		5.50	2.25	8.50	16.25	17.50	
28	A1	SPHA105127	Đoàn Thị Hương Quỳnh	Nữ	17-09-95	25004	25004	25004	25 01	2		6.50	5.25	7.50	19.25	20.00	
29	A1	SPHA105131	Trần Thu Quỳnh	Nữ	20-10-95	25003	25003	25003	25 01	2		7.75	3.75	8.50	20.00	20.50	

Khối: A1 **Mã ngành: D140210** **Ngành: SƯ PHẠM TIN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
30	A1	SPHA105135	Ngô Thị Tâm	Nữ	11-06-95	18027	18027	18027	18 07	2NT		6.25	2.50	7.00	15.75	17.00	
31	A1	SPHA105136	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	22-09-95	1B203	1B203	1B203	1B 21	2NT		7.75	6.25	7.50	21.50	22.50	
32	A1	SPHA105137	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	05-08-95	25034	25034	25034	25 05	2NT		6.25	5.75	5.00	17.00	18.00	
33	A1	SPHA105140	Nguyễn Xuân Thu	Nam	09-10-95	16012	16012	16012	16 05	2		7.25	3.75	8.50	19.50	20.00	
34	A1	SPHA105141	Nông Xuân Thu	Nam	22-02-95	10003	10003	10003	10 10	1	01	4.25	4.25	7.50	16.00	19.50	
35	A1	SPHA105148	Nguyễn Thị Thuỷ Tiên	Nữ	19-09-95	22011	22011	22011	1B 28	2		7.75	3.50	7.75	19.00	19.50	
36	A1	SPHA105150	La Thu Trang	Nữ	05-09-95	08015	08015	08015	08 06	1	01	5.50	5.75	4.50	15.75	19.50	
37	A1	SPHA105154	Phạm Thị Trang	Nữ	16-04-95	16012	16012	16012	16 05	2		6.75	2.50	7.50	16.75	17.50	
38	A1	SPHA105155	Phạm Thu Trang	Nữ	12-12-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		6.25	3.50	8.00	17.75	18.50	
39	A1	SPHA105156	Trần Quỳnh Trang	Nữ	20-02-95	25006	25006	25006	25 01	2		7.50	5.00	5.50	18.00	18.50	
40	A1	SPHA105158	Vũ Tuấn Tùng	Nam	11-11-95	1A051	1A051	1A051	1A 08	3		6.25	4.00	7.50	17.75	18.00	
41	A1	SPHA105162	Phạm Thị út	Nữ	01-03-95	18020	18020	18020	18 05	1		6.25	3.50	7.00	16.75	18.50	
42	A1	SPHA105165	Triệu Khánh Vy	Nữ	28-01-95	25006	25006	25006	25 01	2		6.00	4.50	8.50	19.00	19.50	
43	A1	SPHA105171	Mai Thị Ngọc Yến	Nữ	12-04-95	25002	25002	25002	25 01	2		6.75	2.50	7.25	16.50	17.00	

Danh sách này có 75 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140211** **Ngành: SƯ PHẠM VẬT LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA001986	Nguyễn Trường An	Nam	17-01-95	16041	16041	16041	16 04	2NT	01	7.25	7.50	4.50	19.25	22.50	
2	A	SPHA001994	Lê Hoàng Anh	Nam	11-12-95	1A013	1A013	1A013	1A 08	3		8.50	7.75	9.75	26.00	26.00	
3	A	SPHA001997	Nguyễn Đức Anh	Nam	24-12-95	1A003	1A003	1A003	1A 05	3		7.75	7.50	9.00	24.25	24.50	
4	A	SPHA002001	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	08-01-94	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		6.50	6.50	8.50	21.50	22.50	
5	A	SPHA018489	Trương Thuỳ Anh	Nữ	20-05-95	03007	03007	03007	03 02	3		8.25	7.25	8.00	23.50	23.50	
6	A	SPHA002009	Mai Thị Ngọc ánh	Nữ	11-02-95	1B162	1B162	1B162	1B 24	3		6.25	7.50	8.75	22.50	22.50	
7	A	SPHA002010	Nguyễn Ngọc ánh	Nữ	17-01-95	15040	15040	15040	15 09	2NT		7.00	8.50	9.25	24.75	26.00	
8	A	SPHA002012	Nguyễn Tiến Bằng	Nam	31-08-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		7.00	7.25	8.75	23.00	23.50	
9	A	SPHA002017	Nguyễn Thị Chang	Nữ	20-08-91	1A060	1A060	1A060	1A 05	2		8.00	6.50	7.50	22.00	22.50	
10	A	SPHA002018	Quách Thuỳ Chang	Nữ	20-12-95	26046	26046	26046	26 07	2NT		7.00	7.50	9.50	24.00	25.00	
11	A	SPHA002019	Trương Thị Minh Châu	Nữ	30-07-95	1B219	1B219	1B219	1B 24	2NT		8.00	6.75	8.00	22.75	24.00	
12	A	SPHA019186	Ông Khắc Chính	Nam	01-03-95	30040	30040	30040	30 10	2		7.50	7.50	8.75	23.75	24.50	
13	A	SPHA002028	Phạm Mạnh Cường	Nam	21-09-95	21013	21013	21013	21 01	2		7.75	8.25	9.50	25.50	26.00	
14	A	SPHA002029	Nguyễn Thị Lệ Diễm	Nữ	17-02-94	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		7.75	7.50	7.75	23.00	23.50	
15	A	SPHA002030	Trương Thị Diễm	Nữ	21-08-95	1B203	1B203	1B203	1B 21	2NT		7.25	6.50	7.50	21.25	22.50	
16	A	SPHA002031	Nguyễn Thị Bích Diệp	Nữ	18-11-95	15039	15039	15039	15 09	1		7.75	7.25	9.00	24.00	25.50	
17	A	SPHA002036	Nguyễn Thị Dịu	Nữ	15-09-95	26018	26018	26018	26 03	2NT	06	8.50	6.25	8.25	23.00	25.00	
18	A	SPHA002040	Khổng Thị Dung	Nữ	28-12-95	16031	16031	16031	16 07	1		8.00	5.75	7.25	21.00	22.50	
19	A	SPHA002047	Lê Thị Hồng Duyên	Nữ	12-03-95	26024	26024	26024	26 04	2NT		7.75	7.75	9.50	25.00	26.00	
20	A	SPHA002048	Bùi Anh Dũng	Nam	04-09-93	26017	26017	26017	26 03	2NT		6.00	8.00	8.50	22.50	23.50	
21	A	SPHA002051	Trần Đình Dũng	Nam	01-06-95	1A070	1A070	1A070	1A 09	2		6.50	7.50	8.50	22.50	23.00	
22	A	SPHA002052	Trịnh Phương Dũng	Nam	14-06-95	25002	25002	25002	25 01	2		8.75	7.75	8.50	25.00	25.50	
23	A	SPHA002053	Đỗ Thị Thuỳ Dương	Nữ	20-09-95	25002	25002	25002	25 01	2		8.75	8.50	9.50	26.75	27.50	
24	A	SPHA018492	Phan Thị Thuỳ Dương	Nữ	10-10-95	03007	03007	03007	03 01	3		7.00	7.00	8.00	22.00	22.00	
25	A	SPHA002057	Nguyễn Tất Đạt	Nam	09-09-95	1A003	1A003	1A003	1A 10	3		6.25	7.75	9.50	23.50	23.50	
26	A	SPHA019188	Đặng Trung Đức	Nam	01-01-93	29061	29061	29061	29 12	2NT		8.50	7.50	8.75	24.75	26.00	
27	A	SPHA002067	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	17-10-95	24013	24013	24013	24 05	2	06	7.25	7.50	7.50	22.25	24.00	
28	A	SPHA002068	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	15-07-95	1B219	1B219	1B219	1B 24	2NT		5.50	6.50	8.75	20.75	22.00	
29	A	SPHA002080	Vũ Thị Hà	Nữ	12-08-95	1B253	1B253	1B253	1B 29	2NT		6.75	6.25	8.00	21.00	22.00	
30	A	SPHA002086	Lê Hồng Hạnh	Nữ	07-05-95	1A037	1A037	1A037	22 09	3		9.00	7.50	9.75	26.25	26.50	

Khối: A **Mã ngành: D140211** **Ngành: SƯ PHẠM VẬT LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
31	A	SPHA018493	Trần Thị Minh Hằng	Nữ	14-09-95	03014	03014	03014	03 02	3		7.75	8.50	7.75	24.00	24.00	
32	A	SPHA002108	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	23-03-94	1B162	1B162	1B162	1A 11	3		8.75	8.25	9.00	26.00	26.00	
33	A	SPHA002109	Phạm Minh Hiếu	Nam	26-02-95	1A013	1A013	1A013	1A 08	3		7.50	6.75	7.50	21.75	22.00	
34	A	SPHA002113	Trần Như Hiệp	Nam	06-05-91	16082	16082	16082	16 08	2		7.50	8.00	9.25	24.75	25.50	
35	A	SPHA002115	Trần Thị Hoa	Nữ	25-03-95	24041	24041	24041	24 04	2NT		7.75	7.00	8.00	22.75	24.00	
36	A	SPHA002119	Vũ Thị Hoa	Nữ	18-01-95	21034	21034	21034	21 08	2NT		6.75	8.00	8.00	22.75	24.00	
37	A	SPHA002132	Trịnh Lê Hoàng	Nam	15-10-95	1B245	1B245	1B245	1B 27	2NT		9.00	8.75	9.75	27.50	28.50	
38	A	SPHA002133	Bùi Thị Hồng	Nữ	30-06-94	26026	26026	26026	26 04	2NT		6.50	6.75	7.50	20.75	22.00	
39	A	SPHA002137	Vũ Ngọc Hội	Nam	09-11-92	28105	28105	28105	28 26	2NT	06	6.25	7.50	6.50	20.25	22.50	
40	A	SPHA002142	Trần Thị Huệ	Nữ	31-01-95	12010	12010	12010	12 01	2		7.00	7.75	7.75	22.50	23.00	
41	A	SPHA002152	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	16-10-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		6.75	7.50	8.75	23.00	24.00	
42	A	SPHA002153	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	07-05-94	25075	25075	25075	25 10	2NT		9.75	7.50	9.25	26.50	27.50	
43	A	SPHA002151	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	12-06-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		5.50	7.25	8.25	21.00	22.00	
44	A	SPHA002158	Tạ Thu Huyền	Nữ	17-08-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		7.25	6.50	8.50	22.25	23.50	
45	A	SPHA002160	Uông Thị Ngọc Huyền	Nữ	27-12-95	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		7.25	6.75	7.00	21.00	22.00	
46	A	SPHA002168	Đặng Thị Hương	Nữ	10-11-95	19017	19017	19017	19 05	2		7.75	6.50	8.50	22.75	23.50	
47	A	SPHA002176	Nguyễn Thu Hương	Nữ	22-04-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		7.50	7.00	7.50	22.00	23.00	
48	A	SPHA002181	Vũ Thị Thu Hường	Nữ	16-09-95	16061	16061	16061	16 06	2NT		8.00	7.25	8.50	23.75	25.00	
49	A	SPHA019193	Nguyễn Thái Hy	Nam	16-07-95	29068	29068	29068	29 14	2NT	06	6.75	7.50	9.00	23.25	25.50	
50	A	SPHA002186	Đàm Tuyết Lan	Nữ	24-04-95	14021	14021	14021	14 10	1		7.00	8.00	9.50	24.50	26.00	
51	A	SPHA002198	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Nữ	24-11-94	24042	24042	24042	24 04	2NT		7.50	6.75	8.50	22.75	24.00	
52	A	SPHA002210	Hoàng Thị Linh	Nữ	01-05-93	25068	25068	25068	25 09	2NT		7.00	6.25	8.00	21.25	22.50	
53	A	SPHA002211	Hoàng Thị Thuý Linh	Nữ	26-01-95	12033	12033	12033	12 04	1	01	7.50	7.75	8.25	23.50	27.00	
54	A	SPHA002213	Ngô Mỹ Linh	Nữ	02-09-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		7.50	6.50	8.50	22.50	23.00	
55	A	SPHA002218	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	17-09-95	16031	16031	16031	16 03	1		7.25	7.75	8.75	23.75	25.50	
56	A	SPHA019194	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	24-04-95	29068	29068	29068	29 14	2NT		7.00	7.75	7.75	22.50	23.50	
57	A	SPHA002228	Phạm Thị Thanh Loan	Nữ	11-05-95	26055	26055	26055	26 08	2NT		6.50	7.50	8.25	22.25	23.50	
58	A	SPHA002230	Lê Xuân Long	Nam	16-12-95	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT		8.25	7.50	8.00	23.75	25.00	
59	A	SPHA002238	Trịnh Thị Mai Ly	Nữ	06-12-95	18020	18020	18020	18 05	1		9.00	5.75	8.25	23.00	24.50	
60	A	SPHA019195	Lê Thị Hoa Lý	Nữ	03-02-95	29069	29069	29069	29 14	1		8.50	6.75	7.50	22.75	24.50	
61	A	SPHA002243	Nguyễn Quỳnh Mai	Nữ	21-10-95	1A045	1A045	1A045	1B 19	3		8.00	7.50	9.75	25.25	25.50	
62	A	SPHA002244	Nguyễn Thị Mai	Nữ	19-10-94	1B230	1B230	1B230	1B 26	2NT		6.50	7.00	7.50	21.00	22.00	
63	A	SPHA002246	Đoàn Thị Thuỳ Minh	Nữ	01-06-95	25051	25051	25051	25 07	2NT		8.25	7.50	9.75	25.50	26.50	
64	A	SPHA002247	Hà Đức Minh	Nam	01-11-95	1B219	1B219	1B219	1B 24	2NT		6.75	6.50	7.75	21.00	22.00	

Khối: A **Mã ngành: D140211** **Ngành: SƯ PHẠM VẬT LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
65	A	SPHA018497	Hoàng Đức Minh	Nam	26-09-95	17056	17056	17056	17 10	2NT		8.00	7.75	9.50	25.25	26.50	
66	A	SPHA002267	Nguyễn Tuyết Ngọc	Nữ	14-01-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		7.50	7.25	7.50	22.25	23.00	
67	A	SPHA002274	Đào Thị Phương Nhã	Nữ	15-02-95	22011	22011	22011	22 01	2		6.75	7.00	8.50	22.25	23.00	
68	A	SPHA002280	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	30-07-95	25059	25059	25059	25 08	2NT		7.75	6.25	7.00	21.00	22.00	
69	A	SPHA019197	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	08-03-95	29087	29087	29087	29 17	2NT		7.25	8.50	8.50	24.25	25.50	
70	A	SPHA002289	Nguyễn Khánh Ninh	Nữ	18-09-95	1A029	1A029	1A029	1A 13	3		8.00	8.25	8.25	24.50	24.50	
71	A	SPHA002293	Nguyễn Kiều Oanh	Nữ	19-07-95	26009	26009	26009	26 02	2NT		7.75	7.50	8.25	23.50	24.50	
72	A	SPHA002295	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	12-02-95	25002	25002	25002	25 07	2		8.50	7.25	9.50	25.25	26.00	
73	A	SPHA002299	Phạm Thanh Phong	Nam	25-06-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		6.50	7.50	9.00	23.00	24.00	
74	A	SPHA002303	Hoàng Thị Bích Phương	Nữ	13-07-95	25061	25061	25061	25 08	2NT		7.50	6.75	8.50	22.75	24.00	
75	A	SPHA002311	Trần Thị Minh Phương	Nữ	22-02-94	25004	25004	25004	25 01	2		6.50	6.75	8.75	22.00	22.50	
76	A	SPHA002314	Nguyễn Đỗ Thuý Phượng	Nữ	04-08-95	13002	13002	13002	13 06	1		6.75	6.50	7.25	20.50	22.00	
77	A	SPHA002318	Trần Hồng Quang	Nam	15-02-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		7.75	6.50	9.25	23.50	24.50	
78	A	SPHA002324	Nguyễn Thế Quỳnh	Nam	10-08-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		8.75	7.50	6.75	23.00	24.00	
79	A	SPHA002339	Nguyễn Phương Thanh	Nữ	22-08-95	24012	24012	24012	24 01	2		7.50	6.25	8.25	22.00	22.50	
80	A	SPHA002344	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	26-03-94	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		6.25	6.50	8.00	20.75	22.00	
81	A	SPHA002349	Trần Phương Thảo	Nữ	29-03-95	1A104	1A104	1A104	1A 07	3		7.25	7.00	9.50	23.75	24.00	
82	A	SPHA002352	Trần Thị Thắm	Nữ	02-06-95	19009	19009	19009	19 03	2		7.75	6.25	7.50	21.50	22.00	
83	A	SPHA002360	Lê Thị Thơm	Nữ	15-02-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		6.75	6.75	8.50	22.00	23.00	
84	A	SPHA002362	Mạc Thị Thu	Nữ	11-02-95	21027	21027	21027	21 04	1		7.00	7.50	9.25	23.75	25.50	
85	A	SPHA002363	Nguyễn Thị Thu	Nữ	27-07-94	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT		7.50	6.50	8.25	22.25	23.50	
86	A	SPHA002376	Phạm Thị Thu Thuỷ	Nữ	16-09-94	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		6.75	7.75	7.50	22.00	23.00	
87	A	SPHA002379	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	12-04-95	26055	26055	26055	26 08	2NT		7.50	7.75	9.25	24.50	25.50	
88	A	SPHA002380	Nguyễn Thị Thư	Nữ	17-10-95	1B170	1B170	1B170	1B 18	2		7.00	7.25	7.50	21.75	22.50	
89	A	SPHA002383	Trần Thị Thương	Nữ	01-10-94	24032	24032	24032	24 03	1		7.25	7.00	7.50	21.75	23.50	
90	A	SPHA002387	Nguyễn Ngọc Toàn	Nam	25-10-93	26003	26003	26003	26 01	2		6.75	7.50	8.50	22.75	23.50	
91	A	SPHA002390	Bùi Thị Huyền Trang	Nữ	20-04-95	16031	16031	16031	16 03	1		7.25	7.00	8.00	22.25	24.00	
92	A	SPHA002391	Bùi Thu Trang	Nữ	09-04-94	26003	26003	26003	26 01	2		8.00	7.25	8.50	23.75	24.50	
93	A	SPHA018507	Nguyễn Thu Trang	Nữ	06-08-95	17001	17001	17001	17 01	2		8.00	8.00	8.50	24.50	25.00	
94	A	SPHA002405	Phạm Quỳnh Trang	Nữ	08-03-95	26002	26002	26002	26 04	2		8.50	8.00	9.50	26.00	26.50	
95	A	SPHA002418	Tạ Đình Văn	Nam	04-03-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		6.50	7.75	7.50	21.75	22.50	
96	A	SPHA002421	Nguyễn Công Việt	Nam	21-01-95	26024	26024	26024	26 04	2NT		7.25	7.00	8.50	22.75	24.00	
97	A	SPHA002422	Nguyễn Tuấn Việt	Nam	20-03-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		7.75	7.25	8.50	23.50	24.50	
98	A	SPHA002425	Đặng Quang Vũ	Nam	04-02-95	25002	25002	25002	25 02	2		8.00	7.00	7.50	22.50	23.00	

Khối: A **Mã ngành: D140211** **Ngành: SƯ PHẠM VẬT LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
99	A	SPHA002431	Đỗ Thị Như Yến	Nữ	21-10-95	26004	26004	26004	26 01	2		8.75	7.00	8.50	24.25	25.00	
100	A	SPHA002433	Nguyễn Thị Yến	Nữ	12-10-95	15044	15044	15044	15 10	2NT		7.00	7.00	8.00	22.00	23.00	
101	A	SPHA002435	Trần Thị Yến	Nữ	10-06-94	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		7.00	6.75	8.00	21.75	23.00	

Khối: A1 **Mã ngành: D140211** **Ngành: SƯ PHẠM VẬT LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA105175	Lê Thị Mai Anh	Nữ	01-04-95	1A029	1A029	1A029	1A 01	3		8.00	6.50	8.50	23.00	23.00	
2	A1	SPHA105185	Lê Mai Dũng	Nam	18-09-95	1A033	1A033	1A033	1A 10	3		7.75	6.00	7.75	21.50	21.50	
3	A1	SPHA105197	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	20-10-95	1A017	1A017	1A017	1A 03	3		7.25	5.25	8.50	21.00	21.00	
4	A1	SPHA105199	Vũ Việt Hùng	Nam	10-05-95	26004	26004	26004	26 01	2		7.50	7.00	6.75	21.25	22.00	
5	A1	SPHA105204	Đỗ Thị Bích Liên	Nữ	16-04-95	1B162	1B162	1B162	1A 11	3		7.50	6.50	7.00	21.00	21.00	
6	A1	SPHA105205	Bùi Khánh Linh	Nữ	09-03-95	26009	26009	26009	26 02	2NT		6.50	6.25	7.00	19.75	21.00	
7	A1	SPHA105219	Phạm Thị Yến Nhi	Nữ	20-03-95	21013	21013	21013	21 06	2		7.50	7.50	8.75	23.75	24.50	
8	A1	SPHA105238	Nguyễn Thị ánh Tuyết	Nữ	03-02-95	24043	24043	24043	24 04	2NT		8.00	7.75	7.25	23.00	24.00	

Danh sách này có 109 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140212** **Ngành: SƯ PHẠM HÓA HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA002440	Dương Thị Anh	Nữ	12-01-94	24032	24032	24032	24 03	1		6.50	7.50	9.50	23.50	25.00	
2	A	SPHA002447	Hà Tuấn Anh	Nam	25-09-95	62002	62002	62002	62 03	1		8.25	6.25	9.50	24.00	25.50	
3	A	SPHA002451	Ngô Thị Kim Anh	Nữ	25-12-95	15044	15044	15044	15 10	2NT		8.00	7.75	9.25	25.00	26.00	
4	A	SPHA002453	Ngô Thị Vân Anh	Nữ	15-04-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		8.00	5.50	9.25	22.75	24.00	
5	A	SPHA002454	Nguyễn Đức Anh	Nam	03-02-95	1A060	1A060	1A060	1A 10	2		8.50	7.25	9.50	25.25	26.00	
6	A	SPHA002473	Phạm Tuấn Anh	Nam	11-02-95	1A029	1A029	1A029	1A 01	3		8.75	7.25	9.00	25.00	25.00	
7	A	SPHA002480	Trần Thị Quỳnh Anh	Nữ	29-11-94	25017	25017	25017	25 02	2NT		7.75	7.50	8.75	24.00	25.00	
8	A	SPHA002482	Tưởng Thị Lan Anh	Nữ	24-10-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		8.75	7.00	9.75	25.50	25.50	
9	A	SPHA002484	Vũ Thị Hoàng Anh	Nữ	18-11-95	21013	21013	21013	21 01	2		8.00	7.50	9.25	24.75	25.50	
10	A	SPHA002494	Nguyễn Quỳnh Chi	Nữ	12-05-95	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		8.25	8.25	9.50	26.00	26.00	
11	A	SPHA002495	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	15-12-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		7.25	7.25	8.50	23.00	24.00	
12	A	SPHA002509	Nguyễn Bích Diệp	Nữ	29-10-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		6.50	6.75	9.50	22.75	24.00	
13	A	SPHA002516	Nguyễn Thị Dung	Nữ	09-01-95	1A081	1A081	1A081	1A 13	2		8.00	7.25	9.75	25.00	25.50	
14	A	SPHA002518	Nguyễn Thị Dung	Nữ	16-12-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		8.00	7.50	8.50	24.00	25.00	
15	A	SPHA019210	Phan Thị Hồng Dung	Nữ	21-08-95	29094	29094	29094	29 18	2NT		8.50	7.50	8.50	24.50	25.50	
16	A	SPHA002524	Trần Thị Thuỳ Dung	Nữ	17-11-95	16052	16052	16052	16 05	2NT		8.50	7.25	9.25	25.00	26.00	
17	A	SPHA002526	Vũ Phương Dung	Nữ	25-02-95	21034	21034	21034	21 08	2NT		8.25	7.00	9.50	24.75	26.00	
18	A	SPHA002532	Lê Thị Mỹ Duyên	Nữ	14-06-95	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		6.25	7.50	9.00	22.75	24.00	
19	A	SPHA002542	Cù Triều Dương	Nam	13-05-95	1A001	1A001	1A001	1A 01	3		8.00	8.75	9.50	26.25	26.50	
20	A	SPHA002544	Lê Thanh Dương	Nam	05-09-95	25002	25002	25002	25 01	2		9.00	7.50	9.25	25.75	26.50	
21	A	SPHA002554	Đỗ Mạnh Đạt	Nam	12-07-95	25004	25004	25004	25 01	2		7.75	7.75	9.50	25.00	25.50	
22	A	SPHA002565	Lê Hiền Đức	Nữ	18-08-95	1A013	1A013	1A013	1A 03	3		8.25	7.50	8.75	24.50	24.50	
23	A	SPHA002567	Nguyễn Ngọc Đức	Nam	04-10-95	26009	26009	26009	26 02	2NT		7.50	7.25	9.00	23.75	25.00	
24	A	SPHA002568	Phan Xuân Đức	Nam	17-12-93	1A085	1A085	1A085	22 10	2		6.75	7.50	9.50	23.75	24.50	
25	A	SPHA002592	Nguyễn Thị Hà	Nữ	23-11-94	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		6.50	8.25	9.50	24.25	25.50	
26	A	SPHA002609	Phạm Thị Hải	Nữ	16-04-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		7.75	7.50	9.50	24.75	26.00	
27	A	SPHA018515	Đỗ Thuý Hằng	Nữ	26-04-95	03013	03013	03013	03 02	3		8.75	6.50	9.00	24.25	24.50	
28	A	SPHA002624	Nguyễn Thị Minh Hằng	Nữ	10-08-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		7.25	7.50	9.50	24.25	25.50	
29	A	SPHA002653	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	16-07-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		7.75	6.75	9.25	23.75	25.00	
30	A	SPHA002661	Lê Thị Hoà	Nữ	16-09-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		7.50	7.50	9.00	24.00	24.50	

Khối: A **Mã ngành: D140212** **Ngành: SƯ PHẠM HÓA HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
31	A	SPHA002673	Ngô Thị Hồng	Nữ	25-11-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		8.75	7.50	9.50	25.75	27.00	
32	A	SPHA002679	Bàn Thị Huệ	Nữ	17-05-95	12036	12036	12036	12 08	2NT	01	8.50	4.75	9.50	22.75	26.00	
33	A	SPHA002680	Đỗ Thị Huệ	Nữ	30-09-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		6.50	7.25	9.50	23.25	24.50	
34	A	SPHA002697	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	29-09-95	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		7.25	7.75	10.00	25.00	26.00	
35	A	SPHA002700	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	28-11-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		8.50	6.50	8.75	23.75	25.00	
36	A	SPHA002706	Đỗ Khắc Hùng	Nam	07-09-95	1B231	1B231	1B231	1B 26	2NT		6.50	6.75	9.50	22.75	24.00	
37	A	SPHA002719	Đỗ Thu Hương	Nữ	27-01-95	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		8.25	7.75	10.00	26.00	26.50	
38	A	SPHA002721	Nguyễn Thị Hương	Nữ	29-03-95	21029	21029	21029	21 04	1		7.75	7.50	9.00	24.25	26.00	
39	A	SPHA002732	Nguyễn Thị Hường	Nữ	04-04-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		8.00	7.50	9.25	24.75	25.50	
40	A	SPHA019221	Hoàng Đình Khánh	Nam	23-08-95	29067	29067	29067	29 14	2NT		8.50	8.25	9.50	26.25	27.50	
41	A	SPHA002741	Nguyễn Hữu Khải	Nam	03-10-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		8.50	7.50	10.00	26.00	26.50	
42	A	SPHA002746	Nguyễn Trung Kiên	Nam	15-12-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		7.25	6.75	9.75	23.75	24.00	
43	A	SPHA002762	Đào Thị Thảo Linh	Nữ	31-10-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		8.25	7.75	9.50	25.50	26.00	
44	A	SPHA002775	Nguyễn Thảo Linh	Nữ	23-06-95	12010	12010	12010	12 01	2	01	7.75	7.50	8.50	23.75	26.50	
45	A	SPHA002784	Tô Thuỳ Linh	Nữ	21-06-93	24051	24051	24051	24 05	2NT		7.75	7.25	8.75	23.75	25.00	
46	A	SPHA002790	Vũ Thị Nguyệt Linh	Nữ	01-09-94	24055	24055	24055	24 05	1		6.75	7.00	8.75	22.50	24.00	
47	A	SPHA002791	Ngô Thị Loan	Nữ	27-02-94	19049	19049	19049	19 02	2NT		6.75	7.50	9.75	24.00	25.00	
48	A	SPHA002793	Trần Thị Phương Loan	Nữ	06-02-94	19017	19017	19017	19 05	2		8.75	6.50	9.50	24.75	25.50	
49	A	SPHA002803	Bùi Thị Lương	Nữ	13-05-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		7.75	6.50	9.50	23.75	25.00	
50	A	SPHA002811	Bùi Thị Ngọc Mai	Nữ	06-10-95	16072	16072	16072	16 07	1		7.25	7.50	8.25	23.00	24.50	
51	A	SPHA002813	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	18-04-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		8.50	7.25	9.50	25.25	26.50	
52	A	SPHA002814	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	06-08-95	18014	18014	18014	18 02	1	01	6.75	7.25	8.50	22.50	26.00	
53	A	SPHA002819	Vũ Quỳnh Mai	Nữ	20-11-95	21028	21028	21028	21 04	1		6.00	7.00	9.25	22.25	24.00	
54	A	SPHA002830	Triệu Thị Phương Minh	Nữ	15-11-95	25051	25051	25051	25 07	2NT		8.50	7.50	10.00	26.00	27.00	
55	A	SPHA002849	Nguyễn Thị Nga	Nữ	18-12-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		7.75	6.50	9.50	23.75	25.00	
56	A	SPHA002861	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ	14-08-95	1B221	1B221	1B221	1B 21	2NT		7.75	8.00	9.75	25.50	26.50	
57	A	SPHA002865	Đỗ Thị Ngọc	Nữ	01-04-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT	06	6.25	7.50	8.25	22.00	24.00	
58	A	SPHA002883	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	13-08-95	1A040	1A040	1A040	1A 08	3		8.00	7.75	9.00	24.75	25.00	
59	A	SPHA002903	Dương Thị Oanh	Nữ	29-05-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		6.50	8.00	9.00	23.50	24.50	
60	A	SPHA002905	Nguyễn Kim Oanh	Nữ	11-03-95	22039	22039	22039	22 06	2NT		6.75	7.25	9.75	23.75	25.00	
61	A	SPHA018525	Nguyễn Thị Lan Oanh	Nữ	14-02-95	17067	17067	17067	17 11	2NT		7.75	7.50	10.00	25.25	26.50	
62	A	SPHA002920	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	03-12-95	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		7.75	7.25	8.00	23.00	24.00	
63	A	SPHA002922	Nguyễn Thị Hải Phương	Nữ	18-01-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		8.00	6.75	8.75	23.50	24.50	
64	A	SPHA002923	Nguyễn Thị Mai Phương	Nữ	22-05-95	21024	21024	21024	21 10	2NT		7.25	7.50	8.00	22.75	24.00	

Khối: A **Mã ngành: D140212** **Ngành: SƯ PHẠM HÓA HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
65	A	SPHA002929	Vũ Minh Phương	Nữ	09-06-95	12010	12010	12010	12 01	2		7.50	7.00	9.25	23.75	24.50	
66	A	SPHA002933	Lê Thị Phượng	Nữ	18-08-95	25029	25029	25029	25 04	2NT	06	8.25	7.50	9.75	25.50	27.50	
67	A	SPHA002937	Phạm Thị Phượng	Nữ	21-02-95	1B162	1B162	1B162	1B 21	3		8.25	6.75	10.00	25.00	25.00	
68	A	SPHA002940	Trần Văn Quang	Nam	25-05-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		7.50	7.50	9.50	24.50	25.00	
69	A	SPHA002948	Trần Thị ánh Quyên	Nữ	22-10-95	26042	26042	26042	26 06	2NT		7.00	7.50	9.50	24.00	25.00	
70	A	SPHA002951	Chu Thuý Quỳnh	Nữ	21-10-95	1A055	1A055	1A055	1A 12	3		8.50	7.25	9.00	24.75	25.00	
71	A	SPHA002957	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	11-06-94	21042	21042	21042	21 09	2NT		8.00	5.50	9.75	23.25	24.50	
72	A	SPHA002968	Nguyễn Viết Sơn	Nam	18-01-95	1A068	1A068	1A068	1A 08	2		8.75	6.75	8.75	24.25	25.00	
73	A	SPHA002973	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	22-04-94	25075	25075	25075	25 10	2NT		7.50	7.50	9.50	24.50	25.50	
74	A	SPHA002987	Hà Thị Thảo	Nữ	24-06-95	16012	16012	16012	16 02	2		9.00	8.50	9.75	27.25	28.00	
75	A	SPHA002998	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	27-06-95	1A045	1A045	1A045	1A 05	3		7.50	7.00	10.00	24.50	24.50	
76	A	SPHA003009	Vũ Văn Thịnh	Nam	29-05-95	21020	21020	21020	21 03	2NT		7.50	7.25	8.25	23.00	24.00	
77	A	SPHA003010	Nguyễn Thị Anh Thoa	Nữ	07-01-95	1A045	1A045	1A045	19 02	3		8.25	7.25	10.00	25.50	25.50	
78	A	SPHA003012	Đào Thị Mai Thu	Nữ	19-09-95	16031	16031	16031	16 03	1		8.00	7.00	9.50	24.50	26.00	
79	A	SPHA003016	Lê Thị Thu	Nữ	18-07-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		8.75	6.75	8.50	24.00	25.00	
80	A	SPHA003023	Nguyễn Thị Phương Thuỳ	Nữ	21-07-95	12014	12014	12014	12 01	2		8.50	7.00	9.50	25.00	25.50	
81	A	SPHA019237	Cao Thị Thuý	Nữ	12-11-95	29061	29061	29061	29 12	2NT		8.75	5.50	10.00	24.25	25.50	
82	A	SPHA003033	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	28-11-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		7.00	7.50	8.75	23.25	24.50	
83	A	SPHA003036	Phạm Thị Thuý	Nữ	09-12-95	1A045	1A045	1A045	1B 26	3		8.75	7.50	10.00	26.25	26.50	
84	A	SPHA003043	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	Nữ	22-11-95	27011	27011	27011	27 01	2		7.50	6.50	9.50	23.50	24.00	
85	A	SPHA003046	Dương Thị Thuy	Nữ	15-01-95	18032	18032	18032	18 09	2NT		8.75	7.00	9.50	25.25	26.50	
86	A	SPHA003048	Lưu Huệ Thương	Nữ	14-09-95	1B243	1B243	1B243	1B 28	2NT		7.25	8.50	9.50	25.25	26.50	
87	A	SPHA003052	Phạm Hồng Tiến	Nam	03-12-95	62002	62002	62002	62 03	1		7.75	8.00	9.00	24.75	26.50	
88	A	SPHA019240	Nguyễn Thị Tình	Nữ	20-11-95	29074	29074	29074	29 15	1		9.00	7.50	7.75	24.25	26.00	
89	A	SPHA003057	Dương Minh Trang	Nữ	25-12-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		7.75	7.50	9.50	24.75	25.50	
90	A	SPHA003061	Đỗ Thị Phương Trang	Nữ	15-12-94	62002	62002	62002	62 01	1		7.50	6.50	9.25	23.25	25.00	
91	A	SPHA019241	Lê Thị Thuỳ Trang	Nữ	22-11-95	29006	29006	29006	29 01	2		8.75	6.50	9.50	24.75	25.50	
92	A	SPHA003080	Nguyễn Vũ Linh Trang	Nữ	13-01-95	26047	26047	26047	26 07	2NT		6.75	6.50	9.75	23.00	24.00	
93	A	SPHA019243	Phan Hà Trang	Nữ	15-12-95	29006	29006	29006	29 01	2		9.00	5.00	9.75	23.75	24.50	
94	A	SPHA003082	Tăng Thị Trang	Nữ	15-08-95	18011	18011	18011	18 01	2		7.75	7.75	9.00	24.50	25.00	
95	A	SPHA003097	Nguyễn Văn Trường	Nam	11-11-95	16072	16072	16072	16 07	1		8.00	7.25	9.50	24.75	26.50	
96	A	SPHA003104	Phạm Đăng Tuyên	Nam	07-10-95	1A013	1A013	1A013	1A 08	3		8.00	7.75	9.00	24.75	25.00	
97	A	SPHA003111	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	28-09-95	1A003	1A003	1A003	1A 03	3	06	8.00	7.50	9.25	24.75	26.00	
98	A	SPHA003122	Vũ Thị Uyên	Nữ	13-01-95	18019	18019	18019	18 05	1		7.75	7.25	9.25	24.25	26.00	

Khối: A **Mã ngành: D140212** **Ngành: SƯ PHẠM HÓA HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
99	A	SPHA003128	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	18-09-95	18030	18030	18030	18 08	1		8.00	7.25	8.50	23.75	25.50	
100	A	SPHA003129	Nguyễn Thị Thuý Vân	Nữ	10-10-95	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		7.75	7.75	9.25	24.75	26.00	
101	A	SPHA019248	Phan Thành Vinh	Nam	23-10-95	29006	29006	29006	29 01	2		9.00	7.00	9.75	25.75	26.50	
102	A	SPHA003133	Đỗ Trúc Vy	Nữ	02-06-95	10002	10002	10002	10 01	1		7.50	8.00	9.25	24.75	26.50	
103	A	SPHA003139	Đinh Thị Hải Yến	Nữ	23-10-95	21016	21016	21016	21 01	2		7.75	7.50	8.25	23.50	24.00	
104	A	SPHA003143	Lê Thị Yến	Nữ	28-12-95	1A078	1A078	1A078	1A 13	2		8.75	7.25	10.00	26.00	26.50	

Danh sách này có 104 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: B **Mã ngành: D140213** **Ngành: SƯ PHẠM SINH HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	B	SPHB016473	Đào Thị Hoàng Anh	Nữ	02-06-95	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		8.25	7.00	7.50	22.75	24.00	
2	B	SPHB016474	Đào Tuấn Anh	Nam	13-12-94	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		7.00	6.25	7.00	20.25	21.00	
3	B	SPHB016482	Đỗ Thị Vân Anh	Nữ	03-05-95	1B223	1B223	1B223	1B 26	2NT		7.50	7.25	7.50	22.25	23.50	
4	B	SPHB016484	Hà Thị Ngọc Anh	Nữ	06-02-95	16012	16012	16012	16 04	2		6.25	7.50	8.00	21.75	22.50	
5	B	SPHB016485	Hoàng Thị Ngọc Anh	Nữ	04-09-95	28118	28118	28118	28 01	2		9.25	9.50	9.25	28.00	28.50	
6	B	SPHB016496	Nguyễn Mai Anh	Nữ	08-02-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		8.25	6.25	8.50	23.00	24.00	
7	B	SPHB016509	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	07-05-94	26020	26020	26020	26 03	2NT		7.25	7.50	6.00	20.75	22.00	
8	B	SPHB016516	Trần Thị Vân Anh	Nữ	30-06-94	1A080	1A080	1A080	1A 13	2		7.75	7.50	6.50	21.75	22.50	
9	B	SPHB016533	Trần Thị Ngọc ánh	Nữ	09-09-95	1B239	1B239	1B239	1B 27	2NT		7.50	7.25	6.00	20.75	22.00	
10	B	SPHB016535	Nguyễn Thị Ân	Nữ	19-06-95	12036	12036	12036	12 08	2NT		8.50	7.00	6.75	22.25	23.50	
11	B	SPHB016540	Nguyễn Ngọc Bích	Nữ	16-06-95	08025	08025	08025	08 07	1		7.50	7.50	5.50	20.50	22.00	
12	B	SPHB016544	Nguyễn Thị Ngọc Châm	Nữ	28-06-95	18014	18014	18014	18 06	1		6.75	7.25	7.25	21.25	23.00	
13	B	SPHB016552	Quách Duy Chung	Nam	25-09-95	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		8.00	6.50	8.75	23.25	24.50	
14	B	SPHB016554	Phan Thị Chúc	Nữ	23-02-95	15001	15001	15001	15 11	2		8.75	6.00	7.00	21.75	22.50	
15	B	SPHB016564	Trần Mạnh Cường	Nam	10-11-95	16031	16031	16031	16 03	1		7.50	5.50	7.25	20.25	22.00	
16	B	SPHB016569	Đỗ Thị Thuý Diệp	Nữ	25-03-95	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		6.25	8.25	5.50	20.00	21.00	
17	B	SPHB019297	Hoàng Thị Thuỳ Dung	Nữ	21-01-95	29080	29080	29080	29 16	2NT		7.75	6.75	7.75	22.25	23.50	
18	B	SPHB016574	Nguyễn Thanh Dung	Nữ	31-07-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		8.25	8.00	7.25	23.50	24.00	
19	B	SPHB016592	Hoàng Thị Minh Duyên	Nữ	23-10-95	25021	25021	25021	25 03	2NT		9.00	6.25	8.25	23.50	24.50	
20	B	SPHB016593	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	28-08-95	18021	18021	18021	18 08	1		5.75	8.25	7.75	21.75	23.50	
21	B	SPHB016610	Nguyễn Thị Bích Đào	Nữ	13-09-95	25067	25067	25067	25 08	2NT		8.50	4.25	7.25	20.00	21.00	
22	B	SPHB016611	Nguyễn Thị Đào	Nữ	18-04-95	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT		8.25	6.00	6.50	20.75	22.00	
23	B	SPHB016618	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	03-05-95	1A000	1A000	1A000	1A 01	3		8.25	5.00	8.50	21.75	22.00	
24	B	SPHB016633	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	01-01-95	15001	15001	15001	15 10	2		7.75	7.50	5.25	20.50	21.00	
25	B	SPHB016638	Dương Thị Hà	Nữ	01-02-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		5.00	7.50	7.25	19.75	21.00	
26	B	SPHB016639	Đặng Việt Hà	Nữ	14-10-95	1A040	1A040	1A040	1A 06	3		9.00	4.50	7.75	21.25	21.50	
27	B	SPHB016642	Lại Ngọc Hà	Nữ	21-02-95	1B243	1B243	1B243	1B 28	2NT		7.00	6.50	8.25	21.75	23.00	
28	B	SPHB016644	Lê Thu Hà	Nữ	07-12-95	16012	16012	16012	16 09	2		9.00	5.00	7.50	21.50	22.00	
29	B	SPHB016646	Nguyễn Hồng Hà	Nữ	17-10-95	27012	27012	27012	27 01	2		7.50	7.50	6.50	21.50	22.00	
30	B	SPHB016666	Trần Minh Hải	Nam	23-11-93	25027	25027	25027	25 04	2NT		8.50	7.25	6.50	22.25	23.50	

Khối: B **Mã ngành: D140213** **Ngành: SƯ PHẠM SINH HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
31	B	SPHB016669	Đỗ Thị Hảo	Nữ	07-02-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		8.00	5.25	7.50	20.75	22.00	
32	B	SPHB016701	Doãn Thị Hiền	Nữ	10-04-95	1B184	1B184	1B184	1B 18	2NT		9.00	6.50	5.75	21.25	22.50	
33	B	SPHB016708	Mai Thị Hiền	Nữ	17-05-95	25075	25075	25075	25 10	2NT		8.25	5.50	7.50	21.25	22.50	
34	B	SPHB016711	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	15-08-95	1B178	1B178	1B178	1B 17	2NT		5.50	7.50	7.25	20.25	21.50	
35	B	SPHB016715	Trần Thị Hiền	Nữ	11-07-94	24043	24043	24043	24 04	2NT		7.50	6.50	6.25	20.25	21.50	
36	B	SPHB016716	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	16-10-95	25059	25059	25059	25 08	2NT		8.25	5.25	7.25	20.75	22.00	
37	B	SPHB016735	Trần Thị Hoa	Nữ	24-08-95	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		7.25	7.50	7.75	22.50	23.50	
38	B	SPHB016755	Trần Thu Hồi	Nữ	15-03-95	27072	27072	27072	27 07	2NT		8.50	6.50	8.75	23.75	25.00	
39	B	SPHB016758	Nguyễn Lan Hồng	Nữ	14-11-95	16012	16012	16012	16 06	2		9.00	7.00	7.75	23.75	24.50	
40	B	SPHB016765	Hoàng Thị Huế	Nữ	18-01-95	26042	26042	26042	26 06	2NT		6.75	6.50	6.50	19.75	21.00	
41	B	SPHB016769	Đặng Thị Huệ	Nữ	06-03-93	26039	26039	26039	26 06	2NT		7.00	6.75	6.25	20.00	21.00	
42	B	SPHB016773	Trần Thị Huệ	Nữ	31-01-95	12010	12010	12010	12 01	2		7.75	5.50	7.00	20.25	21.00	
43	B	SPHB016778	Nguyễn Khắc Huy	Nam	27-09-95	1A029	1A029	1A029	1A 05	3		9.00	5.50	10.00	24.50	24.50	
44	B	SPHB016781	Bùi Thị Huyền	Nữ	19-04-95	18021	18021	18021	18 05	1	04	7.25	6.50	6.25	20.00	23.50	
45	B	SPHB016785	Hoàng Thị Ngọc Huyền	Nữ	25-01-95	21022	21022	21022	21 10	2NT		8.75	4.50	7.00	20.25	21.50	
46	B	SPHB016786	Hoàng Thị Thu Huyền	Nữ	21-08-95	25003	25003	25003	25 01	2	06	7.75	5.75	6.25	19.75	21.50	
47	B	SPHB016795	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	21-07-95	1A037	1A037	1A037	1A 10	3		8.00	8.50	8.00	24.50	24.50	
48	B	SPHB018618	Đỗ Tiến Hưng	Nam	22-12-95	03042	03042	03042	03 08	2		7.50	5.50	8.50	21.50	22.00	
49	B	SPHB016814	Cao Thị Hương	Nữ	01-05-95	62002	62002	62002	62 03	1		7.00	4.50	9.25	20.75	22.50	
50	B	SPHB016817	Lê Quỳnh Hương	Nữ	09-02-95	1A055	1A055	1A055	1A 09	3		8.00	7.75	7.25	23.00	23.00	
51	B	SPHB016820	Mai Thu Hương	Nữ	27-07-95	26046	26046	26046	26 07	2NT		7.75	6.50	7.00	21.25	22.50	
52	B	SPHB016825	Nguyễn Thu Hương	Nữ	29-09-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		7.50	5.25	7.50	20.25	21.00	
53	B	SPHB016827	Phạm Thị Hương	Nữ	22-10-95	27062	27062	27062	27 06	1		8.75	6.50	7.25	22.50	24.00	
54	B	SPHB016826	Phạm Thị Hương	Nữ	07-07-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		7.25	7.00	6.50	20.75	22.00	
55	B	SPHB016840	Vương Quỳnh Hương	Nữ	07-12-95	1B198	1B198	1B198	1B 20	2NT		7.50	7.50	7.25	22.25	23.50	
56	B	SPHB016844	Hà Thị Thu Hường	Nữ	12-03-95	1A087	1A087	1A087	1B 29	2		8.25	6.00	7.50	21.75	22.50	
57	B	SPHB016849	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	13-03-94	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		6.25	6.50	7.50	20.25	21.50	
58	B	SPHB016848	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	19-09-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		6.75	7.25	7.50	21.50	22.50	
59	B	SPHB016851	Nguyễn Thu Hường	Nữ	19-02-95	16071	16071	16071	16 07	2NT		7.75	6.50	7.50	21.75	23.00	
60	B	SPHB016868	Nguyễn Thanh Lam	Nữ	04-09-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		5.75	6.00	8.25	20.00	21.00	
61	B	SPHB016875	Phạm Ngọc Lan	Nữ	01-12-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		7.25	6.25	7.50	21.00	22.00	
62	B	SPHB016879	Đoàn Ngọc Lâm	Nữ	27-11-95	1B232	1B232	1B232	1B 26	2NT		7.25	8.50	8.00	23.75	25.00	
63	B	SPHB016888	Nguyễn Thị Nhật Lệ	Nữ	20-07-95	15001	15001	15001	15 11	2		8.25	6.00	8.75	23.00	23.50	
64	B	SPHB016894	Nguyễn Thị Liên	Nữ	28-01-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		8.00	7.25	7.50	22.75	24.00	

Khối: B **Mã ngành: D140213** **Ngành: SƯ PHẠM SINH HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
65	B	SPHB016896	Nguyễn Thị Thanh Liên	Nữ	03-08-95	16031	16031	16031	16 03	1		7.75	6.25	6.25	20.25	22.00	
66	B	SPHB016897	Trần Phương Liên	Nữ	18-02-95	1B242	1B242	1B242	1B 27	2NT		7.50	6.00	6.25	19.75	21.00	
67	B	SPHB016899	Vũ Phương Liên	Nữ	07-12-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		6.50	7.50	5.75	19.75	21.00	
68	B	SPHB016904	Hoàng Thị Linh	Nữ	01-05-93	25068	25068	25068	25 09	2NT		8.00	5.00	7.50	20.50	21.50	
69	B	SPHB016908	Lê Thuỳ Linh	Nữ	21-09-95	1B245	1B245	1B245	1B 27	2NT		8.25	6.00	8.75	23.00	24.00	
70	B	SPHB016910	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	24-04-95	18014	18014	18014	18 02	1		7.75	8.25	6.00	22.00	23.50	
71	B	SPHB016914	Nguyễn Thị Linh	Nữ	31-10-95	1A080	1A080	1A080	1A 13	2		8.25	7.00	7.75	23.00	23.50	
72	B	SPHB016925	Phạm Thị Linh	Nữ	18-04-95	1B162	1B162	1B162	1B 28	3		7.75	7.50	8.50	23.75	24.00	
73	B	SPHB016938	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	06-04-94	1A078	1A078	1A078	1A 13	2		7.75	7.00	6.00	20.75	21.50	
74	B	SPHB016943	Phùng Quang Long	Nam	09-12-95	23012	23012	23012	23 11	1		7.75	3.50	9.00	20.25	22.00	
75	B	SPHB016961	Lê Ngọc Mai	Nữ	17-07-95	12020	12020	12020	12 02	2		7.50	6.75	8.00	22.25	23.00	
76	B	SPHB016965	Nguyễn Phùng Thanh Mai	Nữ	18-07-95	23012	23012	23012	23 07	1		5.75	8.25	7.50	21.50	23.00	
77	B	SPHB016968	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	23-04-95	21020	21020	21020	21 03	2NT		7.25	7.75	7.50	22.50	23.50	
78	B	SPHB016967	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	02-06-95	18023	18023	18023	18 06	2NT		8.00	6.50	9.00	23.50	24.50	
79	B	SPHB016969	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	19-03-95	18019	18019	18019	18 05	1		8.75	6.50	8.25	23.50	25.00	
80	B	SPHB016974	Vũ Thị Như Mai	Nữ	30-10-95	23030	23030	23030	23 07	1	01	6.00	6.25	5.00	17.25	21.00	
81	B	SPHB016976	Hoàng Trường Mẫn	Nam	26-12-92	25061	25061	25061	25 08	2NT		8.00	7.50	8.25	23.75	25.00	
82	B	SPHB016990	Trần Trà My	Nữ	19-12-94	1A029	1A029	1A029	1A 06	3		8.75	5.50	8.50	22.75	23.00	
83	B	SPHB016991	Chu Hoàng Nam	Nam	25-10-90	1A033	1A033	1A033	1A 13	3		8.50	6.50	6.50	21.50	21.50	
84	B	SPHB016992	Nguyễn Hải Nam	Nam	02-10-95	23012	23012	23012	23 01	1		7.00	5.50	8.50	21.00	22.50	
85	B	SPHB017003	Phạm Thị Nguyệt Nga	Nữ	09-02-95	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		7.75	6.75	6.75	21.25	22.50	
86	B	SPHB017006	Phí Văn Ngàn	Nam	14-07-92	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		7.00	6.00	6.75	19.75	21.00	
87	B	SPHB017007	Đào Thị Ngân	Nữ	27-07-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		8.50	3.75	7.50	19.75	21.00	
88	B	SPHB019309	Ngô Thị Ngân	Nữ	29-08-95	29056	29056	29056	29 12	2NT		7.75	5.50	8.00	21.25	22.50	
89	B	SPHB017017	Trần Đức Nghĩa	Nam	11-07-95	1B162	1B162	1B162	1B 25			8.25	5.25	9.25	22.75	23.00	
90	B	SPHB017034	Vũ Thị Bích Ngọc	Nữ	27-04-94	26025	26025	26025	26 04	2NT		8.50	7.50	6.75	22.75	24.00	
91	B	SPHB017036	Lê Chí Nguyện	Nam	21-05-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT	06	7.75	6.75	8.75	23.25	25.50	
92	B	SPHB017040	Trương Thị Nhàn	Nữ	15-02-95	25044	25044	25044	25 06	2NT		8.50	5.75	6.25	20.50	21.50	
93	B	SPHB017041	Nguyễn Hữu Nhất	Nam	22-07-95	19027	19027	19027	19 02	2		7.25	6.50	7.50	21.25	22.00	
94	B	SPHB017043	Nguyễn Thị Nhi	Nữ	22-02-95	19014	19014	19014	19 08	2NT		8.50	6.50	8.25	23.25	24.50	
95	B	SPHB017045	Đặng Thị Nhung	Nữ	20-06-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		6.00	8.75	7.00	21.75	22.50	
96	B	SPHB017055	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	24-10-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		7.00	5.50	7.50	20.00	21.00	
97	B	SPHB017057	Tô Hồng Nhung	Nữ	08-04-95	1B232	1B232	1B232	1B 26	2NT		6.75	7.25	6.50	20.50	21.50	
98	B	SPHB017062	Nguyễn Thị Niêm	Nữ	14-09-95	1B171	1B171	1B171	09 03	1	01	6.25	7.50	4.75	18.50	22.00	

Khối: B **Mã ngành: D140213** **Ngành: SƯ PHẠM SINH HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
99	B	SPHB017064	Đào Thị Kiều Oanh	Nữ	09-06-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		8.75	3.25	7.75	19.75	21.00	
100	B	SPHB017080	Hoàng Mai Phương	Nữ	15-06-95	25003	25003	25003	25 01	2		6.50	8.25	5.50	20.25	21.00	
101	B	SPHB017082	Khổng Lan Phương	Nữ	07-11-95	18011	18011	18011	18 01	2		7.75	6.75	6.75	21.25	22.00	
102	B	SPHB017084	Lê Thị Phương	Nữ	29-11-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		8.00	7.75	6.75	22.50	23.50	
103	B	SPHB017088	Ngô Thị Phương	Nữ	08-04-95	18021	18021	18021	18 05	1		8.50	6.25	7.50	22.25	24.00	
104	B	SPHB017097	Phan Thanh Phương	Nữ	10-04-95	15001	15001	15001	15 12	2		7.75	6.75	7.50	22.00	22.50	
105	B	SPHB017100	Phạm Thị Phương	Nữ	15-11-95	24031	24031	24031	24 03	2NT		8.25	7.50	7.50	23.25	24.50	
106	B	SPHB017102	Tô Thị Phương	Nữ	20-03-95	1B232	1B232	1B232	1B 26	2NT		6.75	8.25	4.75	19.75	21.00	
107	B	SPHB017105	Đặng Thị Phượng	Nữ	23-08-95	1B184	1B184	1B184	1B 18	2NT		8.75	4.75	9.00	22.50	23.50	
108	B	SPHB017108	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	10-12-95	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		6.75	7.25	6.75	20.75	22.00	
109	B	SPHB017109	Vũ Thị Phượng	Nữ	13-03-95	12021	12021	12021	12 03	1		7.25	6.50	6.50	20.25	22.00	
110	B	SPHB017111	Nguyễn Văn Quang	Nam	16-06-95	1B225	36020	36020	36 01	1		6.75	6.50	7.00	20.25	22.00	
111	B	SPHB017117	Trần Thị Quyên	Nữ	04-09-94	24063	24063	24063	24 06	2NT		7.25	5.50	8.25	21.00	22.00	
112	B	SPHB017122	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	09-07-95	24061	24061	24061	24 06	2NT		6.00	6.75	7.25	20.00	21.00	
113	B	SPHB017128	Trịnh Thu Quỳnh	Nữ	04-05-95	1B243	1B243	1B243	1B 28	2NT		9.00	3.75	9.50	22.25	23.50	
114	B	SPHB017132	Doãn Thị Thu Sang	Nữ	10-06-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		9.00	4.50	9.00	22.50	23.50	
115	B	SPHB017138	Hoàng Thị Son	Nữ	22-11-93	13027	13027	13027	13 07	1		6.50	6.50	7.75	20.75	22.50	
116	B	SPHB017141	Vũ Cao Sơn	Nam	05-08-95	21013	21013	21013	21 12	2	06	7.50	7.75	7.25	22.50	24.00	
117	B	SPHB017168	Đào Phương Thảo	Nữ	23-03-95	12020	12020	12020	12 02	2		7.25	6.50	7.50	21.25	22.00	
118	B	SPHB017177	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	17-10-95	18020	18020	18020	18 05	1		7.00	7.50	7.25	21.75	23.50	
119	B	SPHB017184	Vũ Phương Thảo	Nữ	13-09-95	16083	16083	16083	16 08	2		8.00	7.25	5.00	20.25	21.00	
120	B	SPHB017189	Nguyễn Trung Thắng	Nam	09-12-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		5.50	8.00	8.25	21.75	23.00	
121	B	SPHB017200	Nguyễn Anh Thơ	Nữ	01-06-95	12029	12029	12029	12 09	2NT		6.50	6.25	8.00	20.75	22.00	
122	B	SPHB017201	Nguyễn Thị Anh Thơ	Nữ	16-10-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		8.25	6.25	6.00	20.50	21.50	
123	B	SPHB017204	Phạm Thị Thơm	Nữ	21-08-95	26047	26047	26047	26 07	2NT		9.00	6.25	9.25	24.50	25.50	
124	B	SPHB017235	An Thị Thu Thuỷ	Nữ	20-12-95	1B170	1B170	1B170	1B 16	2		8.00	3.75	9.25	21.00	21.50	
125	B	SPHB017237	Đỗ Thị Thanh Thuỷ	Nữ	24-02-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		9.00	4.75	8.50	22.25	22.50	
126	B	SPHB017240	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	Nữ	21-12-95	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		7.50	5.00	8.50	21.00	22.00	
127	B	SPHB017244	Nguyễn Thu Thuỷ	Nữ	30-12-95	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		7.50	6.75	7.25	21.50	22.50	
128	B	SPHB017248	Phan Anh Thư	Nữ	09-10-95	1A040	1A040	1A040	1A 07	3		8.50	8.25	7.75	24.50	24.50	
129	B	SPHB017250	Vũ Anh Thư	Nam	09-10-95	26052	26052	26052	26 08	2NT		7.00	7.50	5.50	20.00	21.00	
130	B	SPHB017256	Lê Thuỷ Tiên	Nữ	26-05-95	1A088	1A088	1A088	1A 14	2		8.00	6.00	7.25	21.25	22.00	
131	B	SPHB017263	Tô Thái Toàn	Nam	28-05-95	12013	12013	12013	12 02	2		8.00	7.00	6.75	21.75	22.50	
132	B	SPHB017266	Chu Quỳnh Trang	Nữ	08-06-94	12010	12010	12010	12 01	2		6.50	7.50	8.50	22.50	23.00	

Khối: B **Mã ngành: D140213** **Ngành: SƯ PHẠM SINH HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
133	B	SPHB017272	Đỗ Thị Mai Trang	Nữ	28-08-95	25002	25002	25002	25 08	2		7.25	8.25	7.50	23.00	23.50	
134	B	SPHB017278	Lê Thu Trang	Nữ	16-08-95	1A109	1A109	1A109	1A 10	3		7.75	6.50	7.75	22.00	22.00	
135	B	SPHB017281	Lương Thị Thu Trang	Nữ	16-10-95	26046	26046	26046	26 07	2NT		8.25	4.00	8.50	20.75	22.00	
136	B	SPHB017293	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	04-11-95	16011	16011	16011	16 01	2		9.00	4.50	8.00	21.50	22.00	
137	B	SPHB017296	Nguyễn Thị Trang	Nữ	16-10-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		9.50	3.50	8.75	21.75	23.00	
138	B	SPHB017304	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	28-05-95	18014	18014	18014	18 06	1		6.00	8.50	5.75	20.25	22.00	
139	B	SPHB017316	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	29-05-95	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		8.00	7.00	8.50	23.50	24.50	
140	B	SPHB017322	Nguyễn Nam Trung	Nam	29-09-95	25002	25002	25002	25 01	2		8.25	9.50	8.00	25.75	26.50	
141	B	SPHB018627	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	15-12-95	03007	03007	03007	03 02	3		8.25	5.25	8.25	21.75	22.00	
142	B	SPHB017330	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	08-08-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		7.75	6.00	7.75	21.50	22.00	
143	B	SPHB017331	Tạ Quang Tuấn	Nam	26-05-95	12014	12014	12014	12 01	2		6.25	7.50	8.00	21.75	22.50	
144	B	SPHB017336	Tạ Quang Tuyến	Nam	09-03-95	1A003	1A003	1A003	1A 04	3		9.00	8.75	8.00	25.75	26.00	
145	B	SPHB017341	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	15-11-95	25061	25061	25061	25 08	2NT		8.00	5.50	6.50	20.00	21.00	
146	B	SPHB017348	Nguyễn Duy Tùng	Nam	24-08-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		8.00	4.50	7.25	19.75	21.00	
147	B	SPHB017355	Lê Thị Tú	Nữ	02-09-95	28037	28037	28037	28 13	1		8.25	3.75	8.75	20.75	22.50	
148	B	SPHB017367	Vũ Thuỳ Vân	Nữ	21-12-95	26039	26039	26039	26 06	2NT		7.75	6.75	5.75	20.25	21.50	
149	B	SPHB017369	Lê Thị Hạ Vi	Nữ	01-01-95	22049	22049	22049	22 08	2NT		8.25	3.75	8.00	20.00	21.00	
150	B	SPHB017373	Lê Thị Vinh	Nữ	10-05-95	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT		8.00	5.50	8.50	22.00	23.00	
151	B	SPHB017376	Nguyễn Thị Vinh	Nữ	30-04-95	22021	22021	22021	22 03	2NT		8.50	5.00	7.25	20.75	22.00	
152	B	SPHB017398	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	16-07-95	07001	07001	07001	07 01	1		6.75	7.25	5.75	19.75	21.50	
153	B	SPHB017405	Trần Thị Yến	Nữ	15-03-95	25016	25016	25016	25 02	2NT		8.25	8.25	7.75	24.25	25.50	

Danh sách này có 153 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140214** **Ngành: SƯ PHẠM KĨ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA003154	Đào Băng Giang	Nữ	25-10-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		5.50	3.50	9.00	18.00	19.00	
2	A	SPHA003159	Nguyễn ánh Hằng	Nữ	27-04-95	25006	25006	25006	25 01	2		5.00	5.25	4.50	14.75	15.50	
3	A	SPHA003163	Vũ Thị Hoa	Nữ	17-04-95	25085	25085	25085	25 09	2NT		5.00	4.25	5.25	14.50	15.50	
4	A	SPHA003173	Nguyễn Khánh Ly	Nữ	10-02-95	08018	08018	08018	08 03	1		3.75	4.50	5.25	13.50	15.00	
5	A	SPHA003175	Phạm Thị Hằng Nga	Nữ	18-09-95	22012	22012	22012	22 01	2		6.00	3.75	6.25	16.00	16.50	
6	A	SPHA003176	Vũ Thị Thanh Nga	Nữ	06-10-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		3.75	5.75	4.75	14.25	15.50	
7	A	SPHA003178	Phùng Thị Phương	Nữ	04-05-95	16014	16014	16014	16 01	2		5.25	5.50	7.25	18.00	18.50	
8	A	SPHA003179	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	16-11-95	24033	24033	24033	24 03	2NT		4.50	4.50	4.75	13.75	15.00	
9	A	SPHA003180	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	11-10-95	28130	28130	28130	28 09	1		4.00	4.75	4.50	13.25	15.00	
10	A	SPHA003184	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	20-05-95	18027	18027	18027	18 07	2NT		6.00	4.75	5.50	16.25	17.50	
11	A	SPHA018544	Vũ Thuỳ Tính	Nữ	23-04-95	17024	17024	17024	17 03	2		4.25	6.00	6.50	16.75	17.50	

Khối: A1 **Mã ngành: D140214** **Ngành: SƯ PHẠM KĨ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA105243	Lê Hoàng Diệu Anh	Nữ	28-07-95	15001	15001	15001	15 01	2		7.00	2.00	8.25	17.25	18.00	
2	A1	SPHA105247	Dương Tuấn Cương	Nam	27-07-95	13003	13003	13003	13 01	1		5.50	2.50	6.00	14.00	15.50	
3	A1	SPHA105249	Lưu Thị Thuý Dung	Nữ	08-01-95	1B250	1B250	1B250	1B 29	2NT		4.50	3.00	6.50	14.00	15.00	
4	A1	SPHA105251	Dương Thành Đạt	Nam	01-08-95	27011	27011	27011	27 01	2		5.25	2.50	8.00	15.75	16.50	
5	A1	SPHA105256	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	25-03-95	26009	26009	26009	26 02	2NT		4.25	2.50	7.00	13.75	15.00	
6	A1	SPHA105261	Nguyễn Thu Hương	Nữ	26-01-95	15001	15001	15001	15 09	2		7.25	3.75	8.00	19.00	19.50	
7	A1	SPHA105262	Nguyễn Phương Liên	Nữ	04-05-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		7.75	1.50	8.50	17.75	19.00	
8	A1	SPHA105264	Nghiêm Huyền Linh	Nữ	29-09-95	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		6.75	3.25	8.25	18.25	18.50	
9	A1	SPHA105266	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	03-03-95	1A040	1A040	1A040	1A 01	3		7.25	6.25	8.00	21.50	21.50	
10	A1	SPHA105268	Hoàng Thị Nga	Nữ	15-10-95	19018	19018	19018	19 03	2NT		6.75	2.00	9.00	17.75	19.00	
11	A1	SPHA105269	Nguyễn Thu Ngọc	Nữ	28-04-95	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		6.00	2.25	7.50	15.75	16.00	
12	A1	SPHA105270	Vũ Thị Ngọc	Nữ	27-03-95	19010	19010	19010	19 07	2NT		4.25	2.75	7.75	14.75	16.00	
13	A1	SPHA105271	Hoàng Thị Minh Nguyệt	Nữ	27-04-95	1A080	1A080	1A080	1A 13	2		7.50	4.75	9.00	21.25	22.00	
14	A1	SPHA105272	Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	16-01-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		5.50	3.25	7.50	16.25	17.00	
15	A1	SPHA105274	Trương Việt Phương	Nam	14-01-95	1A018	1A018	1A018	1A 04	3		4.25	4.75	7.25	16.25	16.50	
16	A1	SPHA105280	Lại Thuỷ Tiên	Nữ	18-10-95	24011	24011	24011	24 03	2		5.00	2.50	8.00	15.50	16.00	
17	A1	SPHA105282	Phương Minh Tuấn	Nam	03-07-95	1A060	1A060	1A060	1A 05	2		3.50	3.50	7.50	14.50	15.00	

Khối: A1 **Mã ngành: D140214** **Ngành: SƯ PHẠM KĨ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
18	A1	SPHA105283	Nguyễn Minh Tú	Nam	26-12-95	1B239	1B239	1B239	1B 27	2NT		4.75	2.50	7.50	14.75	16.00	
19	A1	SPHA105284	Hoàng Thị Thuý Xuân	Nữ	05-12-95	1B250	1B250	1B250	1B 29	2NT		2.50	3.00	8.25	13.75	15.00	

Danh sách này có 30 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: C **Mã ngành: D140217** **Ngành: SƯ PHẠM NGỮ VĂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC009117	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	01-08-94	18015	18015	18015	18 08	1		7.25	6.75	6.00	20.00	21.50	
2	C	SPHC009118	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	22-09-95	19018	19018	19018	19 03	2NT		8.75	7.00	8.00	23.75	25.00	
3	C	SPHC009169	Đỗ Thị Hồng Cúc	Nữ	19-02-95	16021	16021	16021	16 02	2NT		8.50	7.75	8.00	24.25	25.50	
4	C	SPHC009175	Nguyễn Thị Diệp	Nữ	20-12-95	26002	26002	26002	26 08	2		7.25	6.00	8.00	21.25	22.00	
5	C	SPHC009180	Hoàng Hương Dịu	Nữ	01-10-94	09010	09010	09010	09 06	1		7.50	8.25	8.00	23.75	25.50	
6	C	SPHC009183	Đỗ Thị Phương Dung	Nữ	18-10-95	16021	16021	16021	16 02	2NT		7.50	8.75	7.00	23.25	24.50	
7	C	SPHC009184	Hoàng Thuỷ Dung	Nữ	03-10-95	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		8.00	7.00	7.00	22.00	22.00	
8	C	SPHC009195	Đỗ Thuỳ Dương	Nữ	26-09-95	62002	62002	62002	62 01	1		8.75	7.50	7.50	23.75	25.50	
9	C	SPHC019372	Lê Thị Việt Hà	Nữ	19-10-94	30022	30022	30022	30 07	1		7.50	8.50	6.50	22.50	24.00	
10	C	SPHC009221	Trần Khánh Thu Hà	Nữ	26-06-95	21013	21013	21013	21 01	2		7.75	8.75	7.50	24.00	24.50	
11	C	SPHC009222	Trịnh Thị Hà	Nữ	21-08-95	28110	28110	28110	28 27	2NT		8.50	6.00	7.50	22.00	23.00	
12	C	SPHC009233	Dương Thị Hạnh	Nữ	24-06-95	16021	16021	16021	16 02	2NT		8.50	8.25	6.50	23.25	24.50	
13	C	SPHC009236	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	20-09-95	10029	10029	10029	10 07	1	01	8.50	8.50	7.00	24.00	27.50	
14	C	SPHC009238	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	12-10-95	28012	28012	28012	28 03	2		8.25	6.00	8.50	22.75	23.50	
15	C	SPHC009240	Bùi Thị Thu Hằng	Nữ	07-11-95	22011	22011	22011	22 01	2		8.00	6.00	7.00	21.00	21.50	
16	C	SPHC009266	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	10-09-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		7.25	5.50	8.00	20.75	21.50	
17	C	SPHC009269	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	28-02-95	1A087	1A087	1A087	1B 29	2		8.25	7.50	8.00	23.75	24.50	
18	C	SPHC009273	Quách Thị Hiền	Nữ	27-03-95	27033	27033	27033	27 03	1	01	7.50	6.50	7.50	21.50	25.00	
19	C	SPHC009284	Hoàng Thị Thanh Hoa	Nữ	18-04-95	1B186	1B186	1B186	10 09	1	01	7.50	6.50	8.00	22.00	25.50	
20	C	SPHC009294	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	10-06-95	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		8.25	6.50	7.00	21.75	23.00	
21	C	SPHC018750	Vũ Thị Thanh Hoa	Nữ	08-12-95	17066	17066	17066	17 11	2NT		5.75	8.50	8.00	22.25	23.50	
22	C	SPHC009303	Phạm Thị Tô Hoài	Nữ	07-08-95	1B186	1B186	1B186	12 06	1	01	8.50	6.50	8.50	23.50	27.00	
23	C	SPHC009307	Hà Thị Hồng	Nữ	15-03-93	15057	15057	15057	15 08	1	01	5.75	7.25	6.00	19.00	22.50	
24	C	SPHC009311	Trần Thị Hồng	Nữ	11-10-95	16052	16052	16052	16 05	2NT		8.75	6.50	7.00	22.25	23.50	
25	C	SPHC009317	Nguyễn Thị Huế	Nữ	14-08-95	09018	09018	09018	09 04	1	01	6.50	6.50	7.50	20.50	24.00	
26	C	SPHC009336	Hoàng Thị Thu Huyền	Nữ	12-02-95	24063	24063	24063	24 06	2NT		6.75	8.50	6.50	21.75	23.00	
27	C	SPHC009338	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	10-09-95	19013	19013	19013	19 01	2		7.75	8.50	8.00	24.25	25.00	
28	C	SPHC009347	Trịnh Thu Huyền	Nữ	05-11-95	24011	24011	24011	24 01	2		7.50	7.75	7.50	22.75	23.50	
29	C	SPHC009349	Bùi Thiên Hương	Nữ	07-10-95	15001	15001	15001	15 05	2		8.50	8.75	7.00	24.25	25.00	
30	C	SPHC009359	Lê Thị Thu Hương	Nữ	01-11-95	25016	25016	25016	25 02	2NT		8.00	9.00	7.00	24.00	25.00	

Khối: C **Mã ngành: D140217** **Ngành: SƯ PHẠM NGỮ VĂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
31	C	SPHC009364	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	18-07-95	15001	15001	15001	15 01	2		8.00	9.00	8.50	25.50	26.00	
32	C	SPHC009372	Nguyễn Thị Hường	Nữ	02-05-95	16015	16015	16015	16 03	1	01	7.00	5.50	7.00	19.50	23.00	
33	C	SPHC009373	Ngụy Thị Hường	Nữ	01-11-95	16032	16032	16032	16 03	1		8.00	6.75	8.00	22.75	24.50	
34	C	SPHC009379	Hoàng Thị Khánh	Nữ	02-09-95	12033	12033	12033	15 13	1	01	7.00	6.00	7.00	20.00	23.50	
35	C	SPHC009381	Nông Thị Khiêm	Nữ	17-12-94	13005	13005	13005	13 04	1	01	5.50	5.50	7.00	18.00	21.50	
36	C	SPHC009390	Hà Hương Lan	Nữ	13-03-95	26018	26018	26018	26 03	2NT		8.25	9.25	7.00	24.50	25.50	
37	C	SPHC009411	Trương Thị Liên	Nữ	11-01-95	16015	16015	16015	16 09	1	01	6.50	7.00	7.50	21.00	24.50	
38	C	SPHC009416	Bùi Thị Linh	Nữ	18-09-94	23016	23016	23016	23 08	1	01	7.00	6.50	7.00	20.50	24.00	
39	C	SPHC009418	Bùi Thị Thuỳ Linh	Nữ	24-10-94	23034	23034	23034	23 08	1	01	7.00	6.00	6.00	19.00	22.50	
40	C	SPHC009443	Triệu Thị Ngọc Linh	Nữ	28-12-94	15001	15001	15001	15 01	2		8.75	9.50	8.00	26.25	27.00	
41	C	SPHC009456	Trịnh Thành Luận	Nam	09-08-95	15004	15004	15004	15 01	2		7.75	7.00	7.00	21.75	22.50	
42	C	SPHC009457	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	18-01-95	15022	15022	15022	15 05	1		8.75	7.50	6.50	22.75	24.50	
43	C	SPHC009471	Mai Thị Phương Mai	Nữ	05-06-94	21036	21036	21036	21 07	2NT		9.00	8.50	8.00	25.50	26.50	
44	C	SPHC009472	Nguyễn Thị Mai	Nữ	01-07-95	16091	16091	16091	16 09	1		7.50	8.75	8.50	24.75	26.50	
45	C	SPHC009475	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	13-04-95	18022	18022	18022	18 05	1		6.25	6.50	7.00	19.75	21.50	
46	C	SPHC009476	Nguyễn Thị Như Mai	Nữ	10-09-95	23016	23016	23016	23 06	1	01	8.50	4.25	7.00	19.75	23.50	
47	C	SPHC009478	Phạm Thị Ngọc Mai	Nữ	25-01-95	13002	13002	13002	13 01	1		6.50	9.00	7.00	22.50	24.00	
48	C	SPHC009481	Lê Văn Mạnh	Nam	30-07-94	28046	28046	28046	28 15	2NT		7.25	8.75	7.00	23.00	24.00	
49	C	SPHC009491	Bùi Thị Nga	Nữ	02-05-95	1B206	1B206	1B206	1B 21	2NT		8.75	8.50	8.00	25.25	26.50	
50	C	SPHC009494	Lương Hoàng Nga	Nữ	10-08-95	12033	12033	12033	08 07	1	01	5.75	6.50	8.00	20.25	24.00	
51	C	SPHC009500	Uông Thị Thu Nga	Nữ	11-05-95	25002	25002	25002	25 01	2		9.25	9.00	8.00	26.25	27.00	
52	C	SPHC009510	Nguyễn Đức Ngọc	Nam	12-11-95	18027	18027	18027	18 07	2NT		9.00	6.25	7.50	22.75	24.00	
53	C	SPHC009513	Trần Hải Ngọc	Nữ	02-06-95	26046	26046	26046	26 07	2NT		7.25	7.50	8.50	23.25	24.50	
54	C	SPHC009528	Đỗ Thị Nhung	Nữ	15-08-95	16032	16032	16032	16 03	1		7.00	7.25	7.00	21.25	23.00	
55	C	SPHC009540	Nguyễn Thị Khánh Ninh	Nữ	16-11-94	21031	21031	21031	21 06	2NT		7.00	7.50	6.50	21.00	22.00	
56	C	SPHC009546	Trần Thị Nụ	Nữ	12-03-95	27072	27072	27072	27 07	2NT		7.00	7.50	7.00	21.50	22.50	
57	C	SPHC009554	Lê Thị Phú	Nữ	05-07-95	28086	28086	28086	28 22	2NT		7.50	8.00	7.00	22.50	23.50	
58	C	SPHC009563	Nguyễn Thu Phương	Nữ	21-12-95	1A037	1A037	1A037	24 04	3		7.25	6.00	8.00	21.25	21.50	
59	C	SPHC018761	Vũ Thị Quyên	Nữ	20-06-94	17066	17066	17066	17 11	2NT	06	7.25	8.00	7.00	22.25	24.50	
60	C	SPHC009577	Kiều Thuý Quỳnh	Nữ	30-07-95	15053	15053	15053	15 12	1		7.75	8.75	7.00	23.50	25.00	
61	C	SPHC009579	Nguyễn Thảo Quỳnh	Nữ	16-12-95	1B224	1B224	1B224	1B 25	2NT		9.00	7.00	7.50	23.50	24.50	
62	C	SPHC009587	Trần Thị Quỳnh	Nữ	02-09-95	24062	24062	24062	24 06	2NT		7.50	7.00	7.50	22.00	23.00	
63	C	SPHC009598	Bùi Thị Thanh Tâm	Nữ	01-06-95	23041	23041	23041	23 10	1	01	5.75	5.50	7.00	18.25	22.00	
64	C	SPHC009603	Hoàng Minh Tân	Nữ	08-03-95	18048	18048	18048	18 04	1		9.00	8.50	6.00	23.50	25.00	

Khối: C **Mã ngành: D140217** **Ngành: SƯ PHẠM NGỮ VĂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
65	C	SPHC009604	Lê Đình Tần	Nam	02-04-95	25077	25077	25077	25 10	2NT		8.25	6.75	8.00	23.00	24.00	
66	C	SPHC009605	Nguyễn Thị Minh Thanh	Nữ	30-07-94	16061	16061	16061	16 06	2NT		8.00	7.00	7.50	22.50	23.50	
67	C	SPHC009610	Đinh Thị Bích Thảo	Nữ	17-02-95	1B171	1B171	1B171	15 08	1	01	8.25	9.00	7.00	24.25	28.00	
68	C	SPHC009613	Hà Thị Thảo	Nữ	26-08-95	1B186	1B186	1B186	09 04	1	01	6.75	6.25	8.00	21.00	24.50	
69	C	SPHC009621	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	10-09-95	15053	15054	15054	15 12	1		8.00	9.00	7.50	24.50	26.00	
70	C	SPHC009627	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	16-09-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		6.25	8.75	7.50	22.50	23.50	
71	C	SPHC009636	Kiều Văn Thắng	Nam	05-06-94	1B170	1B170	1B170	1B 16	2		7.00	7.00	7.50	21.50	22.00	
72	C	SPHC009651	Nguyễn Thị Thu	Nữ	20-04-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		7.25	8.50	6.50	22.25	23.50	
73	C	SPHC009655	Trần Minh Thu	Nữ	24-10-95	25004	25004	25004	25 01	2		8.00	7.50	8.00	23.50	24.00	
74	C	SPHC009670	Lê Thị Nguyệt Thuỷ	Nữ	07-10-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		8.25	6.75	7.50	22.50	23.50	
75	C	SPHC009676	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	Nữ	09-02-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		8.00	7.25	7.00	22.25	23.50	
76	C	SPHC009687	Nguyễn Thị Thương Thương	Nữ	18-07-95	15054	15054	15054	15 08	1	01	7.00	7.50	7.00	21.50	25.00	
77	C	SPHC009706	Lê Huyền Trang	Nữ	09-06-95	24011	24011	24011	24 06	2		9.00	9.00	7.50	25.50	26.00	
78	C	SPHC018763	Nguyễn Thuỳ Trang	Nữ	25-09-95	17031	17031	17031	17 04	2		7.50	8.00	7.00	22.50	23.00	
79	C	SPHC009733	Trần Thuỳ Trang	Nữ	02-12-95	1A012	1A012	1A012	1A 03	3		9.00	9.00	6.50	24.50	24.50	
80	C	SPHC009737	Vi Thị Trang	Nữ	03-03-95	18040	18040	18040	18 04	1	01	7.75	8.50	6.00	22.25	26.00	
81	C	SPHC009746	Nguyễn Đức Trọng	Nam	11-08-94	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		8.00	7.50	8.50	24.00	24.50	
82	C	SPHC009750	Phạm Văn Tuân	Nam	22-01-95	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		7.00	7.00	8.00	22.00	22.50	
83	C	SPHC009787	Nguyễn Văn Viên	Nam	19-05-95	1B212	1B212	1B212	1B 23	2NT		7.50	9.00	5.00	21.50	22.50	
84	C	SPHC009794	Bùi Thị Yến	Nữ	28-03-95	16093	16093	16093	16 09	1		7.50	6.00	6.50	20.00	21.50	
85	C	SPHC009795	Cao Thị Kim Yến	Nữ	06-06-94	1B231	1B231	1B231	1B 26	2NT		8.25	7.00	6.00	21.25	22.50	
86	C	SPHC009800	Lâm Thị Yến	Nữ	13-11-95	18015	18015	18015	18 02	1	01	7.25	6.25	6.00	19.50	23.00	
87	C	SPHC009803	Nguyễn Thị Hà Yến	Nữ	08-02-95	26017	26017	26017	26 03	2NT		8.50	7.75	8.00	24.25	25.50	
88	C	SPHC009804	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	20-08-95	18015	18015	18015	18 02	1		8.50	8.00	8.50	25.00	26.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D140217** **Ngành: SƯ PHẠM NGỮ VĂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD113851	Lê Mai Anh	Nữ	25-06-95	25002	25002	25002	25 01	2		5.75	8.00	7.50	21.25	22.00	
2	D1	SPHD113862	Nguyễn Vân Anh	Nữ	11-11-94	1B162	1B162	1B162	1A 11	3		8.00	7.50	7.00	22.50	22.50	
3	D1	SPHD118893	Hà Thị Thanh Duyên	Nữ	12-01-95	03013	03013	03013	03 02	3		6.75	7.50	8.00	22.25	22.50	
4	D1	SPHD113918	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	01-01-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		7.50	7.00	8.00	22.50	22.50	
5	D1	SPHD113994	Nguyễn Thị Hường	Nữ	07-10-95	25075	25075	25075	25 10	2NT		7.00	7.00	6.50	20.50	21.50	
6	D1	SPHD114004	Đỗ Thị Bích Liên	Nữ	16-04-95	1B162	1B162	1B162	1A 11	3		8.00	7.50	6.00	21.50	21.50	
7	D1	SPHD114013	Đỗ Thuỳ Linh	Nữ	10-12-95	1B206	1B206	1B206	1B 21	2NT		7.50	6.75	7.00	21.25	22.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D140217** **Ngành: SƯ PHẠM NGỮ VĂN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
8	D1	SPHD118898	Vũ Diệu Linh	Nữ	04-04-95	03013	03013	03013	03 03	3		6.50	7.00	9.00	22.50	22.50	
9	D1	SPHD114049	Nguyễn Hà My	Nữ	03-05-95	1A003	1A003	1A003	1A 10	3		8.50	9.00	7.50	25.00	25.00	
10	D1	SPHD114084	Trần Thị Tuyết Nhung	Nữ	19-05-95	1A040	1A040	1A040	1A 14	3		7.25	7.00	7.00	21.25	21.50	
11	D1	SPHD114094	Đỗ Thị Loan Phương	Nữ	05-02-94	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		6.25	6.50	8.00	20.75	22.00	
12	D1	SPHD118902	Đặng Thị Thanh Tâm	Nữ	14-09-95	03007	03007	03007	03 01	3		7.50	7.50	6.50	21.50	21.50	
13	D1	SPHD114116	Vương Đức Thành	Nam	16-07-95	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		8.75	5.50	8.50	22.75	23.00	
14	D1	SPHD114121	Ngô Thị Thảo	Nữ	29-09-94	1A070	1A070	1A070	1A 12	2		6.50	7.50	7.50	21.50	22.00	
15	D1	SPHD114122	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Nữ	24-01-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		7.75	6.25	7.00	21.00	21.50	
16	D1	SPHD114128	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	13-07-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		9.50	9.00	7.00	25.50	25.50	
17	D1	SPHD114141	Phạm Thị Thu	Nữ	20-01-95	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		7.25	7.00	8.00	22.25	23.50	
18	D1	SPHD114152	Nguyễn Thu Thuỷ	Nữ	15-11-95	1A029	1A029	1A029	1A 02	3		7.50	8.00	6.00	21.50	21.50	
19	D1	SPHD114167	Dương Huyền Trang	Nữ	28-07-95	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		7.50	5.75	7.50	20.75	21.50	
20	D1	SPHD114204	Nguyễn Thị Hồng Yến	Nữ	20-04-95	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		7.25	7.00	6.50	20.75	22.00	
21	D1	SPHD114207	Trần Thị Yến	Nữ	05-08-95	19016	19016	19016	19 05	2		8.00	6.50	7.50	22.00	22.50	

Danh sách này có 109 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: C **Mã ngành: D140218** **Ngành: SƯ PHẠM LỊCH SỬ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC009815	Phạm Thị Hồng Anh	Nữ	21-05-95	13002	13002	13002	13 01	1		8.00	8.00	7.00	23.00	24.50	
2	C	SPHC019389	Nguyễn Thị Bình	Nữ	09-04-95	29074	29074	29074	29 15	1		7.25	9.00	6.00	22.25	24.00	
3	C	SPHC009826	Nguyễn Thị Ngọc Châm	Nữ	05-08-95	1B179	1B179	1B179	1B 17	1	01	5.25	5.25	6.00	16.50	20.00	
4	C	SPHC009828	Hứa Thị Chiều	Nữ	18-03-95	10043	10043	10043	10 11	1	01	7.50	7.50	7.50	22.50	26.00	
5	C	SPHC009833	Trần Huyền Diệu	Nữ	07-05-95	15035	15035	15035	15 07	1	01	5.75	7.00	4.00	16.75	20.50	
6	C	SPHC009836	Đinh Thị Dung	Nữ	12-07-95	27042	27042	27042	27 04	2NT		7.00	7.00	7.00	21.00	22.00	
7	C	SPHC009838	Lê Thị Dung	Nữ	03-10-95	1B248	1B248	1B248	1B 29	2NT		5.00	8.50	5.50	19.00	20.00	
8	C	SPHC009839	Nguyễn Thị Dung	Nữ	29-09-94	30013	30013	30013	30 08	2NT		6.50	7.25	4.00	17.75	19.00	
9	C	SPHC009840	Vũ Thị Thuỳ Dung	Nữ	17-08-95	26052	26052	26052	26 08	2NT		4.25	6.50	7.50	18.25	19.50	
10	C	SPHC009841	Hoàng Thị Duyên	Nữ	26-03-95	08015	08015	08015	08 07	1	01	8.25	7.00	8.00	23.25	27.00	
11	C	SPHC009842	Hà Quang Dũng	Nam	20-10-94	27032	27032	27032	27 03	1		6.00	5.50	5.50	17.00	18.50	
12	C	SPHC009844	Đào Thành Đạt	Nam	04-12-95	16093	16093	16093	16 09	1		7.75	7.25	6.00	21.00	22.50	
13	C	SPHC009848	Nguyễn Thị Gái	Nữ	04-09-95	15019	15019	15019	15 04	1		7.25	5.50	6.00	18.75	20.50	
14	C	SPHC009852	Nguyễn Thị Thuỳ Hanh	Nữ	26-10-95	18038	18038	18038	18 01	2		7.25	8.75	5.00	21.00	21.50	
15	C	SPHC009859	Tạ Thị Hạnh	Nữ	10-12-94	24032	24032	24032	24 03	1		4.50	7.50	6.50	18.50	20.00	
16	C	SPHC009863	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	17-05-95	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		5.50	6.75	6.00	18.25	19.50	
17	C	SPHC009864	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	04-09-95	1B186	1B186	1B186	12 05	1	01	7.00	6.75	7.00	20.75	24.50	
18	C	SPHC009868	Trần Thị Hằng	Nữ	21-03-95	16091	16091	16091	16 09	1		7.75	7.75	6.00	21.50	23.00	
19	C	SPHC019392	Chu Thị Hiền	Nữ	09-01-95	29057	29057	29057	29 12	2NT		8.50	9.25	6.00	23.75	25.00	
20	C	SPHC009869	Đinh Thị Hiền	Nữ	13-01-95	12033	12033	12033	23 03	1	01	6.50	8.00	6.50	21.00	24.50	
21	C	SPHC009870	Phạm Thị Thuý Hiền	Nữ	24-02-95	26002	26002	26002	26 05	2		7.00	8.25	6.50	21.75	22.50	
22	C	SPHC009871	Vũ Thị Hiền	Nữ	14-12-94	16055	16055	16055	16 05	2NT		6.50	4.50	6.50	17.50	18.50	
23	C	SPHC009877	Trương Thị Hoa	Nữ	10-02-95	25059	25059	25059	25 08	2NT		5.50	7.25	5.00	17.75	19.00	
24	C	SPHC009880	Hà Thị Thu Hoài	Nữ	10-09-95	15002	15002	15002	15 01	2		7.50	8.00	6.00	21.50	22.00	
25	C	SPHC009881	Phí Thị Hồng	Nữ	18-11-95	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		7.75	8.50	7.00	23.25	24.50	
26	C	SPHC009885	Hoàng Thanh Thanh Huế	Nữ	14-06-95	10001	10001	10001	10 01	1	01	6.75	8.00	6.00	20.75	24.50	
27	C	SPHC009888	Ngô Thị Phương Huệ	Nữ	21-08-95	15001	15001	15001	15 10	2		8.25	8.00	7.00	23.25	24.00	
28	C	SPHC009892	Lê Thị Huyền	Nữ	21-10-95	1B170	1B170	1B170	1B 17	2		7.75	7.00	6.50	21.25	22.00	
29	C	SPHC009895	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	18-01-95	27011	27011	27011	27 01	2		6.25	7.00	7.00	20.25	21.00	
30	C	SPHC009904	Triệu Thị Thanh Lam	Nữ	14-07-95	16031	16031	16031	16 03	1		7.25	6.75	7.50	21.50	23.00	

Khối: C **Mã ngành: D140218** **Ngành: SƯ PHẠM LỊCH SỬ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
31	C	SPHC009905	Nông Thị Lan	Nữ	04-04-95	18040	18040	18040	18 02	1	01	7.50	7.00	7.50	22.00	25.50	
32	C	SPHC009906	Phạm Thị Lan	Nữ	10-02-95	27011	27011	27011	27 01	2		8.00	6.50	7.00	21.50	22.00	
33	C	SPHC009907	Trần Thị Lan	Nữ	10-02-95	21025	21025	21025	21 11	2NT		7.50	8.50	7.00	23.00	24.00	
34	C	SPHC009908	Vũ Thị Lan	Nữ	17-08-95	18022	18022	18022	18 05	1	01	7.25	8.00	4.00	19.25	23.00	
35	C	SPHC009914	Lê Thị Liên	Nữ	11-04-94	16024	16024	16024	16 02	2NT		5.75	7.50	7.00	20.25	21.50	
36	C	SPHC009915	Phạm Thị Liên	Nữ	08-05-95	18020	18020	18020	18 05	1		6.75	7.75	8.00	22.50	24.00	
37	C	SPHC009916	Thân Thị Liên	Nữ	31-01-95	18013	18013	18013	18 01	2	06	8.50	8.50	8.50	25.50	27.00	
38	C	SPHC009917	Chu Khánh Linh	Nữ	12-01-95	1B168	1B168	1B168	1B 16	2		7.75	8.50	7.00	23.25	24.00	
39	C	SPHC009919	Hoàng Diệu Linh	Nữ	15-12-95	13005	13005	13005	13 03	1	01	7.75	7.00	6.00	20.75	24.50	
40	C	SPHC009923	Nguyễn Diệu Mai	Nữ	09-12-95	15015	15015	15015	15 03	1		7.75	7.50	5.50	20.75	22.50	
41	C	SPHC009924	Nguyễn Thị Mai	Nữ	13-08-93	1B205	1B205	1B205	1B 21	2NT		7.50	5.25	6.00	18.75	20.00	
42	C	SPHC009925	Nguyễn Thị Mai	Nữ	20-08-95	23015	23015	23015	23 01	1	01	6.50	4.50	6.50	17.50	21.00	
43	C	SPHC009928	Nguyễn Thị Mến	Nữ	20-09-95	05025	05025	05025	05 10	1		7.50	9.00	6.00	22.50	24.00	
44	C	SPHC019394	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	14-03-94	29021	29021	29021	29 05	2NT		7.75	8.00	5.50	21.25	22.50	
45	C	SPHC009942	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	25-08-95	19013	19013	19013	18 09	2		9.25	7.00	7.00	23.25	24.00	
46	C	SPHC009943	Lương Thị Ngoan	Nữ	12-02-95	25075	25075	25075	63 01	2NT		8.00	6.00	7.50	21.50	22.50	
47	C	SPHC009944	Vũ Thị Ngoan	Nữ	10-11-94	24032	24032	24032	24 03	1		6.25	5.50	5.50	17.25	19.00	
48	C	SPHC009947	Hà Thị Bích Ngọc	Nữ	28-11-95	15011	15011	15011	15 13	1	01	6.00	8.75	6.50	21.25	25.00	
49	C	SPHC009948	Hoàng Thị Ngọc	Nữ	26-12-94	10020	10020	10020	10 05	1	01	5.50	3.75	5.00	14.25	18.00	
50	C	SPHC009953	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	16-02-93	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		8.75	8.25	5.50	22.50	23.50	
51	C	SPHC009955	La Thị Như	Nữ	01-08-95	12033	12033	12033	08 06	1	01	7.00	3.25	6.00	16.25	20.00	
52	C	SPHC009959	Lê Thị Phương	Nữ	20-12-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		7.50	6.00	4.50	18.00	19.00	
53	C	SPHC009966	Vũ Thị Phượng	Nữ	14-02-94	24042	24042	24042	24 04	2NT		7.75	7.25	6.50	21.50	22.50	
54	C	SPHC009968	Đinh Như Quỳnh	Nữ	20-03-95	1B179	1B179	1B179	1B 17	1	01	6.25	2.75	6.50	15.50	19.00	
55	C	SPHC009969	Trần Anh Quý	Nam	02-09-95	25002	25002	25002	25 01	2		7.50	9.25	6.00	22.75	23.50	
56	C	SPHC009974	Nguyễn Thị Hồng Sữa	Nữ	05-10-95	12033	12033	12033	08 07	1	01	7.75	9.50	7.00	24.25	28.00	
57	C	SPHC009976	Đặng Thị Huyền Tâm	Nữ	15-10-94	16032	16032	16032	16 03	1		5.50	7.25	5.00	17.75	19.50	
58	C	SPHC009983	Hà Thị Thảo	Nữ	12-05-95	15011	15011	15011	15 07	1	01	7.75	8.75	6.00	22.50	26.00	
59	C	SPHC009985	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	21-01-95	21021	21021	21021	21 03	2NT		7.25	7.25	6.50	21.00	22.00	
60	C	SPHC009992	Hà Thị Hồng Thơm	Nữ	25-12-95	15011	15011	15011	15 13	1	01	7.00	4.75	7.00	18.75	22.50	
61	C	SPHC009997	Chu Thị Thuý	Nữ	22-02-95	16062	16062	16062	16 06	2NT		5.75	5.25	6.00	17.00	18.00	
62	C	SPHC009998	Đinh Thị Thuý	Nữ	15-10-95	15031	15031	15031	15 07	1	01	8.25	7.25	7.00	22.50	26.00	
63	C	SPHC010000	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	12-10-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		6.00	7.75	7.00	20.75	22.00	
64	C	SPHC010005	Vũ Thị Thuỷ	Nữ	22-08-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		7.75	7.50	6.50	21.75	23.00	

Khối: C **Mã ngành: D140218** **Ngành: SƯ PHẠM LỊCH SỬ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
65	C	SPHC010013	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	09-05-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		8.50	3.25	7.00	18.75	20.00	
66	C	SPHC010016	Nguyễn Thị Trang	Nữ	29-05-95	18038	18038	18038	18 09	2		6.75	7.00	7.00	20.75	21.50	
67	C	SPHC010018	Nguyễn Thị Trang	Nữ	28-10-95	1B223	1B223	1B223	1B 26	2NT		7.00	7.25	6.50	20.75	22.00	
68	C	SPHC010022	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	22-06-95	18020	18020	18020	18 05	1		8.00	4.50	7.00	19.50	21.00	
69	C	SPHC010032	Hoàng Thị Tương	Nữ	16-01-95	13005	13005	13005	13 04	1	01	6.50	9.00	6.00	21.50	25.00	
70	C	SPHC010035	Triệu Thị Vân	Nữ	11-10-95	15036	15036	15036	15 13	1	01	7.00	6.50	4.50	18.00	21.50	
71	C	SPHC010040	Vi Thị Vui	Nữ	04-02-95	12033	12033	12033	18 04	1	01	7.25	8.25	8.50	24.00	27.50	
72	C	SPHC010046	Lê Thị Xuân	Nữ	02-02-94	28057	28057	28057	28 17	2NT		6.00	6.25	6.50	18.75	20.00	
73	C	SPHC010048	Phùng Thị Yên	Nữ	12-06-95	16024	16024	16024	16 02	2NT		7.00	7.25	6.50	20.75	22.00	
74	C	SPHC010049	Đỗ Thị Hải Yến	Nữ	25-01-95	27011	27011	27011	27 01	2		6.75	8.00	7.00	21.75	22.50	
75	C	SPHC010051	Nguyễn Thị Yến	Nữ	08-11-95	08011	08011	08011	08 01	1		7.00	5.00	5.00	17.00	18.50	
76	C	SPHC010054	Trần Thị Hải Yến	Nữ	06-08-95	08011	08011	08011	08 01	1		8.25	8.25	7.00	23.50	25.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D140218** **Ngành: SƯ PHẠM LỊCH SỬ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD114216	Đỗ Thị Nga	Nữ	06-10-95	25068	25068	25068	25 09	2NT		7.00	5.75	4.50	17.25	18.50	
2	D1	SPHD114218	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Nữ	20-06-95	21022	21022	21022	21 10	2NT		8.50	4.75	6.50	19.75	21.00	

Danh sách này có 78 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D140219** **Ngành: SƯ PHẠM ĐỊA LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA003192	Nguyễn Thuỳ Anh	Nữ	07-09-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		5.00	5.50	7.00	17.50	18.00	
2	A	SPHA003200	Trần Thị Khánh Chi	Nữ	10-08-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		5.75	5.00	6.50	17.25	18.00	
3	A	SPHA003203	Phạm Thị Hồng Chinh	Nữ	28-09-93	25050	25050	25050	25 07	2NT		6.00	6.75	5.75	18.50	19.50	
4	A	SPHA003205	Phạm Thị Diệp	Nữ	17-11-93	26030	26030	26030	26 04	2NT		5.00	5.75	5.75	16.50	17.50	
5	A	SPHA003210	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	15-08-95	25067	25067	25067	25 09	2NT		7.00	5.50	5.50	18.00	19.00	
6	A	SPHA003211	Trương Thị Hồng Duyên	Nữ	14-08-95	08029	08029	08029	08 09	1	01	5.50	6.00	6.50	18.00	21.50	
7	A	SPHA003214	Nguyễn Thị Kim Điệp	Nữ	18-06-94	1B221	1B221	1B221	1B 21	2NT		4.50	6.50	6.50	17.50	18.50	
8	A	SPHA003215	Lê Thị Hương Giang	Nữ	01-08-95	1B245	1B245	1B245	1B 27	2NT		4.75	6.50	6.75	18.00	19.00	
9	A	SPHA003220	Lưu Ngọc Hà	Nữ	14-12-95	22034	22034	22034	22 05	2NT		6.50	3.50	7.00	17.00	18.00	
10	A	SPHA003223	Nông Thị Hải	Nữ	29-08-95	10032	10032	10032	10 08	1	01	4.00	4.50	5.25	13.75	17.50	
11	A	SPHA003232	Vũ Thị Hằng	Nữ	31-07-95	25075	25075	25075	25 10	2NT		6.25	5.75	6.50	18.50	19.50	
12	A	SPHA003234	Đỗ Thị Hiền	Nữ	01-10-95	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		5.25	5.50	7.00	17.75	19.00	
13	A	SPHA003250	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	20-02-95	18027	18027	18027	18 07	2NT		4.50	6.50	6.75	17.75	19.00	
14	A	SPHA000906	Quách Thị Huyền	Nữ	04-08-95	23034	23034	23034	23 08	1	01	4.50	5.25	6.50	16.25	20.00	
15	A	SPHA003252	Vũ Thị Thu Huyền	Nữ	05-02-95	26039	26039	26039	26 06	2NT		7.75	5.50	6.50	19.75	21.00	
16	A	SPHA018548	Bùi Thị Thu Hường	Nữ	14-03-95	17057	17057	17057	17 10	1		6.00	4.50	6.25	16.75	18.50	
17	A	SPHA003257	Nguyễn Thị Hường	Nữ	20-03-94	18036	18036	18036	18 10	1		6.00	5.00	7.25	18.25	20.00	
18	A	SPHA003275	Vũ Thị Thanh Loan	Nữ	16-08-95	21014	21014	21014	21 01	2		6.75	7.00	5.75	19.50	20.00	
19	A	SPHA003284	Trần Thị Minh Lý	Nữ	13-03-95	27072	27072	27072	27 07	2NT		6.75	6.25	4.75	17.75	19.00	
20	A	SPHA003285	Lê Thị Mai	Nữ	10-10-94	16041	16041	16041	16 04	2NT		4.00	5.75	6.75	16.50	17.50	
21	A	SPHA003292	Trần Thị Minh	Nữ	20-10-95	25062	25062	25062	25 08	2NT		7.25	6.25	7.50	21.00	22.00	
22	A	SPHA003304	Đỗ Thị Hồng Ngọc	Nữ	02-12-95	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		7.50	6.75	6.50	20.75	22.00	
23	A	SPHA003307	Vũ Thị Ngọc	Nữ	24-12-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		6.75	6.50	8.50	21.75	23.00	
24	A	SPHA003309	Trần Thị Nguyệt	Nữ	06-05-95	25075	25075	25075	25 10	2NT		5.75	2.50	8.50	16.75	18.00	
25	A	SPHA003311	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Nữ	19-10-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		6.50	5.00	8.00	19.50	20.50	
26	A	SPHA003315	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	01-05-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		3.75	6.00	6.75	16.50	17.50	
27	A	SPHA003338	Phạm Thị Quỳnh	Nữ	30-03-95	21039	21039	21039	21 12	2NT		6.50	5.00	4.75	16.25	17.50	
28	A	SPHA003351	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	25-11-95	24042	24042	24042	24 04	2NT		5.25	5.00	6.00	16.25	17.50	
29	A	SPHA003358	Bùi Thị Thương	Nữ	31-03-95	25028	25028	25028	25 04	2NT		5.75	5.00	6.50	17.25	18.50	
30	A	SPHA003365	Bùi Thị Trang	Nữ	26-05-95	1B166	1B166	1B166	1B 15	3		5.50	6.50	8.25	20.25	20.50	

Khối: A **Mã ngành: D140219** **Ngành: SƯ PHẠM ĐỊA LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
31	A	SPHA003368	Vũ Thị Trang	Nữ	26-05-95	21018	21018	21018	21 02	1		7.00	5.75	6.75	19.50	21.00	
32	A	SPHA003375	Đào Minh Tú	Nữ	21-11-95	22016	22016	22016	22 02	2NT		4.75	6.00	6.25	17.00	18.00	
33	A	SPHA003377	Quách Thị Uyên	Nữ	13-11-95	18030	18030	18030	18 08	1		7.75	6.00	6.75	20.50	22.00	
34	A	SPHA003385	Đinh Thị Hải Yến	Nữ	30-11-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		4.75	6.25	5.50	16.50	17.50	
35	A	SPHA003389	Nguyễn Thị Kim Yến	Nữ	02-12-95	1B191	1B191	1B191	1B 19	2NT		5.00	6.25	5.50	16.75	18.00	

Khối: C **Mã ngành: D140219** **Ngành: SƯ PHẠM ĐỊA LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC010059	Nguyễn Thị An	Nữ	08-07-95	21033	21033	21033	21 08	2NT		8.25	7.25	3.50	19.00	20.00	
2	C	SPHC010060	Nguyễn Thị Thanh An	Nữ	09-12-94	25062	25062	25062	25 08	2NT		7.25	9.25	6.50	23.00	24.00	
3	C	SPHC010074	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	05-03-95	1A264	1A264	1A264	1A 13	2		9.00	4.00	8.50	21.50	22.00	
4	C	SPHC010075	Nguyễn Thị Trung Anh	Nữ	01-03-95	16031	16031	16031	16 03	1		9.00	5.25	7.50	21.75	23.50	
5	C	SPHC010083	Nguyễn Ngọc ánh	Nữ	14-08-95	18014	18014	18014	18 02	1	01	7.50	7.25	6.00	20.75	24.50	
6	C	SPHC010094	Đỗ Nguyễn Chiến	Nam	12-12-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		8.50	7.25	6.00	21.75	23.00	
7	C	SPHC010096	Hoàng Xuân Chinh	Nam	16-10-95	15028	15028	15028	15 06	2NT		8.25	7.75	7.00	23.00	24.00	
8	C	SPHC010103	Trần Thị Dậu	Nữ	10-02-95	12033	12033	12033	17 05	1	01	8.50	7.00	7.00	22.50	26.00	
9	C	SPHC010117	Diệp Thị Duyên	Nữ	10-08-95	16015	16015	16015	16 06	1	01	8.00	2.00	7.00	17.00	20.50	
10	C	SPHC010124	Nguyễn Thuỳ Dương	Nữ	07-06-94	16032	16032	16032	16 03	1		8.00	8.50	6.00	22.50	24.00	
11	C	SPHC010132	Đặng Thị Giang	Nữ	09-02-95	16021	16021	16021	16 03	2NT		9.00	8.00	6.50	23.50	24.50	
12	C	SPHC010140	Lê Ngân Hà	Nữ	08-04-95	15010	15010	15010	15 04	2		8.50	4.25	6.50	19.25	20.00	
13	C	SPHC010141	Nguyễn Thị Hà	Nữ	20-07-95	21032	21032	21032	21 05	2NT		8.00	4.00	7.50	19.50	20.50	
14	C	SPHC010146	Trần Thị Thu Hà	Nữ	12-08-95	25069	25069	25069	25 09	2NT		7.50	6.50	7.00	21.00	22.00	
15	C	SPHC010150	Hoàng Thị Hải	Nữ	03-11-95	16015	16015	16015	16 08	1	01	8.50	7.25	5.00	20.75	24.50	
16	C	SPHC010155	Hoàng Thị Hảo	Nữ	15-12-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		8.00	7.75	5.50	21.25	22.50	
17	C	SPHC010168	Mã Thị Hằng	Nữ	06-04-95	18022	18022	18022	18 05	1	01	7.00	4.50	6.50	18.00	21.50	
18	C	SPHC010172	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	15-05-95	62013	62013	62013	62 09	1		9.00	4.50	7.00	20.50	22.00	
19	C	SPHC010173	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	23-11-95	19014	19014	19014	19 08	2NT		8.25	7.00	5.50	20.75	22.00	
20	C	SPHC010170	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	05-07-95	15054	15054	15054	15 08	1	01	7.50	8.00	7.00	22.50	26.00	
21	C	SPHC010175	Nguyễn Thị Hiên	Nữ	24-01-95	16021	16021	16021	16 02	2NT		8.75	8.00	7.00	23.75	25.00	
22	C	SPHC010193	Nguyễn Thu Hoà	Nữ	19-09-95	25002	25002	25002	25 01	2		7.75	8.00	6.50	22.25	23.00	
23	C	SPHC010195	Lê Thị Hoài	Nữ	26-01-94	1B179	1B179	1B179	1B 17	1	01	8.00	2.50	7.50	18.00	21.50	
24	C	SPHC019398	Sầm Ngọc Hoàng	Nam	01-09-95	29101	29101	29101	29 04	1	01	6.75	5.25	6.00	18.00	21.50	
25	C	SPHC010209	Quách Thị Hồng	Nữ	10-03-95	28029	28029	28029	28 10	1	01	8.00	8.50	6.50	23.00	26.50	
26	C	SPHC010211	Nguyễn Thị Huế	Nữ	10-07-92	16093	16093	16093	16 09	1		8.00	6.00	7.50	21.50	23.00	

Khối: C **Mã ngành: D140219** **Ngành: SƯ PHẠM ĐỊA LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
27	C	SPHC010216	Đặng Thị Huyền	Nữ	17-08-93	25016	25016	25016	25 02	2NT		7.25	8.00	5.50	20.75	22.00	
28	C	SPHC010225	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	02-10-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		8.50	7.50	6.50	22.50	23.50	
29	C	SPHC010239	Nguyễn Cẩm Hương	Nữ	19-07-95	25003	25003	25003	25 01	2		8.00	8.75	7.50	24.25	25.00	
30	C	SPHC010243	Nguyễn Thị Hương	Nữ	27-07-95	15029	15029	15029	15 06	2NT		7.50	5.50	7.50	20.50	21.50	
31	C	SPHC010248	Vũ Thị Hương	Nữ	20-07-94	15022	15022	15022	15 05	1		8.25	4.75	7.00	20.00	21.50	
32	C	SPHC010268	Nguyễn Thị Hương Lan	Nữ	22-10-95	18014	18014	18014	18 02	1	01	7.50	7.50	7.00	22.00	25.50	
33	C	SPHC010274	Lâm Diệu Lanh	Nữ	30-09-95	23012	23012	23012	23 01	1		8.75	6.50	6.00	21.25	23.00	
34	C	SPHC010280	Đỗ Thị Liên	Nữ	21-04-95	16052	16052	16052	16 05	2NT		6.50	7.25	6.50	20.25	21.50	
35	C	SPHC010290	Nguyễn Thuỳ Linh	Nữ	13-08-95	15027	15027	15027	15 06	1		8.50	8.00	6.00	22.50	24.00	
36	C	SPHC010299	Trịnh Thị Phương Loan	Nữ	20-02-95	15031	15031	15031	15 07	1	01	8.50	9.00	7.50	25.00	28.50	
37	C	SPHC010304	Vi Thị Luyến	Nữ	20-12-95	08011	08011	08011	08 03	1	01	8.25	4.50	5.00	17.75	21.50	
38	C	SPHC010306	Phàn Thị Lượng	Nữ	08-05-95	1B171	1B171	1B171	62 04	1	01	7.25	4.50	6.50	18.25	22.00	
39	C	SPHC010313	Trần Thị Hoa Lý	Nữ	15-12-95	24041	24041	24041	24 04	2NT		7.75	6.00	8.00	21.75	23.00	
40	C	SPHC010316	Nguyễn Thị Mai	Nữ	22-10-94	24042	24042	24042	24 04	2NT		6.75	5.25	7.00	19.00	20.00	
41	C	SPHC010322	Nguyễn Thị Mận	Nữ	31-01-95	24042	24042	24042	24 04	2NT		7.75	7.00	7.00	21.75	23.00	
42	C	SPHC010327	Bạch Thị Năm	Nữ	02-04-95	15037	15037	15037	15 08	1	01	6.75	6.75	7.50	21.00	24.50	
43	C	SPHC010332	Lê Thị Quỳnh Nga	Nữ	09-10-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		7.75	6.25	5.50	19.50	20.50	
44	C	SPHC019401	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	06-11-95	29087	29087	29087	29 17	2NT		8.75	8.00	6.00	22.75	24.00	
45	C	SPHC010349	Chu Thị Kim Nguyên	Nữ	10-10-95	15022	15022	15022	15 05	1		8.00	7.50	5.00	20.50	22.00	
46	C	SPHC010358	Dương Thị Hồng Nhung	Nữ	31-10-95	18024	18024	18024	18 06	1		7.00	6.75	5.50	19.25	21.00	
47	C	SPHC010376	Mai Thị Phương	Nữ	18-08-95	27061	27061	27061	27 06	1		7.50	8.00	5.50	21.00	22.50	
48	C	SPHC010378	Nguyễn Thị Phương	Nữ	08-06-95	15027	15027	15027	15 06	1		8.75	6.50	5.00	20.25	22.00	
49	C	SPHC010393	Tạ Diễm Quỳnh	Nữ	10-09-95	15049	15049	15049	15 11	1		8.00	8.75	6.00	22.75	24.50	
50	C	SPHC010396	Đặng Thị Rất	Nữ	20-10-95	13005	13005	13005	13 03	1	01	8.00	9.00	6.00	23.00	26.50	
51	C	SPHC010401	Bùi Ngọc Sơn	Nam	18-06-95	13032	13032	13032	13 09	1	01	7.25	5.00	5.50	17.75	21.50	
52	C	SPHC010407	Đỗ Thị Thanh	Nữ	07-08-90	1B176	1B176	1B176	1B 17	2NT		8.25	6.00	6.50	20.75	22.00	
53	C	SPHC010416	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	18-11-95	18022	18022	18022	18 05	1		7.25	5.00	6.00	18.25	20.00	
54	C	SPHC010419	Phan Thị Thảo	Nữ	15-09-94	1B168	1B168	1B168	1B 18	2		8.50	5.50	6.00	20.00	20.50	
55	C	SPHC010424	Thạch Thị Thu Thảo	Nữ	19-11-95	06004	06004	06004	06 01	1	01	7.50	6.50	6.50	20.50	24.00	
56	C	SPHC010435	Đàm Thị Thông	Nữ	15-07-95	10020	10020	10020	10 05	1	01	7.25	7.25	6.00	20.50	24.00	
57	C	SPHC010439	Đinh Thị Lệ Thu	Nữ	20-06-95	21013	21013	21013	21 01	2		9.25	9.50	8.50	27.25	28.00	
58	C	SPHC010444	Trương Thị Thu	Nữ	02-10-94	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		7.25	8.00	5.00	20.25	21.50	
59	C	SPHC010448	Hoàng Thị Thuỳ	Nữ	26-03-95	18015	18015	18015	18 02	1		7.75	7.00	6.00	20.75	22.50	
60	C	SPHC010456	Mùi Thị Thuý	Nữ	22-12-91	14036	14036	14036	1B 20	1	01	7.50	8.75	6.00	22.25	26.00	

Khối: C **Mã ngành: D140219** **Ngành: SƯ PHẠM ĐỊA LÍ**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
61	C	SPHC010457	Nguyễn Phương Thuý	Nữ	09-11-95	1B168	1B168	1B168	1B 16	2		7.50	6.25	8.00	21.75	22.50	
62	C	SPHC019407	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	18-10-95	29006	29006	29006	29 01	2		9.00	8.50	5.50	23.00	23.50	
63	C	SPHC010458	Phạm Thị Thuý	Nữ	08-02-95	26002	26002	26002	26 05	2		6.50	6.50	7.00	20.00	20.50	
64	C	SPHC010470	Đinh Thị Thương	Nữ	01-10-95	27042	27042	27042	27 04	2NT		6.75	5.75	7.00	19.50	20.50	
65	C	SPHC010485	Mai Thị Huyền Trang	Nữ	07-02-95	15022	15022	15022	15 05	1		8.75	7.25	7.00	23.00	24.50	
66	C	SPHC010487	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	02-04-95	15023	15023	15023	15 05	1		7.75	7.75	7.00	22.50	24.00	
67	C	SPHC010491	Nguyễn Thị Trang	Nữ	23-03-93	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		6.75	8.75	7.00	22.50	23.50	
68	C	SPHC010490	Nguyễn Thị Trang	Nữ	16-01-95	24035	24035	24035	24 03	1		8.00	6.50	6.50	21.00	22.50	
69	C	SPHC010494	Phạm Thị Trang	Nữ	02-09-95	21018	21018	21018	21 02	1		7.75	5.00	7.50	20.25	22.00	
70	C	SPHC010502	Phạm Thị Thanh Trường	Nữ	21-11-95	15039	15039	15039	15 09	1		6.75	4.75	7.00	18.50	20.00	
71	C	SPHC010507	Dương Thị Kim Tuyến	Nữ	22-12-95	1B179	1B179	1B179	1B 17	1	01	7.25	7.25	7.00	21.50	25.00	
72	C	SPHC010511	Vũ Huy Tú	Nam	22-10-95	26009	26009	26009	26 02	2NT		6.25	6.50	6.50	19.25	20.50	
73	C	SPHC010521	Trần Thị Vẻ	Nữ	20-05-95	25046	25046	25046	25 06	2NT		7.50	7.50	5.50	20.50	21.50	

Danh sách này có 108 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: N **Mã ngành: D140221** **Ngành: SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	KTAN	NK	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	N	SPHN005608	Đào Ngọc Anh	Nữ	08-05-95	25007	25007	25007	25 01	2		6.00	15.5	4.00	25.50	26.00	
2	N	SPHN005609	Lê Thị Lan Anh	Nữ	11-12-94	23044	23044	23044	1B 21	1		6.00	14.5	5.00	25.50	27.00	
3	N	SPHN005610	Mai Thị Lan Anh	Nữ	01-05-95	25078	25078	25078	25 03	2NT		8.00	16.5	5.00	29.50	30.50	
4	N	SPHN005613	Trần Thị Ngọc Anh	Nữ	18-04-95	25005	25005	25005	25 01	2		6.50	13.5	6.00	26.00	26.50	
5	N	SPHN005614	Trương Phương Anh	Nữ	16-10-95	09031	09031	09031	09 07	1		5.75	12.0	6.50	24.25	26.00	
6	N	SPHN005619	Nguyễn Văn Đô	Nam	02-09-95	10001	10001	10001	19 01	1		8.25	18.0	1.00	27.25	29.00	
7	N	SPHN005620	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	Nữ	20-12-94	1A255	1A255	1A255	1A 06	3		9.00	17.5	1.50	28.00	28.00	
8	N	SPHN005621	Nguyễn Thị Thanh Giang	Nữ	19-08-94	25067	25067	25067	25 09	2NT		5.00	12.0	5.00	22.00	23.00	
9	N	SPHN005622	Trần Thị Trà Giang	Nữ	15-12-94	25005	25005	25005	25 04	2		9.00	18.0	2.00	29.00	29.50	
10	N	SPHN005623	Hoàng Thị Hải	Nữ	28-08-95	25078	25078	25078	25 03	2NT		9.50	19.0	5.00	33.50	34.50	
11	N	SPHN005626	Bùi Thị Hoa	Nữ	04-06-95	1A019	1A255	1A255	1A 04	3		7.75	15.0	3.00	25.75	26.00	
12	N	SPHN005629	Hoàng Minh Huệ	Nam	19-03-95	1A078	1A078	1A078	1A 13	2		6.50	15.0	5.50	27.00	27.50	
13	N	SPHN005630	Nguyễn Thị Kim Huệ	Nữ	26-11-94	30002	30002	30002	30 10	1		2.25	12.0	7.50	21.75	23.50	
14	N	SPHN005632	Mai Văn Huy	Nam	30-04-91	25078	25078	25078	25 03	2NT		9.50	15.5	3.50	28.50	29.50	
15	N	SPHN005633	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	06-09-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		3.50	13.5	7.00	24.00	24.50	
16	N	SPHN005641	Đinh Thị Phương Lan	Nữ	21-08-95	1A033	1A033	1A033	24 03	3		9.50	18.0	6.50	34.00	34.00	
17	N	SPHN005642	Nguyễn Thị Lan	Nữ	13-08-93	18023	18023	18023	18 09	2NT		7.25	16.0	2.50	25.75	27.00	
18	N	SPHN005643	Phạm Thị Liên	Nữ	24-08-95	25029	25029	25029	25 04	2NT		8.50	17.0	5.00	30.50	31.50	
19	N	SPHN005644	Đoàn Thị Thuỳ Linh	Nữ	22-09-95	25050	25050	25050	25 07	2NT		3.00	13.5	7.00	23.50	24.50	
20	N	SPHN005645	Kiều Thị Thuý Linh	Nữ	16-10-95	1B168	1B168	1B168	1B 16	2	03	7.75	15.0	3.50	26.25	29.00	
21	N	SPHN005648	Trần Văn Tuấn Long	Nam	03-07-95	1A255	1A255	1A255	1A 13	3		9.50	20.0	3.00	32.50	32.50	
22	N	SPHN005651	Nguyễn Hương Ly	Nữ	28-03-94	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		9.75	19.0	6.00	34.75	35.00	
23	N	SPHN005654	Lê Thành Nam	Nam	16-03-95	23015	23015	23015	23 01	1		8.25	16.0	3.50	27.75	29.50	
24	N	SPHN005656	Vương Hằng Nga	Nữ	04-12-95	05012	05014	05014	05 01	1	01	8.50	17.5	1.00	27.00	30.50	
25	N	SPHN005657	Lê Thị Bảo Ngọc	Nữ	05-09-95	17019	17019	17019	17 02	2		10.00	19.0	7.50	36.50	37.00	
26	N	SPHN005659	Trương Nữ Hạnh Nguyên	Nữ	06-10-95	25005	25005	25005	25 01	2		8.00	17.0	5.50	30.50	31.00	
27	N	SPHN005662	Trương Thị Nương	Nữ	12-04-94	25034	25034	25034	25 05	2NT		7.00	14.0	5.50	26.50	27.50	
28	N	SPHN005663	Trần Kim Oanh	Nữ	06-02-95	25016	25016	25016	25 01	2NT		7.50	12.0	6.00	25.50	26.50	
29	N	SPHN005665	Phạm Thị Hoa Phượng	Nữ	08-04-95	25084	25084	25084	25 10	2NT		9.50	18.0	5.50	33.00	34.00	
30	N	SPHN005666	Tống Văn Quân	Nam	23-07-94	27063	27063	27063	27 06	2NT		6.50	19.0	4.00	29.50	30.50	

Khối: N **Mã ngành: D140221** **Ngành: SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	KTAN	NK	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
31	N	SPHN005667	Nguyễn Văn Quynh	Nam	30-10-95	25075	25075	25075	25 03	2NT		10.00	20.0	4.50	34.50	35.50	
32	N	SPHN005671	Trần Văn Sỹ	Nam	22-06-95	25078	25078	25078	25 03	2NT		8.75	19.0	1.00	28.75	30.00	
33	N	SPHN005672	Hoàng Văn Thái	Nam	17-06-95	27083	27083	27083	27 08	2NT		7.00	16.0	3.00	26.00	27.00	
34	N	SPHN005673	Phan Thị Hồng Thái	Nữ	28-12-95	27012	27012	27012	27 01	2	06	8.00	18.0	5.50	31.50	33.00	
35	N	SPHN005677	Hạ A Thống	Nam	03-03-94	62031	62031	62031	62 08	1	01	3.75	9.5	5.50	18.75	22.50	
36	N	SPHN005683	Giáp Linh Trang	Nữ	23-07-93	10017	10017	10017	10 04	1		4.75	10.5	5.00	20.25	22.00	
37	N	SPHN005684	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	27-09-95	13022	13022	13022	13 07	1		5.00	15.0	4.50	24.50	26.00	
38	N	SPHN005685	Phạm Huyền Trang	Nữ	22-07-95	1A150	1A150	1A150	1A 10	2		8.00	17.5	2.00	27.50	28.00	
39	N	SPHN005687	Lê Anh Tuấn	Nam	14-11-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		7.00	14.0	4.50	25.50	26.50	

Danh sách này có 39 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: H **Mã ngành: D140222** **Ngành: SƯ PHẠM MĨ THUẬT**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	TT	H_Hoạ	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	H	SPHH005789	Đỗ Tuấn Anh	Nam	21-02-92	25003	25003	25003	25 01	2		6.50	12.0	3.50	22.00	22.50	
2	H	SPHH005791	Ngô Đức Anh	Nam	27-11-95	12020	12020	12020	12 02	2		7.00	12.0	7.00	26.00	26.50	
3	H	SPHH005792	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	26-02-95	1B203	1B203	1B203	1B 21	2NT		8.00	13.0	4.50	25.50	26.50	
4	H	SPHH005793	Trần Thị Lan Anh	Nữ	14-03-95	1A070	1A070	1A070	1A 12	2		8.00	15.0	8.50	31.50	32.00	
5	H	SPHH005794	Hoàng Tố Chinh	Nữ	29-01-95	1A051	1A051	1A051	1A 11	3		6.00	14.0	5.00	25.00	25.00	
6	H	SPHH005795	Nguyễn Thị Chung	Nữ	18-07-95	1B177	1B177	1B177	1B 17	2NT		6.50	13.0	4.50	24.00	25.00	
7	H	SPHH005797	Triệu Thị Duyên	Nữ	20-08-95	06045	06045	06045	06 13	1	01	7.00	12.0	2.50	21.50	25.00	
8	H	SPHH005799	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	Nữ	15-11-95	25036	25041	25041	25 05	2NT		6.50	14.0	6.00	26.50	27.50	
9	H	SPHH005802	Trần Thị Hạnh	Nữ	09-09-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		6.50	15.0	5.50	27.00	28.00	
10	H	SPHH005803	Trần Thị Bích Hằng	Nữ	23-07-95	03044	03044	03044	03 15	3		6.50	14.0	6.00	26.50	26.50	
11	H	SPHH005804	Nông Văn Hậu	Nam	20-02-94	10043	10043	10043	10 11	1	01	6.50	13.0	4.00	23.50	27.00	
12	H	SPHH005805	Phạm Thị Hậu	Nữ	11-12-95	22078	22078	22078	22 01	2		7.00	15.0	6.50	28.50	29.00	
13	H	SPHH005809	Đinh Thị Hương	Nữ	25-08-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		6.50	12.0	5.00	23.50	24.50	
14	H	SPHH005810	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	15-11-95	17085	17085	17085	17 14	1		8.00	14.0	5.50	27.50	29.00	
15	H	SPHH005811	Nguyễn Thị Hường	Nữ	23-04-94	18054	18054	18054	18 06	2NT		7.00	14.0	5.50	26.50	27.50	
16	H	SPHH005812	Vi Văn ính	Nam	07-01-95	28024	28024	28024	28 08	1	01	5.00	11.0	4.00	20.00	23.50	
17	H	SPHH005813	Lê Quốc Khánh	Nam	27-10-95	25053	25053	25053	25 07	2NT		8.00	15.0	5.00	28.00	29.00	
18	H	SPHH005815	Nguyễn Trung Kiên	Nam	02-04-95	29017	29017	29017	29 04	1		5.00	14.0	4.50	23.50	25.00	
19	H	SPHH005816	Triệu Thị Kiều	Nữ	15-02-95	10032	10032	10032	10 08	1	01	6.00	12.0	5.50	23.50	27.00	
20	H	SPHH005817	Phàn Thị Linh	Nữ	30-01-95	08018	08018	08018	08 03	1	01	6.50	11.0	6.00	23.50	27.00	
21	H	SPHH005818	Vũ Thị Thuỳ Linh	Nữ	03-03-95	08018	08018	08018	08 03	1	01	6.50	14.0	6.00	26.50	30.00	
22	H	SPHH005819	Nguyễn Thị Lựu	Nữ	15-04-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		5.00	11.0	7.00	23.00	24.00	
23	H	SPHH005820	Đoàn Thị Lý	Nữ	23-01-95	25052	25052	25052	25 07	2NT		6.50	14.0	6.00	26.50	27.50	
24	H	SPHH005821	Hoàng Thị Mến	Nữ	15-04-94	10028	10028	10028	10 04	1	01	5.00	11.0	4.00	20.00	23.50	
25	H	SPHH005822	Trần Thị Nga	Nữ	09-01-95	27072	27072	27072	27 07	2NT		6.50	13.0	5.00	24.50	25.50	
26	H	SPHH005825	Đinh Thị Phương	Nữ	06-03-95	09018	09018	09018	09 04	1		8.00	14.0	6.00	28.00	29.50	
27	H	SPHH005827	Trần Thị Phương	Nữ	16-09-95	03044	03044	03044	03 08	3		6.00	15.0	6.00	27.00	27.00	
28	H	SPHH005828	Nguyễn Thị Hồng Quyên	Nữ	31-07-95	18063	18063	18063	18 09	2NT		7.00	14.0	4.00	25.00	26.00	
29	H	SPHH005829	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	30-08-95	25070	25070	25070	25 09	2NT		8.00	15.0	6.00	29.00	30.00	
30	H	SPHH005830	Vừ Văn Thành	Nam	15-06-94	05032	05032	05032	05 02	1	01	7.00	13.0	3.00	23.00	26.50	

Khối: H **Mã ngành: D140222** **Ngành: SƯ PHẠM MĨ THUẬT**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	TT	H_Hoạ	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
31	H	SPHH005831	Bùi Thị Như Thảo	Nữ	19-07-93	23035	23035	23035	23 08	1	01	8.00	16.0	6.50	30.50	34.00	
32	H	SPHH005833	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	16-06-95	24042	24042	24042	24 04	2NT		8.00	14.0	7.50	29.50	30.50	
33	H	SPHH005834	Phạm Thị Thanh Thảo	Nữ	05-11-95	1B229	1B229	1B229	1B 26	2NT		8.00	12.0	5.50	25.50	26.50	
34	H	SPHH005835	Hoàng Thị Thu	Nữ	17-03-94	18016	18016	18016	18 03	1		8.00	14.0	5.00	27.00	28.50	
35	H	SPHH005839	Đặng Văn Trường	Nam	18-08-95	14012	14012	14012	14 10	1		6.50	15.0	4.00	25.50	27.00	
36	H	SPHH005840	Nguyễn Thế Tuấn	Nam	20-08-95	19020	19020	19020	19 03	2NT		6.50	13.0	3.50	23.00	24.00	
37	H	SPHH005841	Nguyễn Thị Uyên	Nữ	01-08-93	21037	21037	21037	21 07	2NT		7.00	12.0	7.00	26.00	27.00	
38	H	SPHH005842	Nguyễn Thị Ước	Nữ	15-01-95	18049	18049	18049	18 04	1	01	5.00	12.0	6.00	23.00	26.50	
39	H	SPHH005845	Hoàng Văn Xuân	Nam	19-12-94	17053	17053	17053	17 09	1	01	5.00	12.0	4.00	21.00	24.50	

Danh sách này có 39 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: D1 **Mã ngành: D140231** **Ngành: SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD114235	Nguyễn Minh Anh	Nữ	09-12-95	1A016	1A016	1A016	1A 04	3		8.00	17.0	6.00	31.00	31.00	
2	D1	SPHD114245	Nguyễn Vân Anh	Nữ	08-11-95	1B162	1B162	1B162	1B 24	3		7.25	15.0	6.50	28.75	29.00	
3	D1	SPHD114247	Tống Ngọc Anh	Nữ	19-08-95	1A002	1A002	1A002	1A 05	3		6.50	15.5	5.00	27.00	27.00	
4	D1	SPHD114254	Bế Thị ánh	Nữ	16-12-95	12033	12033	12033	10 02	1	01	7.25	14.5	6.00	27.75	31.50	
5	D1	SPHD114260	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	21-04-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		6.75	12.0	7.00	25.75	27.00	
6	D1	SPHD114261	Nguyễn Thị Việt Chinh	Nữ	15-08-94	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		6.75	14.0	6.00	26.75	28.00	
7	D1	SPHD114269	Nguyễn Thanh Dung	Nữ	28-09-95	1A008	1A008	1A008	1A 02	3		6.75	16.0	4.00	26.75	27.00	
8	D1	SPHD114270	Nguyễn Thị Dung	Nữ	18-01-95	26055	26055	26055	26 08	2NT		9.75	14.5	6.00	30.25	31.50	
9	D1	SPHD114279	Trần Thị Đông	Nữ	26-09-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		4.75	14.0	6.00	24.75	26.00	
10	D1	SPHD114284	Trần Hương Giang	Nữ	11-02-95	1A003	1A003	1A003	1A 06	3		6.50	17.0	6.50	30.00	30.00	
11	D1	SPHD114288	Đỗ Thị Thu Hà	Nữ	12-08-94	16041	16041	16041	16 04	2NT		6.00	11.5	7.50	25.00	26.00	
12	D1	SPHD114289	Nguyễn Thị Hà	Nữ	01-04-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		6.25	13.5	6.50	26.25	27.50	
13	D1	SPHD118909	Nguyễn Thị Hải Hà	Nữ	24-09-94	03072	03072	03072	03 12	2		7.25	13.0	6.50	26.75	27.50	
14	D1	SPHD114303	Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	26-09-95	1A013	1A013	1A013	1A 03	3		7.00	15.0	7.00	29.00	29.00	
15	D1	SPHD114304	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	11-07-94	1A055	1A055	1A055	1A 09	3		6.25	13.5	7.50	27.25	27.50	
16	D1	SPHD114309	Lê Thị Hiền	Nữ	16-06-95	28106	28106	28106	28 26	2NT	06	8.25	14.5	6.50	29.25	31.50	
17	D1	SPHD114318	Phạm Thanh Hoa	Nữ	16-03-95	08010	08010	08010	08 04	1		7.75	15.0	7.00	29.75	31.50	
18	D1	SPHD114319	Trần Thị Hoa	Nữ	12-09-95	19026	19026	19026	19 02	2NT		6.75	15.0	4.50	26.25	27.50	
19	D1	SPHD114325	Bùi Thị Hồng	Nữ	20-02-95	27032	27032	27032	27 03	1		4.50	13.5	6.50	24.50	26.00	
20	D1	SPHD114330	Trịnh Thị Hồng Huệ	Nữ	20-02-95	25038	25038	25038	25 05	2NT		8.25	10.0	7.00	25.25	26.50	
21	D1	SPHD114335	Mai Thị Ngọc Huyền	Nữ	24-07-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		7.25	12.0	6.50	25.75	27.00	
22	D1	SPHD114342	Bùi Hoài Hương	Nữ	04-02-95	1B163	1B163	1B163	1B 15	3		5.50	17.0	6.50	29.00	29.00	
23	D1	SPHD114352	Tạ Thị Thanh Hương	Nữ	08-07-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		8.25	15.0	7.00	30.25	31.50	
24	D1	SPHD114362	Hoàng Thị Liên	Nữ	12-10-95	28056	28056	28056	28 17	2NT		6.50	12.0	7.00	25.50	26.50	
25	D1	SPHD114366	Bùi Thị Ngọc Linh	Nữ	15-11-94	17014	17014	17014	17 02	2		7.75	15.0	7.00	29.75	30.50	
26	D1	SPHD114374	Lê Thị Thuỳ Linh	Nữ	19-10-95	1A000	1A000	1A000	1A 05	3		6.25	17.0	5.50	28.75	29.00	
27	D1	SPHD114376	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	28-09-95	1A008	1A008	1A008	1A 03	3		7.50	14.0	6.50	28.00	28.00	
28	D1	SPHD114378	Nguyễn Thị Tài Linh	Nữ	10-07-94	24012	24012	24012	24 03	2		5.00	13.0	7.50	25.50	26.00	
29	D1	SPHD114388	Nguyễn Thị Luyến	Nữ	05-05-94	25075	25075	25075	25 10	2NT		4.75	14.0	7.00	25.75	27.00	
30	D1	SPHD114390	Ngô Hương Ly	Nữ	30-10-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		7.25	16.0	7.00	30.25	31.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D140231** **Ngành: SƯ PHẠM TIẾNG ANH**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
31	D1	SPHD114400	Trần Thị Mến	Nữ	27-10-94	16043	16043	16043	16 04	2NT		7.50	13.0	7.00	27.50	28.50	
32	D1	SPHD114409	Doãn Thị Nga	Nữ	21-05-89	25027	25027	25027	25 04	2NT		7.25	15.0	5.50	27.75	29.00	
33	D1	SPHD114412	Lê Thuý Nga	Nữ	25-04-95	15001	15001	15001	15 02	2		8.25	13.0	6.00	27.25	28.00	
34	D1	SPHD114425	Đỗ Thị Nguyện	Nữ	17-07-94	26042	26042	26042	26 06	2NT		7.75	14.0	6.50	28.25	29.50	
35	D1	SPHD114427	Nguyễn Thị Nhài	Nữ	31-05-95	25028	25028	25028	25 04	2NT		8.50	11.5	6.50	26.50	27.50	
36	D1	SPHD114429	Trần Minh Anh Nhân	Nữ	08-08-95	1A144	1A144	1A144	1A 01	3		7.75	18.0	7.50	33.25	33.50	
37	D1	SPHD114432	Đỗ Hồng Nhung	Nữ	18-02-95	16031	16034	16034	16 03	2NT		7.00	15.5	6.00	28.50	29.50	
38	D1	SPHD114455	Bùi Thị Tâm	Nữ	27-07-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		7.50	16.0	6.50	30.00	31.00	
39	D1	SPHD114458	Lại Xuân Thanh	Nữ	10-10-94	24012	24012	24012	24 01	2		7.25	14.0	6.50	27.75	28.50	
40	D1	SPHD114464	Nguyễn Hữu Thái	Nam	09-05-95	1A017	1A017	1A017	1A 04	3		6.50	18.0	4.50	29.00	29.00	
41	D1	SPHD114469	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	22-10-94	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		9.00	14.0	5.00	28.00	28.50	
42	D1	SPHD114468	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	04-05-95	24012	24012	24012	24 01	2		7.50	14.0	6.00	27.50	28.00	
43	D1	SPHD114472	Trần Phương Thảo	Nữ	27-09-95	18032	18032	18032	18 09	2NT		6.50	15.0	8.00	29.50	30.50	
44	D1	SPHD114480	Bùi Thị Thu	Nữ	06-11-94	21034	21034	21034	21 08	2NT		6.00	16.0	5.00	27.00	28.00	
45	D1	SPHD114488	Trần Thị Thuý	Nữ	04-10-95	25004	25004	25004	25 01	2		7.00	14.5	4.50	26.00	26.50	
46	D1	SPHD114489	Đoàn Minh Thuỷ	Nữ	07-02-94	1A040	1A040	1A040	1A 07	3		6.50	15.0	6.50	28.00	28.00	
47	D1	SPHD114490	Đỗ Thanh Thuỷ	Nữ	24-12-94	1A029	1A029	1A029	1A 04	3		6.50	15.0	5.50	27.00	27.00	
48	D1	SPHD114509	Nguyễn Lê Thu Trang	Nữ	23-05-95	1A040	1A040	1A040	1A 07	3		9.00	17.0	6.50	32.50	32.50	
49	D1	SPHD118915	Trần Thị Quỳnh Trang	Nữ	07-08-95	03007	03007	03007	03 02	3		6.25	14.0	5.50	25.75	26.00	
50	D1	SPHD114513	Trần Thu Trang	Nữ	04-11-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		6.00	17.0	4.00	27.00	27.00	
51	D1	SPHD114515	Phạm Thu Trà	Nữ	14-09-95	1A033	1A033	1A033	1A 01	3		7.75	17.0	6.50	31.25	31.50	
52	D1	SPHD114519	Trần Thị Tuyền	Nữ	26-06-95	1B211	1B211	1B211	1B 22	2NT		5.00	15.0	5.50	25.50	26.50	
53	D1	SPHD114538	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	26-09-95	18029	18029	18029	18 08	1		7.50	16.5	5.50	29.50	31.00	
54	D1	SPHD114539	Phạm Hải Yến	Nữ	21-11-94	24012	24012	24012	24 01	2		7.00	15.5	5.50	28.00	28.50	

Danh sách này có 54 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: D1 **Mã ngành: D140233** **Ngành: SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD114556	Đoàn Hiền Giang	Nữ	08-12-95	1A055	1A055	1A055	1A 09	3		5.50	12.0	6.50	24.00	24.00	
2	D1	SPHD118918	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	09-01-95	03013	03013	03013	03 03	3		6.25	10.5	7.50	24.25	24.50	
3	D1	SPHD114571	Lê Thị Thu Hường	Nữ	18-10-95	16041	16041	16041	16 04	2NT		3.00	13.0	6.50	22.50	23.50	
4	D1	SPHD114572	Nguyễn Mai Khanh	Nữ	26-03-95	1A001	1A001	1A001	1A 01	3		6.75	16.5	6.50	29.75	30.00	
5	D1	SPHD114573	Nguyễn Thị Hà Khanh	Nữ	26-08-95	1A033	1A033	1A033	1A 05	3		6.25	15.0	7.50	28.75	29.00	
6	D1	SPHD114576	Lê Thuỳ Linh	Nữ	10-05-95	1A020	1A020	1A020	1A 03	3		5.75	12.5	7.50	25.75	26.00	
7	D1	SPHD114581	Nguyễn Thị Hà Linh	Nữ	12-08-94	1B168	1B168	1B168	1B 16	2		4.75	13.5	7.00	25.25	26.00	
8	D1	SPHD114586	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	02-03-95	26046	26046	26046	26 07	2NT		5.00	12.0	6.00	23.00	24.00	
9	D1	SPHD114590	Nguyễn Hiền Ly	Nữ	23-09-95	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		7.00	11.0	5.50	23.50	23.50	
10	D1	SPHD114592	Ngô Phương Mai	Nữ	08-09-95	1A001	1A001	1A001	1A 01	3		7.00	11.0	6.00	24.00	24.00	
11	D1	SPHD114607	Nguyễn Thanh Tâm	Nữ	28-08-95	1A147	1A147	1A147	1A 07	3		5.25	12.5	5.00	22.75	23.00	
12	D1	SPHD114608	Lê Ngọc Thanh	Nam	01-05-87	1A036	1A036	1A036	1A 01	3		9.00	12.0	3.50	24.50	24.50	
13	D1	SPHD114615	Vũ Thị Thảo	Nữ	05-12-94	25059	25059	25059	25 08	2NT		7.00	9.5	6.50	23.00	24.00	
14	D1	SPHD114618	Lê Thanh Thư	Nữ	17-09-95	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		7.25	14.0	7.50	28.75	29.00	
15	D1	SPHD114619	Lê Minh Trang	Nữ	15-03-94	1A009	1A009	1A009	1A 08	3		4.50	12.0	7.50	24.00	24.00	
16	D1	SPHD114621	Nguyễn Minh Trang	Nữ	10-08-95	1A016	1A016	1A016	1A 08	3		7.00	12.0	6.50	25.50	25.50	
17	D1	SPHD114625	Phạm Thu Trang	Nữ	07-09-95	1A020	1A020	1A020	1A 01	3		6.25	15.5	6.50	28.25	28.50	
18	D1	SPHD114632	Nguyễn Thảo Vân	Nữ	01-12-94	1A000	1A000	1A000	1A 01	3		6.00	12.0	7.00	25.00	25.00	
19	D1	SPHD114638	Đỗ Thị Hải Yến	Nữ	20-09-95	1A151	1A151	1A151	1A 14	2		7.25	17.0	7.50	31.75	32.50	
20	D1	SPHD118920	Nguyễn Thị Yến	Nữ	20-07-95	03070	03070	03070	03 12	2		7.75	11.0	5.50	24.25	25.00	

Khối: D3 **Mã ngành: D140233** **Ngành: SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D3	SPHD318984	Đặng Thị Ngọc Anh	Nữ	18-06-95	03013	03013	03013	03 02	3		4.25	12.0	6.50	22.75	23.00	
2	D3	SPHD318988	Bùi Lê Thái Bảo	Nam	22-09-95	03013	03013	03013	03 03	3		6.50	16.0	2.50	25.00	25.00	
3	D3	SPHD315333	Nguyễn Linh Chi	Nữ	22-10-95	1A029	1A029	1A029	1A 06	3		1.50	17.0	6.50	25.00	25.00	
4	D3	SPHD315336	Nguyễn Ngọc Diệp	Nữ	14-10-95	1A003	1A003	1A003	1A 01	3		5.25	18.0	6.50	29.75	30.00	
5	D3	SPHD318989	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	01-02-95	17004	17004	17004	17 01	2		1.00	17.0	7.00	25.00	25.50	
6	D3	SPHD315337	Trần Thuỳ Dung	Nữ	05-04-95	1A003	1A003	1A003	1A 05	3		1.25	18.0	4.50	23.75	24.00	
7	D3	SPHD315339	Nguyễn Hương Giang	Nữ	06-05-95	1A003	1A003	1A003	1A 01	3		4.00	18.0	5.50	27.50	27.50	
8	D3	SPHD318991	Nguyễn Ngọc Hạnh	Nữ	07-01-95	03013	03013	03013	03 03	3		7.25	17.0	6.00	30.25	30.50	

Khối: D3 **Mã ngành: D140233** **Ngành: SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
9	D3	SPHD318992	Trần Vũ Mỹ Hằng	Nữ	18-11-95	03013	03013	03013	03 01	3		6.00	13.5	5.50	25.00	25.00	
10	D3	SPHD315342	Vũ Thị Hằng	Nữ	02-05-93	1B205	1B205	1B205	1B 21	2NT		3.25	13.0	7.00	23.25	24.50	
11	D3	SPHD315345	Bùi Thị Hoa	Nữ	03-12-95	21020	21020	21020	21 01	2NT		7.50	13.5	6.00	27.00	28.00	
12	D3	SPHD315350	Lê Nguyên Khánh	Nam	28-03-95	1A003	1A003	1A003	1A 04	3		6.00	16.0	2.00	24.00	24.00	
13	D3	SPHD315353	Nguyễn Nhật Linh	Nữ	03-12-95	1A144	1A144	1A144	1B 15	3		5.50	17.0	4.00	26.50	26.50	
14	D3	SPHD315355	Nguyễn Thuỳ Linh	Nữ	10-11-95	1A003	1A003	1A003	1A 01	3		6.25	18.0	6.50	30.75	31.00	
15	D3	SPHD318996	Nguyễn Xuân Diệu Linh	Nữ	09-01-95	03013	03013	03013	03 01	3		5.50	17.0	7.00	29.50	29.50	
16	D3	SPHD318997	Trần Thị Mỹ Linh	Nữ	11-05-95	03013	03013	03013	03 01	3		8.25	19.0	7.00	34.25	34.50	
17	D3	SPHD315356	Trần Thuỳ Linh	Nữ	20-09-95	15001	15001	15001	15 01	2		3.50	15.5	6.00	25.00	25.50	
18	D3	SPHD315357	Vũ Ngọc Mỹ Linh	Nữ	20-12-95	1A029	1A029	1A029	1A 02	3		6.00	19.0	6.50	31.50	31.50	
19	D3	SPHD318999	Luyện Kim Ly	Nữ	01-01-96	03013	03013	03013	03 03	3		7.50	19.0	4.00	30.50	30.50	
20	D3	SPHD315360	Phan Hữu Mạnh	Nam	16-10-92	03008	03008	03008	03 10	3		6.00	13.0	5.50	24.50	24.50	
21	D3	SPHD319000	Hoàng Trọng Minh	Nam	04-09-95	03013	03013	03013	03 02	3		8.00	14.0	4.00	26.00	26.00	
22	D3	SPHD315361	Vũ Huyền My	Nữ	11-10-95	1A029	1A029	1A029	1A 05	3		2.25	15.0	6.50	23.75	24.00	
23	D3	SPHD315364	Hoàng Mỹ Nhung	Nữ	23-12-94	1A012	1A012	1A012	1A 02	3		6.00	13.0	7.00	26.00	26.00	
24	D3	SPHD315367	Nguyễn Thanh Thanh	Nữ	07-09-95	1A003	1A003	1A003	1A 10	3		5.00	16.0	5.00	26.00	26.00	
25	D3	SPHD315369	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	22-10-95	1A029	1A029	1A029	1A 04	3		2.00	18.0	6.50	26.50	26.50	
26	D3	SPHD315370	Nguyễn Hoài Thu	Nữ	26-08-95	1A003	1A003	1A003	1A 04	3		7.00	19.0	4.00	30.00	30.00	
27	D3	SPHD319008	Trịnh Thị Thanh Thuý	Nữ	04-10-95	03013	03013	03013	03 01	3		5.25	15.5	7.00	27.75	28.00	
28	D3	SPHD315375	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	16-05-94	17004	17004	17004	17 01	2		1.00	15.5	8.00	24.50	25.00	
29	D3	SPHD319009	Trần Thị Hoài Trang	Nữ	07-07-95	03013	03013	03013	03 02	3		7.00	14.0	6.00	27.00	27.00	
30	D3	SPHD319010	Trần Thị Tuyết Trang	Nữ	21-10-95	03013	03013	03013	03 02	3		7.00	17.0	6.00	30.00	30.00	
31	D3	SPHD315377	Lê Anh Tú	Nam	22-10-95	1A029	1A029	1A029	1A 02	3		7.00	15.5	3.00	25.50	25.50	
32	D3	SPHD315378	Vũ Minh Nhật Vi	Nữ	12-09-95	1A029	1A029	1A029	1A 02	3		6.50	19.0	6.50	32.00	32.00	
33	D3	SPHD315379	Vũ Đức Vượng	Nam	25-11-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		4.00	17.0	6.50	27.50	27.50	

Danh sách này có 53 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: C **Mã ngành: D220113** **Ngành: VIỆT NAM HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC010533	Nguyễn Thuý An	Nữ	12-10-95	26002	26002	26002	10 10	2		7.00	4.00	7.00	18.00	18.50	
2	C	SPHC010543	Nghiêm Kim Anh	Nữ	18-03-95	19026	19026	19026	19 02	2NT		5.25	2.50	7.50	15.25	16.50	
3	C	SPHC019412	Phạm Thị Trâm Anh	Nữ	10-07-95	30016	30016	30016	30 06	2NT		6.75	4.75	5.50	17.00	18.00	
4	C	SPHC010548	Hoàng Thị Biên	Nữ	05-09-95	10037	10037	10037	10 09	1	01	4.25	2.75	6.00	13.00	16.50	
5	C	SPHC010550	Trần Thị Yến Chi	Nữ	14-06-95	27032	27032	27032	27 03	1		7.50	6.75	6.00	20.25	22.00	
6	C	SPHC010551	Vương Thị Chi	Nữ	14-07-95	19023	19023	19023	19 06	2NT		6.75	2.50	7.00	16.25	17.50	
7	C	SPHC010555	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	25-01-94	28090	28090	28090	28 23	2NT		6.75	2.75	5.50	15.00	16.00	
8	C	SPHC010557	Phí Thế Duyệt	Nam	01-04-93	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		6.00	6.00	5.50	17.50	18.50	
9	C	SPHC010562	Nguyễn Lệ Giang	Nữ	07-06-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		7.00	3.50	5.00	15.50	16.50	
10	C	SPHC010564	Đào Thị Thu Hà	Nữ	01-06-95	16052	16052	16052	16 05	2NT		6.25	4.50	5.00	15.75	17.00	
11	C	SPHC018795	Đặng Thị Thu Hà	Nữ	30-10-95	17010	17010	17010	17 01	2		6.50	4.50	6.00	17.00	17.50	
12	C	SPHC010569	Leo Thị Hải	Nữ	03-01-94	18016	18016	18016	18 03	1	01	5.75	3.00	6.50	15.25	19.00	
13	C	SPHC010572	Hoàng Thị Vân Hạnh	Nữ	20-04-95	16061	16063	16063	16 06	2NT		7.50	8.50	5.00	21.00	22.00	
14	C	SPHC010576	Trần Thị Hạnh	Nữ	26-08-95	18074	18074	18074	18 07	1		5.00	2.25	7.50	14.75	16.50	
15	C	SPHC010578	Triệu Thị Hằng	Nữ	12-07-95	18037	18037	18037	18 10	1		5.00	4.75	7.00	16.75	18.50	
16	C	SPHC010583	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	26-07-95	18037	18037	18037	18 10	1		5.00	2.75	6.50	14.25	16.00	
17	C	SPHC010584	Phan Thị Thu Hiền	Nữ	05-04-94	30026	30026	30026	30 03	1		5.25	7.00	6.00	18.25	20.00	
18	C	SPHC010589	Đào Thị Hoa	Nữ	10-05-95	19023	19023	19023	19 06	2NT		7.25	7.00	7.00	21.25	22.50	
19	C	SPHC010590	Đỗ Thị Thanh Hoa	Nữ	20-08-95	25037	25037	25037	25 05	2NT		6.50	3.00	6.00	15.50	16.50	
20	C	SPHC018797	Phạm Thị Kim Hoàn	Nữ	10-01-95	17058	17058	17058	17 10	1		6.25	2.00	8.00	16.25	18.00	
21	C	SPHC010601	Đặng Thị Huệ	Nữ	02-10-95	19010	19010	19010	19 07	2NT		7.25	5.50	6.00	18.75	20.00	
22	C	SPHC010604	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	07-06-95	16014	16014	16014	16 01	2		7.00	3.25	6.50	16.75	17.50	
23	C	SPHC010609	Hà Thị Huyền	Nữ	26-09-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		7.75	2.50	5.50	15.75	17.00	
24	C	SPHC010617	Lý Văn Hùng	Nam	14-11-94	08031	08031	08031	08 08	1	01	5.50	2.00	8.00	15.50	19.00	
25	C	SPHC010618	Lê Thị Thu Hương	Nữ	30-12-94	1A148	1A148	1A148	1A 09	3		7.00	6.25	6.00	19.25	19.50	
26	C	SPHC010622	Lê Thị Hường	Nữ	10-06-94	16043	16043	16043	16 04	2NT		7.00	3.00	5.50	15.50	16.50	
27	C	SPHC010630	Đoàn Hải Lâm	Nữ	11-07-95	1A055	1A055	1A055	1A 09	3		4.75	4.00	7.00	15.75	16.00	
28	C	SPHC010637	Đỗ Văn Linh	Nam	15-04-95	1B180	1B180	1B180	1B 17	2NT		8.00	3.25	5.50	16.75	18.00	
29	C	SPHC018800	Lê Thị Khánh Linh	Nữ	07-08-95	03009	03009	03009	03 02	3		7.50	3.00	6.50	17.00	17.00	
30	C	SPHC010642	Nguyễn Thị Loan	Nữ	16-05-95	19020	19020	19020	19 03	2NT		7.75	7.75	5.50	21.00	22.00	

Khối: C **Mã ngành: D220113** **Ngành: VIỆT NAM HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
31	C	SPHC010644	Diệp Thị Hương Ly	Nữ	17-07-95	12010	12010	12010	12 01	2	01	5.50	3.00	8.00	16.50	19.00	
32	C	SPHC010649	Nguyễn Thị Thanh Mai	Nữ	23-08-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		6.25	7.75	6.50	20.50	21.50	
33	C	SPHC010651	Nguyễn Thị Mến	Nữ	13-08-95	25036	25036	25036	25 05	2NT		8.00	6.00	7.00	21.00	22.00	
34	C	SPHC010652	Nguyễn Thị Hương Mơ	Nữ	07-04-95	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		4.75	5.00	6.00	15.75	17.00	
35	C	SPHC010663	Tưởng Thị Bích Ngọc	Nữ	30-10-95	1B229	1B229	1B229	1B 26	2NT		6.50	2.50	6.00	15.00	16.00	
36	C	SPHC010668	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	29-10-95	08010	08010	08010	08 01	1		4.50	6.50	7.50	18.50	20.00	
37	C	SPHC018802	Lưu Hải Ninh	Nữ	07-04-94	03082	03082	03082	03 08	2		7.00	2.50	6.50	16.00	16.50	
38	C	SPHC010674	Đinh Thị Mai Phương	Nữ	08-12-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		6.25	2.75	7.50	16.50	17.50	
39	C	SPHC010677	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	03-03-95	28073	28073	28073	28 19	2NT		5.25	4.50	7.00	16.75	18.00	
40	C	SPHC010693	Trịnh Thị Thanh	Nữ	09-11-95	22020	22020	22020	22 03	2NT		6.50	8.75	6.00	21.25	22.50	
41	C	SPHC010697	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	29-09-95	15028	15028	15028	15 06	2NT		7.00	5.75	2.00	14.75	16.00	
42	C	SPHC010704	Trịnh Thị Thơm	Nữ	02-05-95	1B203	1B203	1B203	1B 21	2NT		5.75	6.75	5.50	18.00	19.00	
43	C	SPHC010705	Hoàng Thị Thu	Nữ	07-02-94	22020	22020	22020	22 03	2NT		5.75	5.00	5.00	15.75	17.00	
44	C	SPHC010709	Nguyễn Minh Thuý	Nữ	16-11-95	1B170	1B170	1B170	1B 16	2		8.50	3.50	7.50	19.50	20.00	
45	C	SPHC010717	Trần Thị Mai Thương	Nữ	09-02-95	15015	15015	15015	15 03	1		5.00	2.50	7.00	14.50	16.00	
46	C	SPHC010725	Phạm Thị Thu Trang	Nữ	13-05-95	28003	28003	28003	28 01	2		8.75	6.00	7.50	22.25	23.00	
47	C	SPHC010729	Hà Tố Trinh	Nữ	24-08-95	19013	19013	19013	19 01	2		8.00	8.25	5.50	21.75	22.50	
48	C	SPHC018808	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	01-08-95	03001	03001	03001	26 02	3		7.25	5.75	7.50	20.50	20.50	
49	C	SPHC010731	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	15-03-95	1B170	1B170	1B170	1B 16	2		6.00	5.25	4.50	15.75	16.50	
50	C	SPHC010733	Lê Thị Tuyết	Nữ	19-10-95	1A264	1A264	1A264	1A 13	2		7.75	4.00	6.00	17.75	18.50	
51	C	SPHC010734	Lương Thị Tuyết	Nữ	10-12-94	27031	27031	27031	27 03	1		7.75	9.00	5.00	21.75	23.50	
52	C	SPHC010739	Hoàng Thị Vi	Nữ	12-09-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		7.25	6.50	7.00	20.75	22.00	
53	C	SPHC010741	Phạm Thị Vượng	Nữ	01-05-94	27083	27083	27083	27 08	2NT		6.75	1.50	6.50	14.75	16.00	
54	C	SPHC010743	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	10-11-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		7.75	6.50	6.00	20.25	21.50	
55	C	SPHC010748	Vũ Thị Hải Yến	Nữ	17-02-95	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		7.75	4.00	6.50	18.25	19.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D220113** **Ngành: VIỆT NAM HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD118922	Trần Thị Vân Anh	Nữ	25-11-95	03058	03058	03058	03 10	2		8.75	5.50	5.50	19.75	20.50	
2	D1	SPHD114645	Nguyễn Ngọc ánh	Nữ	25-11-95	25067	25067	25067	25 09	2NT		6.00	2.25	7.50	15.75	17.00	
3	D1	SPHD114648	Đỗ Thanh Bình	Nam	13-05-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		8.00	5.50	8.00	21.50	21.50	
4	D1	SPHD118923	Lê Thanh Bình	Nữ	20-07-95	03058	03058	03058	03 10	2	06	8.25	6.00	6.00	20.25	22.00	
5	D1	SPHD114654	Đặng Thị Đào	Nữ	01-08-95	26017	26017	26017	26 03	2NT	04	6.50	4.00	8.00	18.50	21.50	
6	D1	SPHD114658	Nguyễn Sơn Hải	Nam	19-05-94	15044	15044	15044	15 10	2NT		5.75	5.00	7.50	18.25	19.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D220113** **Ngành: VIỆT NAM HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
7	D1	SPHD114659	Lưu Thị Hạnh	Nữ	24-04-95	19010	19010	19010	19 07	2NT		6.50	4.00	5.00	15.50	16.50	
8	D1	SPHD114660	Phạm Thị Hằng	Nữ	19-10-95	27061	27061	27061	27 06	1		7.00	3.25	5.50	15.75	17.50	
9	D1	SPHD114665	Phạm Thị Hiền	Nữ	08-03-95	1B243	1B243	1B243	1B 28	2NT		5.25	4.00	5.50	14.75	16.00	
10	D1	SPHD114672	Phạm Thị Huê	Nữ	07-10-94	25069	25069	25069	25 09	2NT		6.50	4.25	4.50	15.25	16.50	
11	D1	SPHD114674	Phùng Thị Huệ	Nữ	04-07-95	16011	16011	16011	16 01	2		5.50	4.25	7.00	16.75	17.50	
12	D1	SPHD114678	Nguyễn Mạnh Hưng	Nam	03-12-94	1A040	1A040	1A040	1B 15	3		7.50	6.00	2.50	16.00	16.00	
13	D1	SPHD114679	Đinh Thị Hương	Nữ	18-03-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT	01	2.50	5.25	5.50	13.25	16.50	
14	D1	SPHD114683	Nguyễn Thu Hương	Nữ	02-01-95	1A070	1A070	1A070	1A 12	2		7.00	3.25	7.50	17.75	18.50	
15	D1	SPHD114690	Trần Quế Lâm	Nữ	26-11-94	24032	24032	24032	24 03	1		7.50	3.50	5.00	16.00	17.50	
16	D1	SPHD114693	Nguyễn Trang Thuỳ Linh	Nữ	10-12-95	21021	21021	21021	21 03	2NT		5.00	4.25	7.00	16.25	17.50	
17	D1	SPHD118927	Hoàng Thị Thanh Mai	Nữ	12-08-95	17014	17014	17014	17 02	2		7.25	5.00	6.00	18.25	19.00	
18	D1	SPHD114698	Nguyễn Thị Mai	Nữ	10-02-94	25069	25069	25069	25 09	2NT		5.50	3.00	6.50	15.00	16.00	
19	D1	SPHD114701	Hoàng Thị My	Nữ	16-06-95	19010	19010	19010	19 08	2NT		6.75	5.00	4.50	16.25	17.50	
20	D1	SPHD114707	Đào Thị Ngoan	Nữ	05-09-95	25059	25059	25059	25 08	2NT		5.00	4.75	7.00	16.75	18.00	
21	D1	SPHD114718	Mai Thị Phương	Nữ	27-04-95	26052	26052	26052	26 08	2NT		6.25	4.50	7.00	17.75	19.00	
22	D1	SPHD114719	Ngô Thị Phương	Nữ	18-05-95	19014	19014	19014	19 08	2NT		6.75	4.25	4.50	15.50	16.50	
23	D1	SPHD114720	Trần Bích Phương	Nữ	04-06-95	21034	21034	21034	21 08	2NT		5.00	5.50	6.00	16.50	17.50	
24	D1	SPHD114721	Đỗ Xuân Quang	Nam	15-05-94	27013	27013	27013	27 05	2		5.75	4.50	7.00	17.25	18.00	
25	D1	SPHD114722	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	17-06-95	28056	28056	28056	28 17	2NT		5.50	4.50	8.00	18.00	19.00	
26	D1	SPHD114723	Phan Thị Quỳnh	Nữ	17-06-95	15044	15044	15044	15 10	2NT		4.50	4.00	7.00	15.50	16.50	
27	D1	SPHD114724	Hoàng Duy Tâm	Nam	03-05-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		8.25	4.00	4.00	16.25	17.50	
28	D1	SPHD114727	Hà Thị Phương Thảo	Nữ	02-04-95	09032	09032	09032	09 07	1		6.00	2.50	7.00	15.50	17.00	
29	D1	SPHD114730	Lê Minh Thu	Nữ	02-04-95	26032	26032	26032	26 05	2NT		4.50	5.25	6.50	16.25	17.50	
30	D1	SPHD114736	Đỗ Thuỳ Trang	Nữ	23-10-93	1A013	1A013	1A013	1A 03	3		5.50	7.00	6.00	18.50	18.50	
31	D1	SPHD114738	Lê Thị Trang	Nữ	10-07-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		4.25	3.50	8.00	15.75	17.00	
32	D1	SPHD114739	Lê Thu Trang	Nữ	10-06-94	1A011	1A011	1A011	1A 03	3		3.75	6.00	8.00	17.75	18.00	
33	D1	SPHD118931	Nguyễn Thu Trang	Nữ	26-04-95	17011	17011	17011	17 01	2		4.00	4.50	7.50	16.00	16.50	
34	D1	SPHD118933	Trần Thị Lệ Vân	Nữ	12-11-95	03079	03079	03079	03 04	3		6.00	3.00	7.00	16.00	16.00	
35	D1	SPHD114750	Vũ Thị Xuyến	Nữ	18-10-95	27072	27072	27072	27 07	2NT		5.00	5.00	7.50	17.50	18.50	

Danh sách này có 90 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: C **Mã ngành: D220330** **Ngành: VĂN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC018811	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	11-05-95	17001	17001	17001	17 01	2		7.75	7.00	6.00	20.75	21.50	
2	C	SPHC010759	Nguyễn Thị Chinh	Nữ	19-12-95	19020	19020	19020	19 03	2NT		8.25	6.00	6.00	20.25	21.50	
3	C	SPHC010764	An Thị Phương Dung	Nữ	24-04-94	27061	27061	27061	27 06	1		7.50	7.25	7.00	21.75	23.50	
4	C	SPHC018813	Hoàng Thị Duyên	Nữ	22-07-95	17001	17001	17001	17 02	2		8.00	8.75	7.00	23.75	24.50	
5	C	SPHC010783	Đỗ Thị Hồng Hảo	Nữ	01-09-93	21014	21014	21014	21 01	2		7.00	5.50	8.00	20.50	21.00	
6	C	SPHC010800	Nguyễn Thu Huế	Nữ	31-10-95	19020	19020	19020	19 03	2NT		7.50	5.50	7.50	20.50	21.50	
7	C	SPHC010803	Bùi Thị Huyền	Nữ	11-03-95	26002	26002	26002	26 04	2		7.75	4.00	8.00	19.75	20.50	
8	C	SPHC010807	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	06-01-95	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		5.75	7.50	7.50	20.75	22.00	
9	C	SPHC010813	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	30-07-95	15002	15002	15002	15 01	2		7.75	4.75	7.50	20.00	20.50	
10	C	SPHC010817	Vũ Thị Thuý Hường	Nữ	08-10-95	1A148	1A148	1A148	1A 09	3		7.25	7.25	7.00	21.50	21.50	
11	C	SPHC010825	Nguyễn Thị Linh	Nữ	09-05-94	22026	22026	22026	22 03	2NT		5.75	7.25	6.00	19.00	20.00	
12	C	SPHC010830	Đặng Thị Luyến	Nữ	07-12-95	26046	26046	26046	26 07	2NT		8.25	6.00	6.50	20.75	22.00	
13	C	SPHC010867	Hà Thị Thảo	Nữ	03-09-95	14021	14021	14021	14 01	1		6.75	7.00	7.00	20.75	22.50	
14	C	SPHC010880	Đỗ Thị Thuý	Nữ	07-01-94	26052	26052	26052	26 08	2NT		8.00	6.75	6.50	21.25	22.50	
15	C	SPHC010885	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	Nữ	31-12-95	1B190	1B190	1B190	1B 19	2NT		8.25	8.75	7.00	24.00	25.00	
16	C	SPHC010887	Dương Thị Tình	Nữ	14-12-95	16031	16031	16031	16 03	1		6.50	6.00	8.00	20.50	22.00	
17	C	SPHC010902	Vũ Thị Vân	Nữ	06-02-95	21039	21039	21039	02 12	2NT		7.50	4.25	7.00	18.75	20.00	
18	C	SPHC010905	Hồ Thị Xuân	Nữ	22-05-95	19020	19020	19020	19 03	2NT		7.50	4.75	7.00	19.25	20.50	
19	C	SPHC010907	Nguyễn Thị Yến	Nữ	21-07-94	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		8.25	8.00	6.00	22.25	23.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D220330** **Ngành: VĂN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD114765	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	Nữ	20-12-94	1A002	1A002	1A002	1A 05	3		7.50	5.50	7.00	20.00	20.00	
2	D1	SPHD114788	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	19-05-95	16051	16051	16051	16 05	2NT		6.75	5.75	7.50	20.00	21.00	
3	D1	SPHD118941	Trần Thị Mai Hồng	Nữ	23-04-95	17057	17057	17057	17 10	1		6.50	4.25	7.50	18.25	20.00	
4	D1	SPHD118943	Mai Ngọc Huyền	Nữ	13-10-95	17001	17001	17001	17 01	2		8.00	6.00	8.50	22.50	23.00	
5	D1	SPHD114839	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	22-08-94	03014	03014	03014	03 02	3		7.00	5.50	7.50	20.00	20.00	
6	D1	SPHD114861	Lê Phương Thảo	Nữ	30-05-95	1A007	1A007	1A007	1A 02	3		7.75	5.25	7.50	20.50	20.50	
7	D1	SPHD114863	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	20-01-95	1A011	1A011	1A011	1A 03	3		7.50	6.00	6.50	20.00	20.00	
8	D1	SPHD114867	Hoàng Thị Hà Thu	Nữ	04-02-95	26042	26042	26042	26 06	2NT		7.75	5.50	7.00	20.25	21.50	
9	D1	SPHD114874	Lê Ngọc Thuý	Nữ	02-03-95	1A018	1A018	1A018	1A 04	3		7.00	5.50	7.50	20.00	20.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D220330** **Ngành: VĂN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
10	D1	SPHD114891	Triệu Thu Uyên	Nữ	27-07-95	1A104	1A104	1A104	1A 08	3		7.00	7.50	6.50	21.00	21.00	

Khối: D2 **Mã ngành: D220330** **Ngành: VĂN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D2	SPHD215314	Nguyễn Thị Bích Thảo	Nữ	27-09-94	1B162	1B162	1B162	1B 27	3		5.00	9.25	7.00	21.25	21.50	

Danh sách này có 30 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: B **Mã ngành: D310201** **Ngành: CHÍNH TRỊ HỌC (SƯ PHẠM TRIẾT HỌC)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	B	SPHB017411	Lê Thanh Hoa	Nữ	27-10-95	1B176	1B176	1B176	1B 17	2NT		5.75	4.50	4.25	14.50	15.50	
2	B	SPHB017416	Vũ Thị Mai	Nữ	30-03-94	26017	26017	26017	26 03	2NT		6.00	3.25	6.50	15.75	17.00	
3	B	SPHB017418	Nguyễn Hải Thảo	Nữ	04-01-95	1A045	1A045	1A045	1A 04	3		7.75	7.50	9.00	24.25	24.50	
4	B	SPHB017420	Nguyễn Thuỳ Trang	Nữ	13-10-95	05012	05012	05012	05 01	1		8.25	7.00	7.25	22.50	24.00	

Khối: C **Mã ngành: D310201** **Ngành: CHÍNH TRỊ HỌC (SƯ PHẠM TRIẾT HỌC)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC010909	Đặng Mai Anh	Nữ	16-08-95	1A157	1A055	1A055	1A 09	3		4.50	4.50	6.50	15.50	15.50	
2	C	SPHC010910	Đặng Ngọc Anh	Nữ	06-05-95	25016	25016	25016	25 02	2NT		6.75	2.00	7.00	15.75	17.00	
3	C	SPHC010911	Đỗ Tuấn Anh	Nam	20-08-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		6.50	4.50	5.50	16.50	17.50	
4	C	SPHC010913	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	12-01-95	1A151	1A151	1A151	1A 14	2		6.75	4.75	6.00	17.50	18.00	
5	C	SPHC010914	Trần Lan Anh	Nữ	15-02-95	24013	24013	24013	24 05	2		7.25	5.00	5.50	17.75	18.50	
6	C	SPHC018826	Phạm Thị Bình	Nữ	05-10-95	17025	17025	17025	17 03	1		5.50	6.00	5.00	16.50	18.00	
7	C	SPHC010917	Nguyễn Chí Công	Nam	24-09-92	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		6.50	5.00	6.50	18.00	19.00	
8	C	SPHC010920	Bùi Thị Dinh	Nữ	09-08-94	23025	23025	23025	23 05	1	01	5.00	4.00	5.50	14.50	18.00	
9	C	SPHC010923	Nguyễn Thị Hà Duyên	Nữ	04-01-95	12010	12010	12010	12 07	2		6.75	7.00	7.00	20.75	21.50	
10	C	SPHC010924	Nguyễn Thuỳ Dương	Nữ	09-06-94	18013	18013	18013	18 01	2		6.00	3.50	6.50	16.00	16.50	
11	C	SPHC010926	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	15-09-95	22040	22040	22040	22 01	2NT		8.00	4.75	8.00	20.75	22.00	
12	C	SPHC010930	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	28-10-95	21049	21049	21049	21 11	2NT		7.00	3.00	5.50	15.50	16.50	
13	C	SPHC010931	Phạm Thị Hằng	Nữ	05-07-94	26012	26012	26012	26 02	2NT		5.25	2.50	6.00	13.75	15.00	
14	C	SPHC010933	Trần Thị Thu Hằng	Nữ	17-09-94	12010	12010	12010	12 01	2	01	6.50	6.00	7.00	19.50	22.00	
15	C	SPHC010939	Phạm Thị Mai Hương	Nữ	10-07-94	1B168	1B168	1B168	1B 16	2		7.25	1.50	6.50	15.25	16.00	
16	C	SPHC010941	Lê Thị Lan	Nữ	26-05-95	19013	19013	19013	19 01	2		8.00	3.75	6.00	17.75	18.50	
17	C	SPHC010944	Đào Diệu Linh	Nữ	22-09-95	1A151	1A151	1A151	1A 14	2		7.75	4.00	8.00	19.75	20.50	
18	C	SPHC018827	Ngô Nhị Ngọc Linh	Nữ	09-04-95	17014	17014	17014	17 02	2		6.75	3.25	6.50	16.50	17.00	
19	C	SPHC010949	Phạm Kiều Ly	Nữ	30-08-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		7.25	4.50	7.00	18.75	19.00	
20	C	SPHC010952	Nguyễn Nhật Mai	Nữ	15-11-94	15044	15044	15044	15 10	2NT		4.75	2.75	7.00	14.50	15.50	
21	C	SPHC010961	Tẩn Nảy Phin	Nữ	08-09-94	08022	08022	08022	08 05	1	01	6.75	5.00	5.00	16.75	20.50	
22	C	SPHC010963	Chu Thị Phương	Nữ	18-05-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		8.25	4.00	7.00	19.25	20.00	
23	C	SPHC010966	Phùng Thị Tú Quyên	Nữ	30-07-94	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		6.75	3.00	8.00	17.75	19.00	
24	C	SPHC010967	Trần Thị Xuân Quỳnh	Nữ	20-05-95	1A051	1A051	1A051	1A 08	3		6.00	3.25	8.50	17.75	18.00	

Khối: C **Mã ngành: D310201** **Ngành: CHÍNH TRỊ HỌC (SƯ PHẠM TRIẾT HỌC)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
25	C	SPHC010969	Vũ Duy Thái	Nam	31-07-93	13032	13032	13032	13 09	1		7.50	3.25	4.00	14.75	16.50	
26	C	SPHC010970	Ngô Thị Phương Thảo	Nữ	26-12-95	21029	21029	21029	21 04	1		6.25	3.75	6.50	16.50	18.00	
27	C	SPHC010971	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	13-02-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		7.50	4.25	5.50	17.25	18.00	
28	C	SPHC010972	Nguyễn Thị Bích Thảo	Nữ	25-12-95	1A055	1A055	1A055	1A 09	3		5.00	3.00	7.50	15.50	15.50	
29	C	SPHC010974	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	25-07-94	21025	21025	21025	21 11	2NT		7.75	8.25	5.00	21.00	22.00	
30	C	SPHC010975	Nguyễn Phương Thu	Nữ	01-09-95	1A012	1A012	1A012	1A 03	3		8.25	3.00	5.00	16.25	16.50	
31	C	SPHC010978	Nguyễn Thị Thanh Thuý	Nữ	01-02-94	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		6.75	1.00	6.50	14.25	15.00	
32	C	SPHC010980	Trần Thị Thuý	Nữ	02-03-94	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		3.50	4.25	6.50	14.25	15.50	
33	C	SPHC010988	Bùi Thị ánh Tuyết	Nữ	31-08-95	15044	15044	15044	15 10	2NT		6.50	6.25	7.00	19.75	21.00	
34	C	SPHC010990	Đào Hồng Vân	Nữ	24-10-92	16052	16052	16052	16 05	2NT		5.25	5.00	5.00	15.25	16.50	
35	C	SPHC010992	Hoàng Thị Yến	Nữ	02-07-95	21017	21017	21017	21 01	2		6.50	4.25	6.00	16.75	17.50	
36	C	SPHC010993	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	02-06-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		6.50	4.75	5.50	16.75	18.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D310201** **Ngành: CHÍNH TRỊ HỌC (SƯ PHẠM TRIẾT HỌC)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD114903	Đỗ Thị Kim Anh	Nữ	15-12-95	22079	22079	22079	22 04	2NT		3.75	3.75	7.00	14.50	15.50	
2	D1	SPHD114905	Vương Thị Hoài Anh	Nữ	11-03-95	1B163	1B163	1B163	1B 21	3		7.50	3.50	5.50	16.50	16.50	
3	D1	SPHD114907	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	01-07-95	19018	19018	19019	19 03	2NT		4.50	3.75	5.50	13.75	15.00	
4	D1	SPHD114908	Vũ Thị Hạnh	Nữ	17-08-95	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		5.50	3.00	6.50	15.00	15.50	
5	D1	SPHD118954	Nguyễn Thị Mai Lan	Nữ	21-06-93	03037	03037	03037	03 07	2		4.75	4.25	6.50	15.50	16.00	
6	D1	SPHD114916	Nguyễn Thị Ly Ly	Nữ	06-08-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		6.50	3.00	5.00	14.50	15.50	
7	D1	SPHD114917	Nguyễn Thị Trang Ly	Nữ	02-04-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		5.00	3.00	6.50	14.50	15.50	
8	D1	SPHD114918	Trần Khánh Ly	Nữ	26-07-95	16031	16031	16031	16 07	1		5.00	3.50	7.00	15.50	17.00	
9	D1	SPHD114919	Hoàng Thị Mai	Nữ	18-09-94	25069	25069	25069	25 09	2NT		5.25	2.75	6.00	14.00	15.00	
10	D1	SPHD114925	Vương Thị Phương Quỳnh	Nữ	20-11-95	1B203	1B203	1B203	1B 21	2NT		6.00	2.50	6.50	15.00	16.00	
11	D1	SPHD114930	Bùi Hữu Tho	Nam	23-01-94	1B215	1B215	1B215	1B 23	2NT		5.75	2.50	5.50	13.75	15.00	
12	D1	SPHD114933	Phạm Thị Thuý	Nữ	10-02-95	26039	26039	26039	26 06	2NT		7.50	4.00	6.00	17.50	18.50	
13	D1	SPHD114934	Đỗ Thị Trang	Nữ	24-04-94	19015	19015	19015	19 08	2NT		6.25	3.00	5.00	14.25	15.50	

Danh sách này có 53 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D310401** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (NGOÀI SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA019253	Trần Thị Ngọc ánh	Nữ	16-09-95	29049	29049	29049	29 11	2NT		6.00	5.75	6.50	18.25	19.50	
2	A	SPHA018551	Trịnh Bảo Châu	Nữ	07-07-95	03002	03002	03070	03 12	3		6.00	6.25	6.50	18.75	19.00	
3	A	SPHA003409	Lê Thị Lan Chi	Nữ	04-07-95	08012	08012	08012	08 01	1		6.00	4.50	7.50	18.00	19.50	
4	A	SPHA003417	Nguyễn Quỳnh Dung	Nữ	29-12-94	19024	19024	19024	19 04	2NT		6.75	6.25	7.50	20.50	21.50	
5	A	SPHA003426	Phạm ánh Dương	Nam	29-09-94	27081	27081	27081	27 08	2NT		6.50	5.75	5.25	17.50	18.50	
6	A	SPHA003429	Đặng Minh Đức	Nam	08-10-93	21020	21020	21020	21 03	2NT		6.00	5.75	6.25	18.00	19.00	
7	A	SPHA003431	Hoàng Thị Hà	Nữ	15-01-95	1B250	1B250	1B250	1B 29	2NT		5.00	6.50	5.75	17.25	18.50	
8	A	SPHA003447	Nguyễn Thị Hương	Nữ	16-06-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		5.75	5.50	7.25	18.50	19.50	
9	A	SPHA018554	Nguyễn Thị Hương	Nữ	13-02-95	03059	03059	03059	03 10	2		7.25	7.00	8.50	22.75	23.50	
10	A	SPHA003461	Lê Huyền My	Nữ	11-01-95	1A045	1A045	1A045	1A 04	3		7.00	3.25	9.00	19.25	19.50	
11	A	SPHA003472	Đào Thị Kiều Oanh	Nữ	28-09-95	1B162	1B162	1B162	1B 28	3		7.50	6.25	7.50	21.25	21.50	
12	A	SPHA003502	Ngô Thị Trang	Nữ	27-10-95	25080	25080	25080	25 10	2NT		6.50	4.50	6.25	17.25	18.50	
13	A	SPHA003513	Trịnh Thị Kim Uyên	Nữ	09-04-95	22053	22053	22053	22 09	2NT		6.50	6.00	7.50	20.00	21.00	
14	A	SPHA003514	Bùi Thị Vân	Nữ	06-04-94	27082	27082	27082	27 08	2NT		5.50	5.25	6.75	17.50	18.50	

Khối: B **Mã ngành: D310401** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (NGOÀI SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	B	SPHB018629	Nguyễn Thanh An	Nữ	25-01-95	03013	03013	03013	03 02	3		9.00	3.25	8.00	20.25	20.50	
2	B	SPHB016475	Đặng Thị Quỳnh Anh	Nữ	26-08-94	1B166	1B166	1B166	1B 15	3		7.00	4.00	7.25	18.25	18.50	
3	B	SPHB017425	đỗ quỳnh anh	Nữ	30-05-95	1A017	1A017	1A017	1A 04	3		7.75	5.50	7.75	21.00	21.00	
4	B	SPHB017430	Lê Hoàng Anh	Nam	11-12-95	1A013	1A013	1A013	1A 08	3		8.00	5.75	9.50	23.25	23.50	
5	B	SPHB017439	Nguyễn Minh Hoàng Anh	Nam	18-10-95	1A003	1A003	1A003	1A 04	3		8.50	7.00	9.00	24.50	24.50	
6	B	SPHB018632	Nguyễn Phương Anh	Nữ	24-09-95	03014	03014	03014	03 02	3		8.25	5.00	8.00	21.25	21.50	
7	B	SPHB017444	Phan Hồng Anh	Nữ	28-12-95	1A001	1A001	1A001	1A 01	3		7.00	6.50	6.00	19.50	19.50	
8	B	SPHB018634	Lê Huy Bách	Nam	01-04-95	03007	03007	03007	03 02	3		8.00	4.50	7.25	19.75	20.00	
9	B	SPHB018635	Trần Lâm Bình	Nữ	14-02-95	03008	03008	03008	03 02	3		8.00	3.75	7.50	19.25	19.50	
10	B	SPHB018636	Trịnh Bảo Châu	Nữ	07-07-95	03002	03002	03070	03 12	3		7.00	6.00	7.25	20.25	20.50	
11	B	SPHB017461	Bạch Tâm Chính	Nam	14-11-95	1B163	1B163	1B163	1B 15	3		6.50	5.50	6.25	18.25	18.50	
12	B	SPHB017468	Nguyễn Thị Doan	Nữ	11-12-95	26025	26025	26025	26 04	2NT		7.00	5.00	7.25	19.25	20.50	
13	B	SPHB017471	Trần Thuỳ Dung	Nữ	18-04-95	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		8.00	5.25	7.50	20.75	21.00	
14	B	SPHB017474	Phạm Mỹ Duyên	Nữ	29-04-95	26046	26046	26046	26 07	2NT		7.75	3.75	6.00	17.50	18.50	

Khối: B **Mã ngành: D310401** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (NGOÀI SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
15	B	SPHB017476	Triệu Việt Dũng	Nam	20-08-94	1A009	1A009	1A009	1A 05	3		8.75	3.25	8.00	20.00	20.00	
16	B	SPHB018639	Phan Thị Thuỳ Dương	Nữ	10-10-95	03007	03007	03007	03 01	3		7.75	3.75	7.75	19.25	19.50	
17	B	SPHB017487	Nguyễn Văn Đường	Nam	16-08-95	25068	25068	25068	25 09	2NT		7.50	4.25	6.00	17.75	19.00	
18	B	SPHB017491	Hoàng Thị Giang	Nữ	14-06-95	1B216	1B216	1B216	1B 23	2NT		5.25	6.50	5.75	17.50	18.50	
19	B	SPHB017493	Lưu Thị Giang	Nữ	02-03-95	19009	19009	19009	19 08	2		7.25	4.75	8.50	20.50	21.00	
20	B	SPHB017497	Đoàn Phương Hà	Nữ	18-12-95	1A040	1A040	1A040	1A 07	3		8.00	5.75	8.50	22.25	22.50	
21	B	SPHB017501	Nguyễn Việt Hà	Nam	09-01-94	1B178	1B178	1B178	1B 17	2NT		6.25	4.50	6.50	17.25	18.50	
22	B	SPHB017504	Đoàn Phú Hải	Nam	26-12-94	1A070	1A070	1A070	1A 09	2		6.50	4.00	7.50	18.00	18.50	
23	B	SPHB018644	Đàm Mỹ Hạnh	Nữ	14-10-95	03007	03007	03007	03 09	3		8.00	5.25	6.75	20.00	20.00	
24	B	SPHB017510	Phí Thị Hạnh	Nữ	23-01-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		6.50	5.50	6.75	18.75	20.00	
25	B	SPHB017512	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	01-12-95	21033	21033	21033	21 07	2NT		5.75	5.00	7.00	17.75	19.00	
26	B	SPHB018646	Vũ Thuý Hằng	Nữ	04-06-95	03072	03072	03072	03 12	2	06	6.75	5.50	8.25	20.50	22.00	
27	B	SPHB017517	Phạm Ngọc Hân	Nữ	29-09-95	1A029	1A029	1A029	1A 04	3		8.00	4.50	6.00	18.50	18.50	
28	B	SPHB017518	Nguyễn Thái Hậu	Nam	01-02-95	15029	15029	15029	15 06	2NT		6.50	6.75	4.50	17.75	19.00	
29	B	SPHB018647	Lưu Ngọc Hiền	Nữ	28-09-95	03007	03007	03007	03 02	3		7.75	3.50	7.50	18.75	19.00	
30	B	SPHB017532	Chu Thị Quỳnh Hoa	Nữ	01-04-94	29045	29045	29045	29 10	1		7.25	5.50	6.75	19.50	21.00	
31	B	SPHB017538	Vũ Thị Tuyết Hoà	Nữ	29-10-95	1A018	1A018	1A018	1A 07	3		7.75	4.50	7.00	19.25	19.50	
32	B	SPHB017540	Bùi Tô Hoài	Nam	18-02-95	15039	15039	15039	15 09	1		7.25	4.25	6.25	17.75	19.50	
33	B	SPHB017541	Hoàng Kim Hoài	Nữ	29-08-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		5.75	5.50	7.25	18.50	19.50	
34	B	SPHB019331	Đinh Văn Hoàng	Nam	07-10-95	29007	29007	29007	29 18	2		8.75	3.75	8.25	20.75	21.50	
35	B	SPHB017546	Phạm Thị Huế	Nữ	28-08-95	22057	22057	22057	22 10	2NT		7.00	3.75	6.50	17.25	18.50	
36	B	SPHB017549	Dương Thị Ngọc Huyền	Nữ	09-02-95	1B177	1B177	1B177	1B 17	2NT		8.50	5.25	7.50	21.25	22.50	
37	B	SPHB017551	Đào Ngọc Huyền	Nữ	28-11-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		6.50	4.25	8.00	18.75	19.00	
38	B	SPHB018649	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	23-06-95	03028	03028	03028	03 05	3		7.50	5.00	6.00	18.50	18.50	
39	B	SPHB018651	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	20-02-95	03008	03008	03008	03 02	3		7.50	5.25	5.50	18.25	18.50	
40	B	SPHB017560	Trịnh Thanh Huyền	Nữ	03-02-95	1A017	1A017	1A017	1A 08	3		7.25	4.75	6.50	18.50	18.50	
41	B	SPHB017567	Đoàn Thị Hương	Nữ	06-05-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		7.25	5.00	7.50	19.75	21.00	
42	B	SPHB018652	Hoàng Mai Hương	Nữ	02-11-95	03007	03007	03007	03 02	3		8.75	4.75	6.50	20.00	20.00	
43	B	SPHB018653	Đào Thu Hường	Nữ	03-03-95	03013	03013	03013	03 03	3		8.25	4.00	6.50	18.75	19.00	
44	B	SPHB017576	Nguyễn Hồng Khánh	Nam	20-11-95	22050	22050	22050	22 08	2NT		9.00	4.00	8.00	21.00	22.00	
45	B	SPHB017580	Quản Thanh Lam	Nữ	04-08-95	10043	10043	10043	10 11	1		7.00	4.00	7.50	18.50	20.00	
46	B	SPHB017586	Nguyễn Thị Liên	Nữ	03-11-95	26053	26053	26053	26 08	2NT		6.00	6.25	5.50	17.75	19.00	
47	B	SPHB017587	Trần Thị Liên	Nữ	20-02-95	28102	28102	28102	28 25	2NT		6.75	5.50	6.50	18.75	20.00	
48	B	SPHB017593	Đặng Anh Linh	Nữ	20-03-95	1A070	1A070	1A070	1A 09	2		7.25	6.25	7.00	20.50	21.00	

Khối: B **Mã ngành: D310401** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (NGOÀI SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
49	B	SPHB017595	Hà Ngọc Linh	Nam	17-08-95	1A060	1A060	1A060	1A 10	2	01	6.75	3.50	6.25	16.50	19.00	
50	B	SPHB017597	Khương Vũ Linh	Nam	24-04-96	28077	28077	28077	28 01	2NT		8.50	7.00	4.25	19.75	21.00	
51	B	SPHB017601	Nguyễn Thị Bảo Linh	Nữ	23-08-95	26032	26032	26032	26 05	2NT		8.00	4.50	6.50	19.00	20.00	
52	B	SPHB017602	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	17-11-95	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		7.50	4.00	7.75	19.25	20.00	
53	B	SPHB017610	Trần Thị Thuỳ Linh	Nữ	08-09-95	12010	12010	12010	12 01	2		9.00	5.00	9.50	23.50	24.00	
54	B	SPHB017612	Vũ Hoài Linh	Nam	12-03-95	1A052	1A052	1A052	1A 08	3		8.00	3.75	6.50	18.25	18.50	
55	B	SPHB018654	Dương Thị Loan	Nữ	15-02-95	17056	17056	17056	17 10	2NT		8.25	5.00	6.00	19.25	20.50	
56	B	SPHB017614	Phạm Thị Loan	Nữ	22-02-95	27081	27081	27081	27 08	2NT		6.75	4.50	7.50	18.75	20.00	
57	B	SPHB017615	Phạm Hữu Long	Nam	02-08-95	1A013	1A013	1A013	1A 03	3		9.00	4.50	7.50	21.00	21.00	
58	B	SPHB017617	Giang Thành Lộc	Nam	02-11-95	16011	16011	16011	16 04	2		8.75	5.00	6.25	20.00	20.50	
59	B	SPHB019333	Bạch Thị Hồng Ly	Nữ	01-11-95	29007	29007	29007	29 01	2		7.50	4.25	8.50	20.25	21.00	
60	B	SPHB017620	Lê Thị Ly	Nữ	15-08-95	27081	27081	27081	27 08	2NT		6.75	4.50	6.50	17.75	19.00	
61	B	SPHB017624	Lê Thị Lý	Nữ	19-03-95	28045	28045	28045	28 15	2NT		5.75	6.25	5.50	17.50	18.50	
62	B	SPHB017638	Lưu Thị Mơ	Nữ	08-01-94	30028	30028	30028	30 03	1		8.25	3.00	6.25	17.50	19.00	
63	B	SPHB017639	Nguyễn Thị Thảo My	Nữ	25-06-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		7.50	4.25	7.25	19.00	20.00	
64	B	SPHB017640	Phạm Thị Thảo My	Nữ	05-09-95	1A003	1A003	1A003	1A 10	3		6.50	3.50	8.50	18.50	18.50	
65	B	SPHB017648	Phạm Thị Nga	Nữ	23-12-95	21036	21036	21036	21 07	2NT		8.25	3.50	6.50	18.25	19.50	
66	B	SPHB017655	Đỗ Thị Ngọc	Nữ	01-10-95	25044	25044	25044	25 06	2NT		7.00	6.25	6.75	20.00	21.00	
67	B	SPHB017656	Hoàng Bảo Ngọc	Nữ	11-12-95	1A055	1A055	1A055	1A 09	3		6.25	6.50	8.25	21.00	21.00	
68	B	SPHB018658	Lương Hải Ngọc	Nữ	14-11-95	03014	03014	03014	03 07	3		6.00	5.50	7.50	19.00	19.00	
69	B	SPHB017659	Trần Thị Minh Ngọc	Nữ	15-09-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		8.00	4.50	6.75	19.25	19.50	
70	B	SPHB017660	Vũ Tú Ngọc	Nữ	10-10-95	27043	27043	27043	27 04	1		6.00	7.00	4.50	17.50	19.00	
71	B	SPHB017661	Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	25-11-95	22060	22060	22060	22 10	2NT		6.25	5.00	6.25	17.50	18.50	
72	B	SPHB017663	Trần Thị Nguyệt	Nữ	10-12-95	25044	25044	25044	25 06	2NT		8.50	4.25	5.75	18.50	19.50	
73	B	SPHB017662	Trần Thị Nguyệt	Nữ	05-07-95	25084	25084	25084	25 08	2NT		5.25	5.50	7.50	18.25	19.50	
74	B	SPHB017670	Đặng Thị Nhung	Nữ	30-01-95	25016	25016	25016	25 02	2NT		6.00	6.00	6.50	18.50	19.50	
75	B	SPHB017678	Kiều Văn Phúc	Nam	21-11-95	1B163	1B163	1B163	1B 15	3		7.50	6.00	7.50	21.00	21.00	
76	B	SPHB018660	Phạm Công Phúc	Nam	26-02-95	03070	03070	03070	03 12	2		8.25	5.25	4.75	18.25	19.00	
77	B	SPHB017679	Chử Hồng Phương	Nữ	23-01-95	1A072	1A072	1A072	1A 12	2		7.50	4.50	7.00	19.00	19.50	
78	B	SPHB017680	Đỗ Thị Phương	Nữ	05-11-95	1B249	1B249	1B249	1B 29	2NT		9.00	7.50	9.75	26.25	27.50	
79	B	SPHB017682	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	19-11-95	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		9.00	5.25	8.50	22.75	23.50	
80	B	SPHB017688	Tào Hoài Phương	Nữ	08-10-95	1B162	1B162	1B162	1A 10	3		9.00	4.50	8.00	21.50	21.50	
81	B	SPHB017698	Ngô Diệu Quỳnh	Nữ	14-10-95	1A003	1A003	1A003	1A 07	3		6.25	8.50	5.50	20.25	20.50	
82	B	SPHB018662	Phạm Như Quỳnh	Nữ	26-09-95	03072	03072	03072	03 12	2		8.00	4.50	8.25	20.75	21.50	

Khối: B **Mã ngành: D310401** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (NGOÀI SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
83	B	SPHB017702	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	21-12-95	21036	21036	21036	21 07	2NT	06	7.75	5.50	9.25	22.50	24.50	
84	B	SPHB017708	Nguyễn Phan Nhật Tân	Nam	30-12-94	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		7.00	4.50	7.25	18.75	19.00	
85	B	SPHB017710	Lê Thị Thanh Thanh	Nữ	24-02-95	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		8.75	4.25	8.00	21.00	22.00	
86	B	SPHB017713	Phạm Thị Thanh	Nữ	08-10-95	1A045	1A045	1A045	1B 21	3		6.00	5.75	8.25	20.00	20.00	
87	B	SPHB018664	Phạm Đức Thành	Nam	19-09-95	03007	03007	03007	03 01	3		8.25	1.75	8.50	18.50	18.50	
88	B	SPHB017727	Nguyễn Thị Thi	Nữ	12-02-95	1B205	1B205	1B205	1B 21	2NT		7.25	5.25	7.50	20.00	21.00	
89	B	SPHB017729	Vũ Thị Thoa	Nữ	06-06-95	24012	24012	24012	24 01	2		6.75	5.00	7.75	19.50	20.00	
90	B	SPHB018668	Nguyễn Thị Thu	Nữ	13-10-95	03002	03002	03002	1A 12			6.75	5.50	6.00	18.25	18.50	
91	B	SPHB017733	Trịnh Thị Thu	Nữ	15-07-95	09011	09011	09011	09 01	1		6.50	6.50	5.50	18.50	20.00	
92	B	SPHB017735	Cao Thị Minh Thuỳ	Nữ	01-02-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		7.00	7.25	5.00	19.25	20.50	
93	B	SPHB017743	Đinh Thị Anh Thư	Nữ	10-01-95	1A033	1A033	1A033	1A 10	3		8.00	3.75	6.50	18.25	18.50	
94	B	SPHB018670	Trần Anh Thư	Nữ	25-06-95	17056	17056	17056	17 10	2NT		6.75	5.25	5.75	17.75	19.00	
95	B	SPHB017756	Hoàng Thuỳ Trang	Nữ	24-11-95	1A039	1A039	1A039	1B 15	3		8.75	6.00	5.50	20.25	20.50	
96	B	SPHB018673	Lê Thị Thuỳ Trang	Nữ	26-06-95	03007	03007	03007	03 02	3		9.00	6.50	8.00	23.50	23.50	
97	B	SPHB017764	Trần Quỳnh Trang	Nữ	26-09-95	16031	16031	16031	16 03	1		5.00	6.00	7.75	18.75	20.50	
98	B	SPHB017766	Trần Thị Trang	Nữ	01-10-95	19024	19024	19024	19 04	2NT		6.75	5.50	6.50	18.75	20.00	
99	B	SPHB017768	Trịnh Thị Trang	Nữ	15-07-95	09011	09011	09011	09 01	1		7.25	5.50	6.50	19.25	21.00	
100	B	SPHB017770	Bùi Thị Thu Trà	Nữ	24-12-95	1B223	1B223	1B223	1B 25	2NT		8.75	4.25	8.75	21.75	23.00	
101	B	SPHB017782	Lê Thị Uyên	Nữ	28-12-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		5.75	4.75	8.00	18.50	19.50	
102	B	SPHB019340	Hoàng Thị Hà Vi	Nữ	14-11-95	30006	30006	30006	30 09	2NT		8.25	3.25	6.50	18.00	19.00	
103	B	SPHB017794	Chu Hải Yến	Nữ	23-01-95	1A156	1A156	1A156	1A 06	3		8.00	5.00	6.00	19.00	19.00	
104	B	SPHB018677	Đặng Thị Hải Yến	Nữ	09-01-95	03014	03014	03014	03 03	3		7.75	5.50	6.50	19.75	20.00	
105	B	SPHB017796	Hoàng Thị Yến	Nữ	01-09-95	14017	14017	14017	14 07	1		6.75	4.50	7.00	18.25	20.00	
106	B	SPHB018678	Ngô Hải Yến	Nữ	03-03-95	03036	03036	03036	03 07	2		8.25	3.75	7.25	19.25	20.00	
107	B	SPHB018679	Trần Thị Yến	Nữ	20-10-95	03048	03048	03048	03 09	2		8.00	4.25	6.50	18.75	19.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D310401** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (NGOÀI SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD114947	Ngô Phương Anh	Nữ	05-09-95	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		6.75	7.00	6.00	19.75	21.00	
2	D1	SPHD114965	Nguyễn Ngọc ánh	Nữ	04-05-95	16071	16071	16071	16 07	2NT		5.00	6.00	6.50	17.50	18.50	
3	D1	SPHD114970	Nguyễn Thị Bình	Nữ	20-06-95	21044	21044	21044	21 06	2NT		6.25	5.25	7.00	18.50	19.50	
4	D1	SPHD114980	Nguyễn Thị Kiều Chinh	Nữ	24-10-95	24061	24061	24061	24 06	2NT		6.25	5.25	6.00	17.50	18.50	
5	D1	SPHD114987	Nguyễn Thuỳ Dung	Nữ	26-11-95	1A007	1A007	1A007	1A 03	3		7.25	8.00	6.00	21.25	21.50	
6	D1	SPHD114988	Trần Phương Dung	Nữ	19-01-95	1A263	1A263	1A263	1A 01	2		7.25	7.00	6.50	20.75	21.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D310401** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (NGOÀI SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
7	D1	SPHD115041	Vũ Thị Hồng	Nữ	05-04-95	27071	27071	27071	27 07	2NT		7.00	5.00	6.00	18.00	19.00	
8	D1	SPHD115054	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	29-09-94	1A070	1A070	1A070	1A 12	2		7.00	6.00	7.50	20.50	21.00	
9	D1	SPHD115066	Bùi Khánh Linh	Nữ	09-03-95	26009	26009	26009	26 02	2NT		7.25	5.50	5.50	18.25	19.50	
10	D1	SPHD115068	Đoàn Phương Linh	Nữ	29-01-95	1A156	1A156	1A156	1A 04	3		6.50	7.75	6.50	20.75	21.00	
11	D1	SPHD115073	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	08-03-95	1A036	1A040	1A040	1A 02	3		7.00	5.50	7.00	19.50	19.50	
12	D1	SPHD115080	Nguyễn Thuỳ Linh	Nữ	08-10-95	1A055	1A055	1A055	1A 09	3		7.25	6.50	7.00	20.75	21.00	
13	D1	SPHD115091	Nguyễn Ngọc Long	Nam	30-11-95	1A029	1A029	1A029	1A 01	3		8.75	6.50	3.50	18.75	19.00	
14	D1	SPHD115093	Dương Thị Ly	Nữ	27-08-95	16061	16061	16061	16 06	2NT		8.50	3.25	6.50	18.25	19.50	
15	D1	SPHD115106	Nguyễn Trà My	Nữ	23-06-95	1A015	1A015	1A015	1A 04	3		7.00	5.00	6.50	18.50	18.50	
16	D1	SPHD118967	Phạm Thị Nga	Nữ	11-10-95	03023	03023	03023	03 04	3	04	5.75	4.50	6.50	16.75	19.00	
17	D1	SPHD115112	Ngọ Thị Ngần	Nữ	24-10-95	18028	18028	18028	18 07	1		5.25	4.00	7.50	16.75	18.50	
18	D1	SPHD115122	Nguyễn Minh Nguyệt	Nữ	04-08-95	1A034	1A034	1A034	1A 06	2		4.50	7.50	6.50	18.50	19.00	
19	D1	SPHD115136	Hoàng Thu Phương	Nữ	21-05-95	1A029	1A029	1A029	1A 01	3		7.25	8.00	6.00	21.25	21.50	
20	D1	SPHD115150	Nguyễn Ngọc Quyên	Nữ	16-09-95	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		6.50	7.25	6.50	20.25	20.50	
21	D1	SPHD115176	Lê Phương Thuý	Nữ	28-02-95	1B170	1B170	1B170	1B 16	2		4.75	6.50	7.00	18.25	19.00	
22	D1	SPHD119460	Hồ Thị Quỳnh Trang	Nữ	29-08-95	29056	29056	29056	29 12	2NT	04	6.00	3.50	6.50	16.00	19.00	
23	D1	SPHD115195	Phạm Kiều Trang	Nữ	30-09-95	09009	09009	09009	09 01	1		6.50	5.75	5.00	17.25	19.00	
24	D1	SPHD115199	Đỗ Thu Trà	Nữ	25-01-95	1A001	1A001	1A001	1A 01	3		5.75	6.75	7.00	19.50	19.50	
25	D1	SPHD115220	Nguyễn Thị Yến	Nữ	15-02-94	25075	25075	25075	25 10	2NT		6.75	4.00	6.50	17.25	18.50	
26	D1	SPHD115221	Nguyễn Thị Yến	Nữ	29-07-93	16031	16031	16031	16 07	1		5.00	5.50	7.00	17.50	19.00	

Khối: D2 **Mã ngành: D310401** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (NGOÀI SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D2	SPHD215315	Nguyễn Hương Giang	Nữ	16-05-95	25002	25002	25002	25 01	2		6.75	7.00	7.00	20.75	21.50	

Khối: D3 **Mã ngành: D310401** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (NGOÀI SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D3	SPHD315382	Phùng Lê Duy	Nam	11-01-95	1A003	1A003	1A003	1A 04	3		4.75	8.00	6.00	18.75	19.00	
2	D3	SPHD319013	Trần Nguyễn Diệu Ly	Nữ	12-11-95	03013	03013	03013	03 03	3		4.25	8.00	6.00	18.25	18.50	

Danh sách này có 150 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D310403** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA003522	Lê Thị Lương	Nữ	01-05-95	1B236	1B236	1B236	1B 27	2NT		7.00	5.75	7.00	19.75	21.00	
2	A	SPHA003525	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	13-09-94	19020	19020	19020	19 03	2NT		7.00	5.50	6.75	19.25	20.50	

Khối: B **Mã ngành: D310403** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	B	SPHB017800	Nguyễn Thị Lệ Diễm	Nữ	17-02-94	1A061	1A061	1A061	1A 10	2		8.75	3.50	7.50	19.75	20.50	
2	B	SPHB017805	Phùng Thị Lý	Nữ	28-12-94	1B176	1B176	1B176	1B 17	2NT		7.50	4.25	7.00	18.75	20.00	
3	B	SPHB017653	Phạm Thị Ngần	Nữ	01-04-95	19014	19014	19014	19 08	2NT		5.50	6.50	5.50	17.50	18.50	
4	B	SPHB017807	Đào Thị Phương Nhã	Nữ	15-02-95	22011	22011	22011	22 01	2		7.25	4.50	7.50	19.25	20.00	
5	B	SPHB017808	Phan Thị Hương Sen	Nữ	15-01-95	22057	22057	22057	22 10	2NT		7.50	4.50	6.00	18.00	19.00	
6	B	SPHB018681	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	26-10-95	03072	03072	03072	03 12	2		8.50	7.00	5.75	21.25	22.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D310403** **Ngành: TÂM LÝ HỌC (SP)**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD115226	Lương Vân Anh	Nữ	16-06-95	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		6.75	8.50	7.00	22.25	22.50	
2	D1	SPHD115229	Quách Thị Bích Đào	Nữ	16-01-93	27032	27032	27032	23 10	1		7.00	3.50	7.50	18.00	19.50	
3	D1	SPHD115237	Vũ Thị Loan	Nữ	09-10-95	25076	25076	25076	25 10	2NT		6.50	3.75	7.00	17.25	18.50	
4	D1	SPHD115239	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	15-09-95	21036	21036	21036	21 07	2NT		6.00	5.25	7.50	18.75	20.00	

Danh sách này có 12 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D420101** **Ngành: SINH HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA003534	Nguyễn Quang Đạo	Nam	03-03-95	25027	25027	25027	25 04	2NT		7.50	5.75	8.25	21.50	22.50	
2	A	SPHA003542	Vũ Thị Hạnh	Nữ	28-10-95	21024	21024	21024	21 10	2NT		6.50	6.00	7.25	19.75	21.00	
3	A	SPHA003549	Phạm Thị Hồng Hoa	Nữ	21-11-95	25020	25020	25020	25 03	2NT		7.50	6.50	6.50	20.50	21.50	
4	A	SPHA003585	Hoàng Thị Phương	Nữ	23-10-95	25076	25076	25076	25 10	2NT		6.75	6.50	7.25	20.50	21.50	
5	A	SPHA003591	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Nữ	10-11-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		5.75	4.75	9.50	20.00	21.00	
6	A	SPHA003593	Nguyễn Thị Quỳnh Thu	Nữ	16-09-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		6.75	4.00	9.25	20.00	21.00	
7	A	SPHA003608	Đào Thị Hồng Vân	Nữ	06-11-95	22016	22016	22016	22 02	2NT		6.75	4.50	8.75	20.00	21.00	
8	A	SPHA019259	Hồ Thị Vinh	Nữ	10-02-95	29031	29031	29031	29 06	2NT		4.25	6.50	8.50	19.25	20.50	

Khối: B **Mã ngành: D420101** **Ngành: SINH HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	B	SPHB017817	Dương Quỳnh Anh	Nữ	23-09-95	1A003	1A003	1A003	1A 04	3		8.25	5.50	9.00	22.75	23.00	
2	B	SPHB017818	Dương Tú Anh	Nữ	27-01-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		6.75	5.00	8.25	20.00	21.00	
3	B	SPHB017823	Lê Thanh Mỹ Lệ Anh	Nữ	15-09-95	52001	52001	52001	26 01	2		7.75	5.50	7.75	21.00	21.50	
4	B	SPHB017825	Lê Tuấn Anh	Nam	06-04-94	24033	24033	24033	24 03	2NT		8.25	4.50	6.50	19.25	20.50	
5	B	SPHB017826	Ngô Kim Anh	Nữ	09-10-95	25059	25059	25059	25 08	2NT		9.00	5.50	7.00	21.50	22.50	
6	B	SPHB017831	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	17-02-95	19013	19013	19013	19 01	2		8.00	4.25	7.50	19.75	20.50	
7	B	SPHB017838	Triệu Thị Vân Anh	Nữ	16-09-95	18028	18028	18028	18 07	1		7.75	4.50	6.75	19.00	20.50	
8	B	SPHB018684	ứng Diệu Thảo Anh	Nữ	14-05-95	17001	17001	17001	17 01	2		7.50	8.50	6.75	22.75	23.50	
9	B	SPHB018685	Vũ Hồng Anh	Nữ	22-01-95	03014	03014	03014	03 03	3		8.50	5.50	8.75	22.75	23.00	
10	B	SPHB018686	Vũ Thị Mai Anh	Nữ	05-10-95	17067	17067	17067	17 11	2NT		7.25	6.00	7.25	20.50	21.50	
11	B	SPHB017849	Phạm Thị Bắc	Nữ	06-01-95	24051	24051	24051	24 05	2NT		6.75	6.00	7.25	20.00	21.00	
12	B	SPHB017859	Trần Thị Minh Châu	Nữ	29-10-95	1A040	1A040	1A040	1A 04	3		9.00	5.50	8.50	23.00	23.00	
13	B	SPHB017861	Phạm Văn Chính	Nam	19-09-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		7.00	4.75	7.75	19.50	20.50	
14	B	SPHB017865	Phùng Công Cường	Nam	13-04-95	1B176	1B176	1B176	1B 17	2NT		9.00	3.50	9.00	21.50	22.50	
15	B	SPHB017866	Nguyễn Thị Diệm	Nữ	03-12-95	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		8.00	4.50	7.50	20.00	20.50	
16	B	SPHB017874	Đinh Văn Duy	Nam	07-06-95	25021	25021	25021	25 03	2NT		6.25	6.25	7.50	20.00	21.00	
17	B	SPHB018689	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	30-04-95	17056	17056	17056	17 10	2NT		7.50	7.25	6.00	20.75	22.00	
18	B	SPHB017887	Phạm Thăng Đạt	Nam	10-04-95	1A070	1A070	1A070	1A 12	2		7.50	7.50	5.25	20.25	21.00	
19	B	SPHB018691	Đỗ Phú Đông	Nam	19-10-95	03007	03007	03007	03 01	3		8.75	4.25	8.50	21.50	21.50	
20	B	SPHB017892	Đinh Thị Hải Đường	Nữ	01-05-95	27042	27042	27042	27 04	2NT		6.25	5.00	8.00	19.25	20.50	

Khối: B **Mã ngành: D420101** **Ngành: SINH HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
21	B	SPHB017908	Vũ Thị Hà	Nữ	22-01-95	27042	27042	27042	27 04	2NT		8.00	4.50	6.75	19.25	20.50	
22	B	SPHB017912	Phan Chinh Hải	Nam	06-02-95	16012	16012	16012	16 04	2		8.25	6.25	8.50	23.00	23.50	
23	B	SPHB017919	Đinh Thị Mỹ Hạnh	Nữ	14-08-95	26041	26041	26041	26 06	2NT		8.00	6.75	8.00	22.75	24.00	
24	B	SPHB017927	Lê Thị Hằng	Nữ	12-04-95	26039	26039	26039	26 06	2NT		8.75	5.50	7.75	22.00	23.00	
25	B	SPHB017928	Lê Thị Thanh Hằng	Nữ	29-03-95	22020	22020	22020	22 03	2NT		7.25	6.50	8.00	21.75	23.00	
26	B	SPHB017938	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	01-04-95	1B245	1B245	1B245	1B 27	2NT		8.75	4.50	8.25	21.50	22.50	
27	B	SPHB017954	Đỗ Quỳnh Hoa	Nữ	16-08-95	1B245	1B245	1B245	1B 27	2NT		8.75	7.00	6.00	21.75	23.00	
28	B	SPHB017956	Kiều Hoa	Nữ	02-01-94	1B168	1B168	1B168	1B 17	2		8.25	4.25	8.50	21.00	21.50	
29	B	SPHB017971	Hoàng Thị Hồng	Nữ	24-03-95	26002	26002	26002	26 08	2		9.00	4.75	8.50	22.25	23.00	
30	B	SPHB017997	Trần Khánh Huyền	Nữ	08-09-95	25021	25021	25021	25 03	2NT		8.00	5.75	7.50	21.25	22.50	
31	B	SPHB018006	Nguyễn Thanh Hưng	Nam	10-10-95	16083	16083	16083	16 08	2		9.00	5.50	9.00	23.50	24.00	
32	B	SPHB018010	Đào Thị Thu Hương	Nữ	22-09-94	22057	22057	22057	22 10	2NT		8.25	4.50	8.25	21.00	22.00	
33	B	SPHB018023	Tạ Thị Thu Hương	Nữ	11-11-94	19016	19016	19016	19 05	2		7.75	4.75	7.25	19.75	20.50	
34	B	SPHB018026	Đào Thị Hường	Nữ	26-12-95	22039	22039	22039	22 06	2NT		6.50	7.50	5.75	19.75	21.00	
35	B	SPHB018029	Phùng Thị Hường	Nữ	07-09-95	16011	16011	16011	16 02	2		8.50	4.75	7.50	20.75	21.50	
36	B	SPHB018031	Nguyễn Thị Lam	Nữ	11-11-95	16012	16012	16012	16 05	2		8.25	4.00	8.00	20.25	21.00	
37	B	SPHB018043	Đỗ Thị Kim Liên	Nữ	27-02-95	1A029	1A029	1A029	1B 29	3		9.50	6.50	8.50	24.50	24.50	
38	B	SPHB018695	Vũ Thị ái Liên	Nữ	13-03-95	03064	03064	03064	03 11	2		6.75	5.25	8.50	20.50	21.00	
39	B	SPHB018053	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	20-06-95	15027	15027	15027	15 06	1		4.75	6.50	7.75	19.00	20.50	
40	B	SPHB018054	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	17-09-95	1B206	1B206	1B206	1B 21	2NT		7.50	4.75	7.50	19.75	21.00	
41	B	SPHB018060	Phạm Thuý Linh	Nữ	22-02-95	1B245	1B245	1B245	1B 28	2NT		8.00	5.25	8.50	21.75	23.00	
42	B	SPHB018084	Đào Thị Ngọc Mai	Nữ	15-01-95	25051	25051	25051	25 07	2NT		8.00	6.00	5.50	19.50	20.50	
43	B	SPHB018091	Nguyễn Bá Thị Mai	Nữ	31-01-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		4.75	7.75	6.75	19.25	20.50	
44	B	SPHB018096	Trương Quỳnh Mai	Nữ	06-12-95	25003	25003	25003	25 01	2		7.50	6.00	6.50	20.00	20.50	
45	B	SPHB018097	Nguyễn Thị May	Nữ	04-05-95	26009	26009	26009	26 02	2NT		7.50	5.00	7.25	19.75	21.00	
46	B	SPHB018103	Hoàng Hà My	Nữ	10-11-95	15001	15001	15001	15 01	2		9.00	4.50	8.25	21.75	22.50	
47	B	SPHB018115	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	19-12-95	18011	18011	18011	18 01	2		8.00	5.75	6.75	20.50	21.00	
48	B	SPHB018116	Vũ Thuý Ngân	Nữ	12-12-95	1B242	1B242	1B242	1B 28	2NT		8.00	4.75	6.50	19.25	20.50	
49	B	SPHB018118	Vũ Văn Nghĩa	Nam	12-09-95	26025	26025	26025	26 07	2NT		7.50	8.00	6.75	22.25	23.50	
50	B	SPHB018134	Lê Thị Minh Nguyệt	Nữ	06-06-95	1A085	1A085	1A085	1A 14	2		8.25	4.50	7.50	20.25	21.00	
51	B	SPHB018145	Đoàn Thị Phương Nhung	Nữ	25-10-95	22041	22041	22041	22 06	2NT		8.25	5.50	7.25	21.00	22.00	
52	B	SPHB018163	Nguyễn Thị Phương	Nữ	15-10-95	1A081	1A081	1A081	1A 13	2		8.50	6.00	8.50	23.00	23.50	
53	B	SPHB018165	Nguyễn Thị Phương	Nữ	12-07-95	18027	18027	18027	18 07	2NT		7.50	5.50	6.75	19.75	21.00	
54	B	SPHB018168	Phạm Mỹ Phương	Nữ	15-08-95	26039	26039	26039	26 06	2NT		8.50	4.25	7.50	20.25	21.50	

Khối: B **Mã ngành: D420101** **Ngành: SINH HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Sinh	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
55	B	SPHB018174	Ngô Thị Phượng	Nữ	31-10-95	21028	21028	21028	21 04	1		8.00	5.25	7.50	20.75	22.50	
56	B	SPHB018201	Nguyễn Thị Bích Thảo	Nữ	16-02-95	1A081	1A081	1A081	1A 13	2		8.75	5.50	8.25	22.50	23.00	
57	B	SPHB018202	Nguyễn Thị Kim Thảo	Nữ	19-06-95	1B162	1B162	1B162	1B 15	3		6.50	8.75	6.50	21.75	22.00	
58	B	SPHB018220	Nguyễn Thị Kim Thu	Nữ	08-07-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		8.00	7.25	6.00	21.25	22.50	
59	B	SPHB018224	Bùi Thị Thuyên	Nữ	11-11-95	18016	18016	18016	18 03	1		6.50	6.50	7.00	20.00	21.50	
60	B	SPHB018711	Lê Diệu Thuỳ	Nữ	21-11-95	17024	17024	17024	17 03	2		7.50	6.50	8.25	22.25	23.00	
61	B	SPHB018229	Hạ Thị Minh Thuý	Nữ	19-02-95	1A087	1A087	1A087	1B 29	2		7.50	7.25	7.75	22.50	23.00	
62	B	SPHB018230	Phạm Thị Phương Thuý	Nữ	22-09-95	26025	26025	26025	26 04	2NT		8.50	5.25	6.50	20.25	21.50	
63	B	SPHB018241	Trần Thu Thuỷ	Nữ	22-03-95	26034	26034	26034	26 05	2NT		6.25	7.50	7.50	21.25	22.50	
64	B	SPHB018245	Phạm Thị Thư	Nữ	06-07-95	07001	07001	07001	07 01	1		7.25	6.50	6.25	20.00	21.50	
65	B	SPHB018250	Phạm Thị Thương	Nữ	05-09-95	09031	09031	09031	09 06	1		5.75	7.50	7.00	20.25	22.00	
66	B	SPHB018253	Cao Thị Trang	Nữ	12-07-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		7.75	4.50	8.00	20.25	21.50	
67	B	SPHB018259	Nguyễn Hà Quỳnh Trang	Nữ	23-12-95	1B231	1B231	1B231	1B 26	2NT		7.75	5.25	7.00	20.00	21.00	
68	B	SPHB018712	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	30-01-95	17001	17001	17001	17 01	2		7.75	6.75	8.50	23.00	23.50	
69	B	SPHB018265	Phùng Thị Trang	Nữ	30-10-95	1B184	1B184	1B184	1B 18	2NT		8.00	4.25	8.00	20.25	21.50	
70	B	SPHB018282	Nguyễn Thị Tú	Nữ	20-04-95	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		6.50	7.75	6.25	20.50	21.00	
71	B	SPHB018713	Nguyễn Thị Bích Vân	Nữ	05-06-95	17007	17007	17007	17 03	2		8.50	6.25	9.00	23.75	24.50	
72	B	SPHB018295	Bùi Anh Vũ	Nam	05-09-95	16011	16011	16011	16 01	2		8.50	4.00	9.50	22.00	22.50	
73	B	SPHB018300	Phạm Văn Xuân	Nam	05-05-95	1B162	1B162	1B162	1B 21	3		7.75	4.25	8.50	20.50	20.50	
74	B	SPHB018714	Bùi Như Yến	Nữ	01-11-95	03072	03072	03072	03 12	2		8.75	5.50	7.50	21.75	22.50	
75	B	SPHB018301	Nguyễn Thị Yến	Nữ	14-04-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		5.00	7.50	8.00	20.50	21.50	

Danh sách này có 83 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D460101** **Ngành: TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA003616	Đỗ Việt Anh	Nữ	07-09-95	1A017	1A017	1A017	1A 08	3		7.00	7.25	8.75	23.00	23.00	
2	A	SPHA003622	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	26-03-95	1B162	1B220	1B220	1B 24	2NT		8.00	5.25	9.00	22.25	23.50	
3	A	SPHA003624	Trần Nhung Anh	Nữ	22-09-95	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		6.75	6.75	7.75	21.25	21.50	
4	A	SPHA003631	Nguyễn Thị Chúc	Nữ	05-01-95	25062	25062	25062	25 08	2NT		8.75	7.50	8.25	24.50	25.50	
5	A	SPHA003661	Nguyễn Thị Ngọc Hảo	Nữ	14-10-95	1B245	1B245	1B245	1B 27	2NT		7.75	7.50	7.50	22.75	24.00	
6	A	SPHA003667	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	06-06-95	22060	22060	22060	22 10	2NT		8.00	7.75	8.50	24.25	25.50	
7	A	SPHA003668	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	22-02-95	1B220	1B220	1B220	1B 24	2NT		7.50	6.50	7.00	21.00	22.00	
8	A	SPHA003669	Bùi Thị Hiền	Nữ	29-05-95	25028	25028	25028	25 04	2NT		8.00	7.25	9.00	24.25	25.50	
9	A	SPHA003677	Đỗ Quỳnh Hoa	Nữ	16-08-95	1B245	1B245	1B245	1B 27	2NT		8.00	6.50	8.00	22.50	23.50	
10	A	SPHA003678	Hoàng Kim Hoài	Nữ	29-08-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		6.00	6.25	8.00	20.25	21.50	
11	A	SPHA003680	Chu Thị Bích Hồng	Nữ	24-02-95	22060	22060	22060	22 10	2NT		7.00	6.75	7.75	21.50	22.50	
12	A	SPHA003684	Hoàng Mai Huyền	Nữ	28-09-95	22060	22060	22060	22 10	2NT		8.25	6.50	8.50	23.25	24.50	
13	A	SPHA003687	Nguyễn Mai Hương	Nữ	26-11-95	1B163	1B163	1B163	1B 15	3		8.25	6.25	7.50	22.00	22.00	
14	A	SPHA003699	Lê Thị Linh	Nữ	27-12-95	22012	22012	22012	22 01	2		6.50	6.50	7.75	20.75	21.50	
15	A	SPHA003714	Nguyễn Thị Hoài May	Nữ	24-10-95	21032	21032	21032	21 05	2NT	04	6.50	5.50	7.25	19.25	22.50	
16	A	SPHA003719	Dương Thị Ngọc	Nữ	17-02-94	1A071	1A071	1A071	1A 12	2		7.25	5.75	8.00	21.00	21.50	
17	A	SPHA003777	Nguyễn Viết Sơn Tùng	Nam	20-12-95	26004	26004	26004	26 01	2		7.50	6.75	7.50	21.75	22.50	
18	A	SPHA003781	Vũ Thị Tươi	Nữ	09-12-93	26033	26033	26033	26 05	2NT		8.25	4.25	8.75	21.25	22.50	

Khối: A1 **Mã ngành: D460101** **Ngành: TOÁN HỌC**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA105290	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Nữ	26-04-95	1A068	1A068	1A068	1A 11	2		7.25	6.50	7.00	20.75	21.50	

Danh sách này có 19 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: A **Mã ngành: D480201** **Ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Hoá	Tổng	TC	Ghi chú
1	A	SPHA003799	Nguyễn Mỹ Dung	Nữ	08-05-95	1A013	1A013	1A013	1A 03	3		5.50	5.25	6.50	17.25	17.50	
2	A	SPHA003801	Đào Trung Dũng	Nam	20-11-95	24061	24061	24061	24 06	2NT		6.75	5.50	6.75	19.00	20.00	
3	A	SPHA003806	Vũ Văn Đồng	Nam	07-05-94	28121	28121	28121	28 24	2NT		5.50	6.50	4.75	16.75	18.00	
4	A	SPHA018583	Phạm Minh Đức	Nam	16-08-95	03002	03002	03002	03 09	3		8.25	6.00	9.00	23.25	23.50	
5	A	SPHA003817	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	05-06-95	16011	16011	16011	16 01	2		5.50	6.25	5.00	16.75	17.50	
6	A	SPHA003819	Bùi Đức Hiếu	Nam	04-09-95	1B210	1B210	1B210	1B 22	2NT		6.50	5.75	6.50	18.75	20.00	
7	A	SPHA003829	Vũ Đức Hùng	Nam	12-09-95	1A037	1A037	1A037	1A 06	3		7.50	6.75	4.50	18.75	19.00	
8	A	SPHA003847	Nguyễn Đăng Nhật	Nam	22-04-95	15029	15029	15029	15 06	2NT		5.75	5.75	6.00	17.50	18.50	
9	A	SPHA003853	Nguyễn Thị Phương	Nữ	25-02-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		4.00	6.75	7.25	18.00	19.00	
10	A	SPHA003855	Phùng Thị Phương	Nữ	25-07-95	1B170	1B170	1B170	1B 16	2		5.00	5.50	7.00	17.50	18.00	
11	A	SPHA003869	Nguyễn Thế Thảo	Nam	13-03-95	29127	29127	29127	29 11	2NT		5.75	5.50	5.25	16.50	17.50	
12	A	SPHA003876	Trần Thị Tin	Nữ	06-02-95	19018	19018	19018	19 03	2NT		5.75	6.25	4.25	16.25	17.50	
13	A	SPHA003879	Lê Thị Thiên Trang	Nữ	05-01-95	24055	24055	24055	24 05	01		5.75	6.00	6.50	18.25	18.50	
14	A	SPHA018585	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	02-03-95	03002	03002	03002	03 01	3		6.25	5.50	6.50	18.25	18.50	
15	A	SPHA018586	Phạm Thanh Tùng	Nam	17-07-95	17025	17025	17025	17 03	1		6.25	7.00	6.50	19.75	21.50	
16	A	SPHA003891	Nguyễn Thị Vân	Nữ	21-11-95	15010	15010	15010	15 02	2		6.25	6.75	4.75	17.75	18.50	

Khối: A1 **Mã ngành: D480201** **Ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
1	A1	SPHA105301	Nguyễn Hà Minh Anh	Nữ	14-06-95	24012	24012	24012	24 05	2		6.25	4.25	6.50	17.00	17.50	
2	A1	SPHA105308	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	07-12-95	1A002	1A002	1A002	1A 07	3		6.25	3.50	8.00	17.75	18.00	
3	A1	SPHA119280	Phạm Thục Anh	Nữ	29-08-95	29006	29006	29006	29 01	2		8.50	2.50	8.00	19.00	19.50	
4	A1	SPHA105317	Đỗ Thị Kim Chi	Nữ	30-07-95	25038	25038	25038	25 05	2NT		6.50	4.50	7.50	18.50	19.50	
5	A1	SPHA105318	Nguyễn Hoàng Yến Chi	Nữ	02-01-95	25002	25002	25002	25 01	2		6.75	1.75	8.50	17.00	17.50	
6	A1	SPHA105321	Nguyễn Đức Chính	Nam	18-08-95	02043	1B253	1B253	1B 29	2NT		7.50	6.25	3.50	17.25	18.50	
7	A1	SPHA105322	Nguyễn Vũ Công	Nam	22-02-95	18032	18032	18032	18 09	2NT		8.00	3.25	7.50	18.75	20.00	
8	A1	SPHA105335	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	13-06-95	24041	24041	24041	24 04	2NT		6.25	3.50	8.50	18.25	19.50	
9	A1	SPHA105343	Lại Minh Đức	Nam	23-12-95	1A033	1A033	1A033	1A 06	3		7.50	3.75	7.00	18.25	18.50	
10	A1	SPHA105346	Cao Hương Giang	Nữ	21-09-95	15017	15017	15017	15 03	1		5.00	4.50	8.25	17.75	19.50	
11	A1	SPHA105347	Đặng Minh Giang	Nam	10-08-95	26018	26018	26018	26 03	2NT		5.25	4.00	8.00	17.25	18.50	
12	A1	SPHA105352	Bùi Thị Hà	Nữ	18-08-95	25067	25067	25067	25 08	2NT		6.00	4.25	6.50	16.75	18.00	

Khối: A1 **Mã ngành: D480201** **Ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
13	A1	SPHA105366	Nguyễn Đức Hạnh	Nam	17-08-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		6.25	4.50	8.25	19.00	20.00	
14	A1	SPHA105370	Phạm Thị Hằng	Nữ	08-04-95	22032	22032	22032	22 04	2NT		5.00	7.25	5.25	17.50	18.50	
15	A1	SPHA105375	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	31-07-95	16012	16012	16012	16 02	2		8.50	2.50	9.00	20.00	20.50	
16	A1	SPHA105380	Phạm Thị Hiển	Nữ	21-07-95	27062	27062	27062	27 06	1		6.25	4.50	7.50	18.25	20.00	
17	A1	SPHA105386	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	31-03-95	19021	19021	19021	19 06	2NT		5.00	3.25	8.50	16.75	18.00	
18	A1	SPHA105391	Nguyễn Thị Phương Hồng	Nữ	15-11-95	25016	25016	25016	25 02	2NT		5.75	3.50	7.00	16.25	17.50	
19	A1	SPHA105393	Phạm Thị Hợp	Nữ	20-06-95	22020	22020	22020	22 03	2NT		5.75	3.25	7.50	16.50	17.50	
20	A1	SPHA105394	Đinh Thị Huệ	Nữ	14-08-95	25021	25021	25021	25 03	2NT		5.50	3.50	8.00	17.00	18.00	
21	A1	SPHA105396	Trịnh Thị Hồng Huệ	Nữ	20-02-95	25038	25038	25038	25 05	2NT		8.00	3.50	6.50	18.00	19.00	
22	A1	SPHA105399	Chu Thị Huyền	Nữ	11-01-95	18032	18032	18032	18 09	2NT		8.00	4.50	8.50	21.00	22.00	
23	A1	SPHA105404	Vũ Bích Huyền	Nữ	29-10-95	25002	25002	25002	25 01	2		7.00	1.75	8.50	17.25	18.00	
24	A1	SPHA105405	Vũ Thị Thu Huyền	Nữ	25-11-94	26041	26041	26041	26 06	2NT		6.25	3.25	7.25	16.75	18.00	
25	A1	SPHA105406	Phạm Huy Hùng	Nam	31-01-95	24055	24055	1A064	24 05	1		7.00	2.00	7.75	16.75	18.50	
26	A1	SPHA105408	Nguyễn Thành Hưng	Nam	27-05-95	1A037	1A037	1A037	1A 01	3		7.75	4.25	8.50	20.50	20.50	
27	A1	SPHA105411	Đặng Thị Thu Hương	Nữ	17-10-95	21013	21013	21013	21 01	2		5.75	3.50	9.25	18.50	19.00	
28	A1	SPHA105414	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	20-11-95	1A144	1A144	1A144	1A 06	3		6.25	3.00	9.00	18.25	18.50	
29	A1	SPHA105421	Lê Hoàng Kha	Nam	19-04-94	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		6.75	5.50	5.75	18.00	18.00	
30	A1	SPHA105424	Cao Thị Phương Lan	Nữ	22-04-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		5.50	4.50	8.00	18.00	19.00	
31	A1	SPHA105425	Dương Thị Lan	Nữ	14-02-95	19048	19048	19048	19 01	2NT		3.75	6.25	6.50	16.50	17.50	
32	A1	SPHA105429	Nguyễn Phương Liên	Nữ	06-03-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		4.75	3.50	8.00	16.25	17.50	
33	A1	SPHA105433	Nguyễn Hoài Linh	Nữ	28-10-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		6.25	2.50	9.00	17.75	19.00	
34	A1	SPHA105448	Đặng Thị Tuyết Mai	Nữ	25-12-95	25016	25016	25016	25 02	2NT		6.75	3.25	7.50	17.50	18.50	
35	A1	SPHA105450	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	04-10-95	1A001	1A001	1A001	1A 01	3		6.00	3.00	8.50	17.50	17.50	
36	A1	SPHA105452	Nguyễn Tuấn Minh	Nam	04-04-95	1A144	1A144	1A144	1A 04	3		6.50	2.75	9.25	18.50	18.50	
37	A1	SPHA105456	Công Hải Nga	Nữ	09-05-95	1A032	1A032	1A032	1A 06	3		8.25	2.75	8.75	19.75	20.00	
38	A1	SPHA119285	Vũ Thị Quỳnh Ngân	Nữ	22-11-95	29002	29002	29002	29 01	2		7.25	4.00	6.50	17.75	18.50	
39	A1	SPHA105463	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	13-09-95	18032	18032	18032	18 09	2NT		6.75	3.00	7.50	17.25	18.50	
40	A1	SPHA105472	Nguyễn Kim Oanh	Nữ	09-10-95	1B212	1B212	1B212	1B 22	2NT		5.25	4.25	8.50	18.00	19.00	
41	A1	SPHA105473	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	18-12-95	25021	25021	25021	25 03	2NT		6.50	4.00	8.00	18.50	19.50	
42	A1	SPHA105476	Bùi Đức Phúc	Nam	30-08-95	1A018	1A018	1A018	1A 04	3		4.75	5.25	8.00	18.00	18.00	
43	A1	SPHA105477	Hoàng Phúc	Nam	15-11-95	1A037	1A037	1A037	1A 06	3		7.25	1.75	9.00	18.00	18.00	
44	A1	SPHA105486	Nguyễn Thị Hồng Phương	Nữ	05-09-95	19013	19013	19013	19 01	2		6.75	2.75	7.75	17.25	18.00	
45	A1	SPHA105489	Nguyễn Thị Phương	Nữ	04-08-95	19018	19018	19018	19 03	2NT		5.00	3.25	8.50	16.75	18.00	
46	A1	SPHA105499	Đào Diệu Quỳnh	Nữ	08-08-95	19018	19018	19018	19 03	2NT		7.00	2.25	9.25	18.50	19.50	

Khối: A1 **Mã ngành: D480201** **Ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	Lý	Anh	Tổng	TC	Ghi chú
47	A1	SPHA119286	Phan Thị Hoa Quỳnh	Nữ	16-01-95	29002	29002	29002	29 01	2		7.00	3.25	8.00	18.25	19.00	
48	A1	SPHA105503	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	05-10-95	26052	26052	26052	26 08	2NT		5.50	4.75	8.25	18.50	19.50	
49	A1	SPHA118611	Tô Trung Sơn	Nam	26-07-95	03002	03002	03002	03 02	3		7.00	6.25	7.50	20.75	21.00	
50	A1	SPHA105510	Nguyễn Văn Thanh	Nam	27-09-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		6.00	6.50	7.00	19.50	20.50	
51	A1	SPHA105512	Lưu Thị Phương Thảo	Nữ	18-05-95	1A002	1A002	1A002	1A 01	3		8.25	2.25	8.50	19.00	19.00	
52	A1	SPHA105513	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	05-10-95	1A033	1A033	1A033	1A 10	3		7.50	3.00	8.50	19.00	19.00	
53	A1	SPHA105514	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	04-06-95	19016	19016	19016	19 05	2		6.25	3.75	7.50	17.50	18.00	
54	A1	SPHA105521	Nguyễn Kim Thoa	Nữ	22-06-95	26002	26026	26026	26 04	2NT		7.25	4.50	8.25	20.00	21.00	
55	A1	SPHA105522	Hà Thị Thu	Nữ	18-10-95	19018	19018	19018	19 03	2NT		6.75	2.25	8.50	17.50	18.50	
56	A1	SPHA105527	Hoàng Thị Thuỷ	Nữ	09-08-95	25077	25077	25077	25 10	2NT		7.75	4.75	5.25	17.75	19.00	
57	A1	SPHA105530	Lê Thị Thường	Nữ	20-11-95	1A079	1A079	1A079	1A 13	2		6.50	4.50	7.25	18.25	19.00	
58	A1	SPHA105531	Nguyễn Thịnh Tiến	Nam	09-09-95	1B197	1B197	1B197	1B 20	2NT		4.75	7.25	4.50	16.50	17.50	
59	A1	SPHA105538	Nguyễn Linh Trang	Nữ	25-06-95	1A158	1A158	1A158	1A 10	2		6.75	3.50	7.00	17.25	18.00	
60	A1	SPHA105543	Trần Linh Trang	Nữ	06-10-95	1A008	1A008	1A008	1A 02	3		6.75	3.25	8.50	18.50	18.50	
61	A1	SPHA105549	Nguyễn Thành Trung	Nam	30-12-95	1B189	1B189	1B189	1B 19	2NT		5.25	6.50	6.50	18.25	19.50	
62	A1	SPHA119289	Lê Thị Trúc	Nữ	17-11-95	29067	29067	29067	29 14	2NT		6.75	5.50	6.25	18.50	19.50	
63	A1	SPHA105554	Nguyễn Trắc Tuấn	Nam	06-01-95	21035	21035	21035	21 07	2NT		5.00	6.25	7.00	18.25	19.50	
64	A1	SPHA105568	Hoàng Thị Thanh Xuân	Nữ	18-03-95	26004	26004	26004	26 01	2		7.25	2.50	7.25	17.00	17.50	
65	A1	SPHA105569	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	27-04-95	25043	25043	25043	25 06	2NT		7.75	3.50	8.75	20.00	21.00	
66	A1	SPHA105570	Nguyễn Thị Yến	Nữ	16-05-95	19010	19010	19010	19 07	2NT		7.50	3.00	8.00	18.50	19.50	
67	A1	SPHA105572	Nguyễn Thị Yến	Nữ	23-04-95	16012	16012	16012	16 06	2		8.50	2.50	8.25	19.25	20.00	

Danh sách này có 83 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC 2013

Khối: C **Mã ngành: D760101** **Ngành: CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	C	SPHC010994	Đại Thị Phương Anh	Nữ	29-10-95	16055	16055	16055	16 05	2NT		6.75	3.00	6.00	15.75	17.00	
2	C	SPHC010999	Nguyễn Kim Anh	Nữ	20-08-95	1B176	1B176	1B176	1B 17	2NT		6.50	3.25	7.00	16.75	18.00	
3	C	SPHC011001	Nguyễn Thị Anh	Nữ	20-02-95	1B178	1B178	1B178	1B 17	2NT		7.00	7.25	3.50	17.75	19.00	
4	C	SPHC011004	Phạm Vân Anh	Nữ	19-11-95	26041	26041	26041	26 06	2NT		6.75	6.50	6.50	19.75	21.00	
5	C	SPHC011005	Quách Tú Anh	Nữ	05-07-95	23047	23047	23047	23 10	1	01	6.50	3.00	6.00	15.50	19.00	
6	C	SPHC018828	Trần Kim Anh	Nữ	26-01-95	17005	17005	17005	17 01	2		7.25	5.00	7.00	19.25	20.00	
7	C	SPHC011020	Lê Thuỳ Dung	Nữ	16-03-95	28002	28002	28002	28 01	2		6.75	5.50	7.50	19.75	20.50	
8	C	SPHC011021	Lý Thị Dung	Nữ	15-01-95	16015	16015	16015	16 09	1	01	5.75	3.00	5.50	14.25	18.00	
9	C	SPHC011026	Quách Thị Dung	Nữ	05-02-95	23022	23022	23022	23 04	1	01	4.25	3.50	4.50	12.25	16.00	
10	C	SPHC011032	Trịnh Thị Thuỳ Dương	Nữ	16-11-95	1B162	1B162	1B162	1B 27	3		6.50	4.25	5.50	16.25	16.50	
11	C	SPHC011033	Lò Thị Đào	Nữ	24-06-95	23018	23018	23018	23 02	1	01	6.25	3.25	6.50	16.00	19.50	
12	C	SPHC011037	Dương Thị Thu Hà	Nữ	11-05-95	15001	15001	15001	15 01	2		6.50	2.00	7.50	16.00	16.50	
13	C	SPHC011041	Phùng Thị Hà	Nữ	22-03-95	1B178	1B178	1B178	1B 17	2NT		5.25	6.00	5.00	16.25	17.50	
14	C	SPHC011043	Vũ Thị Hà	Nữ	12-09-95	1B215	1B215	1B215	1B 23	2NT		5.25	4.25	7.50	17.00	18.00	
15	C	SPHC011044	Lê Thị Thanh Hải	Nữ	05-11-95	1B178	1B178	1B178	1B 17	2NT		5.25	3.00	6.50	14.75	16.00	
16	C	SPHC011046	Đỗ Thu Hằng	Nữ	01-06-94	23025	23025	23025	23 05	1		3.00	9.00	5.50	17.50	19.00	
17	C	SPHC019422	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	20-07-95	29074	29074	29074	29 15	1		6.75	6.50	4.50	17.75	19.50	
18	C	SPHC011060	Đinh Thị Hoà	Nữ	04-03-95	26042	26042	26042	26 06	2NT		6.25	5.00	3.50	14.75	16.00	
19	C	SPHC011069	Trần Thị Thu Huyền	Nữ	28-11-95	24045	24045	24045	24 04	2NT		7.75	5.25	7.00	20.00	21.00	
20	C	SPHC011070	Đinh Thị Hương	Nữ	04-04-95	27051	27051	27051	27 05	2NT		6.75	5.25	5.00	17.00	18.00	
21	C	SPHC011075	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	02-07-95	12010	12010	12010	12 01	2		6.50	6.25	7.50	20.25	21.00	
22	C	SPHC018832	Phạm Thị Hương	Nữ	14-04-95	17031	17031	17031	17 04	2		5.75	3.50	6.00	15.25	16.00	
23	C	SPHC011080	Bùi Thị Lan	Nữ	10-01-95	23034	23034	23034	23 08	1	01	6.75	5.25	5.00	17.00	20.50	
24	C	SPHC011090	Trần Diệu Linh	Nữ	17-06-95	19009	19009	19009	19 01	2		5.75	4.75	6.00	16.50	17.00	
25	C	SPHC011093	Hoàng Bích Loan	Nữ	20-10-95	09015	09015	09015	09 02	1	01	6.50	2.00	5.00	13.50	17.00	
26	C	SPHC011100	Đinh Thị Lý	Nữ	05-12-94	15032	15032	15032	15 07	1	01	7.50	6.50	6.00	20.00	23.50	
27	C	SPHC011103	Lương Huyền Mai	Nữ	11-02-95	15015	15015	15015	15 03	1		8.25	8.50	6.50	23.25	25.00	
28	C	SPHC011106	Trần Thị Mai	Nữ	08-07-95	1B226	1B226	1B226	1B 25	2NT		5.75	2.50	7.00	15.25	16.50	
29	C	SPHC011110	Nguyễn Thị Thu Mến	Nữ	20-08-95	16063	16063	16063	16 06	2NT		6.50	5.75	7.50	19.75	21.00	
30	C	SPHC011112	Quách Thị Nguyệt Minh	Nữ	16-01-95	26011	26011	26011	26 02	2NT		5.25	4.50	5.00	14.75	16.00	

Khối: C **Mã ngành: D760101** **Ngành: CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Địa	Sử	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
31	C	SPHC011115	Đào Thị Nga	Nữ	16-05-95	15053	15053	15053	15 12	1		7.25	3.00	6.00	16.25	18.00	
32	C	SPHC011124	Phạm Thị Như Nguyệt	Nữ	16-02-95	19027	19027	19027	19 01	2		7.25	5.00	4.50	16.75	17.50	
33	C	SPHC011130	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	25-04-95	15029	15029	15029	15 06	2NT		7.00	6.00	6.50	19.50	20.50	
34	C	SPHC011136	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	14-09-95	1B249	1B249	1B249	1B 29	2NT		6.00	6.00	6.50	18.50	19.50	
35	C	SPHC011142	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	26-07-95	21022	21022	21022	21 10	2NT		6.00	3.50	6.00	15.50	16.50	
36	C	SPHC011145	Thân Kiều Phương	Nam	09-09-93	18035	18035	18035	18 10	1		7.25	4.00	5.50	16.75	18.50	
37	C	SPHC011147	Phan Thị Quyên	Nữ	06-04-95	21074	21074	21074	21 02	1		6.50	4.50	4.50	15.50	17.00	
38	C	SPHC011151	Nguyễn Thị Kim Quý	Nữ	05-04-95	19024	19024	19024	19 04	2NT		7.00	5.25	8.00	20.25	21.50	
39	C	SPHC011152	Sìn Thị Sán	Nữ	19-11-95	05015	05015	05015	05 11	1	01	7.50	3.50	6.00	17.00	20.50	
40	C	SPHC011156	Lã Thị Thanh Tâm	Nữ	25-06-95	1B176	1B176	1B176	1B 17	2NT		7.75	3.50	5.50	16.75	18.00	
41	C	SPHC011158	Triệu Thị Tâm	Nữ	04-10-95	09008	09008	09008	09 03	1	01	6.50	7.25	6.00	19.75	23.50	
42	C	SPHC011159	Phạm Thị Tân	Nữ	15-03-95	18024	18024	18024	18 06	1		7.00	1.00	6.50	14.50	16.00	
43	C	SPHC011162	Chu Thị Thảo	Nữ	17-03-95	19009	19009	19009	19 01	2		8.25	6.00	7.00	21.25	22.00	
44	C	SPHC011163	Đỗ Thị Thu Thảo	Nữ	17-12-95	23034	23034	23034	23 08	1		6.25	1.50	6.50	14.25	16.00	
45	C	SPHC011170	Đặng Thị Thơm	Nữ	27-01-95	1B214	1B214	1B214	1B 23	2NT		4.75	3.50	7.00	15.25	16.50	
46	C	SPHC011173	Nguyễn Thị Kim Thu	Nữ	09-09-95	18031	18031	18031	18 08	1		6.50	3.50	5.00	15.00	16.50	
47	C	SPHC011174	Nguyễn Thị Thu	Nữ	04-02-95	1B221	1B221	1B221	1B 24	2NT		4.75	5.00	5.00	14.75	16.00	
48	C	SPHC011177	Bàn Xuân Thuỷ	Nữ	14-04-95	09008	09008	09008	09 02	1	01	6.75	4.25	5.50	16.50	20.00	
49	C	SPHC011178	Nguyễn Thị Thuỷ	Nữ	26-06-95	28106	28106	28106	28 26	2NT		5.50	4.50	7.50	17.50	18.50	
50	C	SPHC019427	Phạm Thị Trang	Nữ	08-05-95	29062	29062	29062	29 12	2NT		6.50	4.50	6.00	17.00	18.00	
51	C	SPHC011187	Bùi Thị Tuyên	Nữ	03-07-95	23023	23023	23023	23 04	1	01	5.25	3.00	4.00	12.25	16.00	
52	C	SPHC011189	Phạm Thị Tuyền	Nữ	23-02-95	1A067	1A067	1A067	1A 11	2		6.00	4.50	6.50	17.00	17.50	
53	C	SPHC011201	Lê Thị Hải Yến	Nữ	13-08-95	1B178	1B178	1B178	1B 17	2NT		7.25	3.25	5.50	16.00	17.00	
54	C	SPHC011202	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	11-07-95	15051	15051	15051	15 11	1	04	4.75	4.50	4.00	13.25	17.00	

Khối: D1 **Mã ngành: D760101** **Ngành: CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
1	D1	SPHD115250	Lò Thị Mai Bình	Nữ	03-12-95	07009	07009	07009	07 03	1	01	5.75	3.50	5.00	14.25	18.00	
2	D1	SPHD115251	Lê Thị Kim Dung	Nữ	04-06-94	26026	26026	26026	26 04	2NT		6.75	4.00	5.50	16.25	17.50	
3	D1	SPHD115268	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	18-04-95	1B178	1B178	1B178	1B 17	2NT		3.25	4.00	7.50	14.75	16.00	
4	D1	SPHD115269	Vũ Thị Thu Hường	Nữ	15-09-94	15027	15027	15027	15 06	1		4.25	4.00	7.00	15.25	17.00	
5	D1	SPHD115271	Nguyễn Thị Lan	Nữ	14-06-94	25075	25075	25075	25 10	2NT		5.25	4.00	6.00	15.25	16.50	
6	D1	SPHD115275	Đoàn Khánh Linh	Nữ	05-01-95	1A156	1A156	1A156	1A 06	3		7.00	3.50	6.50	17.00	17.00	
7	D1	SPHD115276	Nguyễn Phương Linh	Nữ	09-05-95	1A144	1A144	1A144	1A 06	3		4.75	7.50	7.00	19.25	19.50	

Khối: D1 **Mã ngành: D760101** **Ngành: CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Stt	Khối	SBD	Họ tên	GT	Ngày Sinh	THPT10	THPT11	THPT12	HK	KV	ĐT	Toán	NN	Văn	Tổng	TC	Ghi chú
8	D1	SPHD115281	Lý Trà My	Nữ	29-11-94	1B163	1B163	1B163	1B 15	3		7.00	6.25	5.50	18.75	19.00	
9	D1	SPHD115282	Nguyễn Thị My	Nữ	25-01-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		4.25	4.50	6.50	15.25	16.50	
10	D1	SPHD115284	Vũ Thị Ngọc	Nữ	29-06-95	1B249	1B249	1B249	1B 29	2NT		5.25	3.00	7.00	15.25	16.50	
11	D1	SPHD115288	Trần Lan Phương	Nữ	15-11-95	1A000	1A000	1A000	1A 01	3		6.00	3.00	7.00	16.00	16.00	
12	D1	SPHD118973	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	28-05-95	03042	03042	03042	03 08	2		6.50	5.00	6.00	17.50	18.00	
13	D1	SPHD115290	Vũ Thị Như Quỳnh	Nữ	29-03-95	12022	12022	12022	12 03	1		5.50	3.00	6.00	14.50	16.00	
14	D1	SPHD115291	Phạm Thanh Sơn	Nam	31-08-94	27012	27012	27012	27 01	2	04	4.50	3.00	6.00	13.50	16.00	
15	D1	SPHD115304	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	08-11-95	12011	12011	12011	12 01	2		5.75	5.00	6.00	16.75	17.50	
16	D1	SPHD115310	Hoàng Thị Thu Uyên	Nữ	18-09-95	1B185	1B185	1B185	1B 18	2NT		6.75	3.00	6.50	16.25	17.50	

Danh sách này có 70 thí sinh.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2013
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH